PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 22/2013/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2013*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH TUYÊN QUANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2013/TT-BTNMT ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Tuyên Quang được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Tuyên Quang được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Tuyên Quang và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH TUYÊN QUANG

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Tuyên Quang gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện
1	Thành phố Tuyên Quang
2	Huyện Chiêm Hóa
3	Huyện Hàm Yên
4	Huyện Lâm Bình
5	Huyện Na Hang
6	Huyện Sơn Dương
7	Huyện Yên Sơn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bình Thuận	DC	P. Hưng Thành	TP. Tuyên Quang	21° 47' 43"	105° 12' 09"					F-48-55-A
suối Chả	TV	P. Hưng Thành	TP. Tuyên Quang			21° 47' 21"	105° 11' 27"	21° 48' 42"	105° 12' 35"	F-48-55-A
Chợ Mận	DC	P. Hưng Thành	TP. Tuyên Quang	21° 48' 22"	105° 12' 26"					F-48-55-A
Đông Sơn	DC	P. Hưng Thành	TP. Tuyên Quang	21° 48' 09"	105° 11' 57"					F-48-55-A
Kiều Thành	DC	P. Hưng Thành	TP. Tuyên Quang	21° 48' 39"	105° 12' 20"					F-48-55-A
Phú Hưng	DC	P. Hưng Thành	TP. Tuyên Quang	21° 48' 19"	105° 12' 41"					F-48-55-A
Soi Tình Húc	DC	P. Hưng Thành	TP. Tuyên Quang	21° 48' 16"	105° 12' 56"					F-48-55-A
tổ 1	DC	P. Nông Tiến	TP. Tuyên Quang	21° 49' 31"	105° 13' 39"					F-48-55-A
tổ 5	DC	P. Nông Tiến	TP. Tuyên Quang	21° 49' 11"	105° 13' 21"					F-48-55-A
tổ 13	DC	P. Nông Tiến	TP. Tuyên Quang	21° 48' 22"	105° 13' 27"					F-48-55-A
tổ 15	DC	P. Nông Tiến	TP. Tuyên Quang	21° 48' 53"	105° 13' 19"					F-48-55-A
tổ 17	DC	P. Nông Tiến	TP. Tuyên Quang	21° 49' 01"	105° 14' 03"					F-48-55-A
núi Dùm	SV	P. Nông Tiến	TP. Tuyên Quang	21° 50' 26"	105° 14' 13"					F-48-55-A
cầu Nông Tiến	KX	P. Nông Tiến	TP. Tuyên Quang	21° 49' 03"	105° 13' 02"					F-48-55-A
tổ 1	DC	P. Tân Hà	TP. Tuyên Quang	21° 50' 36"	105° 11' 22"					F-48-55-A
tổ 2	DC	P. Tân Hà	TP. Tuyên Quang	21° 50' 23"	105° 11' 36"					F-48-55-A
tổ 3	DC	P. Tân Hà	TP. Tuyên Quang	21° 50' 07"	105° 11' 19"					F-48-55-A
tổ 4	DC	P. Tân Hà	TP. Tuyên Quang	21° 50' 02"	105° 11' 33"					F-48-55-A
tổ 5	DC	P. Tân Hà	TP. Tuyên Quang	21° 50' 08"	105° 11' 58"					F-48-55-A
tổ 6	DC	P. Tân Hà	TP. Tuyên Quang	21° 49' 59"	105° 11' 39"					F-48-55-A
tổ 17	DC	P. Tân Hà	TP. Tuyên Quang	21° 49' 50"	105° 11' 44"					F-48-55-A
tổ 18	DC	P. Tân Hà	TP. Tuyên Quang	21° 49' 58"	105° 11' 55"					F-48-55-A
tổ 25	DC	P. Tân Hà	TP. Tuyên Quang	21° 49' 35"	105° 11' 13"					F-48-55-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 28	DC	P. Tân Hà	TP. Tuyên Quang	21° 49' 40"	105° 10' 58"					F-48-55-A
Làng Đồng	DC	P. Ỷ La	TP. Tuyên Quang	21° 49' 06"	105° 10' 40"					F-48-55-A
Làng Tân	DC	P. Ỷ La	TP. Tuyên Quang	21° 49' 10"	105° 11' 04"					F-48-55-A
Tiên Lũng	DC	P. Ỷ La	TP. Tuyên Quang	21° 48' 46"	105° 11' 01"					F-48-55-A
thôn An Lộc A	DC	xã An Khang	TP. Tuyên Quang	21° 46' 17"	105° 15' 06"					F-48-55-B-c
thôn An Lộc B	DC	xã An Khang	TP. Tuyên Quang	21° 45' 54"	105° 14' 44"					F-48-55-A
thôn An Phúc	DC	xã An Khang	TP. Tuyên Quang	21° 45' 36"	105° 15' 07"					F-48-55-B-c
thôn Bình Ca	DC	xã An Khang	TP. Tuyên Quang	21° 46' 45"	105° 14' 43"					F-48-55-A
thôn Phúc Lộc	DC	xã An Khang	TP. Tuyên Quang	21° 47' 03"	105° 15' 36"					F-48-55-B-c
đò Ruộc	KX	xã An Khang	TP. Tuyên Quang	21° 46' 06"	105° 15' 14"					F-48-55-B-c
thôn Tân Thành	DC	xã An Khang	TP. Tuyên Quang	21° 46' 35"	105° 17' 05"					F-48-55-B-c
thôn Thúc Thủy	DC	xã An Khang	TP. Tuyên Quang	21° 47' 11"	105° 14' 50"					F-48-55-A
thôn Thuý An	DC	xã An Khang	TP. Tuyên Quang	21° 46' 18"	105° 14' 43"					F-48-55-A
thôn Trường Thi	DC	xã An Khang	TP. Tuyên Quang	21° 48' 11"	105° 14' 18"					F-48-55-A
thôn An Hòa	DC	xã An Tường	TP. Tuyên Quang	21° 47' 50"	105° 12' 32"					F-48-55-A
thôn Sông Lô	DC	xã An Tường	TP. Tuyên Quang	21° 47' 07"	105° 12' 57"					F-48-55-A
thôn Sông Lô 8	DC	xã An Tường	TP. Tuyên Quang	21° 46' 28"	105° 12' 00"					F-48-55-A
thôn Thăng Long	DC	xã An Tường	TP. Tuyên Quang	21° 45' 51"	105° 12' 11"					F-48-55-A
thôn Tiến Vũ	DC	xã An Tường	TP. Tuyên Quang	21° 47' 20"	105° 12' 00"					F-48-55-A
thôn Trung Việt	DC	xã An Tường	TP. Tuyên Quang	21° 47' 25"	105° 12' 43"					F-48-55-A
thôn Yên Phú	DC	xã An Tường	TP. Tuyên Quang	21° 46' 38"	105° 12' 17"					F-48-55-A
thôn 2	DC	xã Đội Cấn	TP. Tuyên Quang	21° 42' 11"	105° 13' 12"					F-48-55-C-b
quốc lộ 2	KX	xã Đội Cấn	TP. Tuyên Quang			21° 42' 06"	105° 13' 13"	21° 43' 52"	105° 13' 43"	F-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 11	DC	xã Đội Cấn	TP. Tuyên Quang	21° 44' 06"	105° 12' 18"					F-48-55-C-b
thôn 18	DC	xã Đội Cấn	TP. Tuyên Quang	21° 42' 38"	105° 13' 35"					F-48-55-C-b
thôn Cây Khế	DC	xã Đội Cấn	TP. Tuyên Quang	21° 43' 00"	105° 13' 50"					F-48-55-C-b
thôn Khe Cua	DC	xã Đội Cấn	TP. Tuyên Quang	21° 43' 09"	105° 14' 25"					F-48-55-C-b
thôn Khe Soan	DC	xã Đội Cấn	TP. Tuyên Quang	21° 43' 43"	105° 14' 36"					F-48-55-C-b
thôn Kỳ Lãm	DC	xã Đội Cấn	TP. Tuyên Quang	21° 43' 24"	105° 12' 51"					F-48-55-C-b
cầu Kỳ Lãm	KX	xã Đội Cấn	TP. Tuyên Quang	21° 43' 33"	105° 13' 41"					F-48-55-C-b
thôn Xá Ngoại	DC	xã Đội Cấn	TP. Tuyên Quang	21° 43' 31"	105° 15' 44"					F-48-55-D-a
thôn Xá Nội	DC	xã Đội Cấn	TP. Tuyên Quang	21° 43' 28"	105° 14' 56"					F-48-55-C-b
thôn Bình Điền	DC	xã Lưỡng Vượng	TP. Tuyên Quang	21° 46' 32"	105° 13' 33"					F-48-55-A
thôn Cầu Đá	DC	xã Lưỡng Vượng	TP. Tuyên Quang	21° 45' 49"	105° 12' 31"					F-48-55-A
thôn Chè 6	DC	xã Lưỡng Vượng	TP. Tuyên Quang	21° 46' 11"	105° 13' 19"					F-48-55-A
thôn Cổ Ngựa	DC	xã Lưỡng Vượng	TP. Tuyên Quang	21° 47' 27"	105° 14' 11"					F-48-55-A
thôn Hợp Hòa	DC	xã Lưỡng Vượng	TP. Tuyên Quang	21° 46' 54"	105° 13' 55"					F-48-55-A
thôn Liên Thịnh	DC	xã Lưỡng Vượng	TP. Tuyên Quang	21° 46' 09"	105° 12' 47"					F-48-55-A
thôn Phó Bể	DC	xã Lưỡng Vượng	TP. Tuyên Quang	21° 45' 45"	105° 13' 12"					F-48-55-A
thôn Song Lĩnh	DC	xã Lưỡng Vượng	TP. Tuyên Quang	21° 45' 33"	105° 12' 48"					F-48-55-A
thôn Viên Châu	DC	xã Lưỡng Vượng	TP. Tuyên Quang	21° 47' 28"	105° 13' 50"					F-48-55-A
quốc lộ 2	KX	xã Thái Long	TP. Tuyên Quang			21° 43' 52"	105° 13' 43"	21° 45' 19"	105° 13' 26"	F-48-55-C-b
cầu An Hòa	KX	xã Thái Long	TP. Tuyên Quang	21° 44' 11"	105° 16' 09"					F-48-55-D-a
đồi Cây Đa	SV	xã Thái Long	TP. Tuyên Quang	21° 44' 13"	105° 13' 24"					F-48-55-C-b
thôn Đồng Mon	DC	xã Thái Long	TP. Tuyên Quang	21° 43' 55"	105° 13' 41"					F-48-55-C-b
thôn Hải Thành	DC	xã Thái Long	TP. Tuyên Quang	21° 44' 52"	105° 14' 27"					F-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hòa Bình	DC	xã Thái Long	TP. Tuyên Quang	21° 44' 33"	105° 15' 43"					F-48-55-D-a
thôn Hòa Mục	DC	xã Thái Long	TP. Tuyên Quang	21° 45' 05"	105° 15' 05"					F-48-55-B-c
suối Kỳ Lãm	TV	xã Thái Long	TP. Tuyên Quang			21° 44' 40"	105° 14' 41"	21° 43' 17"	105° 16' 06"	F-48-55-D-a, F-48-55-C-b
sông Lô	TV	xã Thái Long	TP. Tuyên Quang			21° 45' 04"	105° 15' 41"	21° 43' 16"	105° 16' 11"	F-48-55-D-a, F-48-55-B-c
thôn Phú An	DC	xã Thái Long	TP. Tuyên Quang	21° 44' 22"	105° 13' 51"					F-48-55-C-b
đồi Tai Mèo	SV	xã Thái Long	TP. Tuyên Quang	21° 44' 41"	105° 12' 42"					F-48-55-C-b
thôn Tân Thành	DC	xã Thái Long	TP. Tuyên Quang	21° 44' 54"	105° 13' 51"					F-48-55-C-b
núi Thần	SV	xã Thái Long	TP. Tuyên Quang	21° 44' 37"	105° 13' 09"					F-48-55-C-b
xóm 1	DC	xã Tràng Đà	TP. Tuyên Quang	21° 51' 46"	105° 12' 53"					F-48-55-A
xóm 2	DC	xã Tràng Đà	TP. Tuyên Quang	21° 51' 35"	105° 13' 00"					F-48-55-A
xóm 3	DC	xã Tràng Đà	TP. Tuyên Quang	21° 51' 22"	105° 12' 52"					F-48-55-A
xóm 4	DC	xã Tràng Đà	TP. Tuyên Quang	21° 51' 11"	105° 12' 35"					F-48-55-A
xóm 5	DC	xã Tràng Đà	TP. Tuyên Quang	21° 50' 59"	105° 12' 30"					F-48-55-A
xóm 6	DC	xã Tràng Đà	TP. Tuyên Quang	21° 50' 43"	105° 12' 17"					F-48-55-A
xóm 8	DC	xã Tràng Đà	TP. Tuyên Quang	21° 50' 15"	105° 12' 35"					F-48-55-A
xóm 10	DC	xã Tràng Đà	TP. Tuyên Quang	21° 50' 20"	105° 12' 22"					F-48-55-A
xóm 11	DC	xã Tràng Đà	TP. Tuyên Quang	21° 50' 06"	105° 12' 45"					F-48-55-A
Công ty Lâm nghiệp Tuyên Bình	KX	xã Tràng Đà	TP. Tuyên Quang	21° 50' 55"	105° 12' 38"					F-48-55-A
cầu Chiêm Hóa	KX	TT. Vĩnh Lộc	H. Chiêm Hóa	22° 09' 01"	105° 16' 15"					F-48-43-D
khuổi Giác	TV	TT. Vĩnh Lộc	H. Chiêm Hóa			22° 09' 28"	105° 15' 46"	22° 09' 03"	105° 16' 20"	F-48-43-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Phố Mới	DC	TT. Vĩnh Lộc	H. Chiêm Hóa	22° 08' 39"	105° 16' 05"					F-48-43-D
tổ nhân dân Phúc Hương 1	DC	TT. Vĩnh Lộc	H. Chiêm Hóa	22° 09' 19"	105° 16' 09"					F-48-43-D
tổ nhân dân Phúc Hương 2	DC	TT. Vĩnh Lộc	H. Chiêm Hóa	22° 09' 32"	105° 15' 53"					F-48-43-D
tổ nhân dân Quảng Thái	DC	TT. Vĩnh Lộc	H. Chiêm Hóa	22° 09' 36"	105° 16' 37"					F-48-43-D
Soi Gà	DC	TT. Vĩnh Lộc	H. Chiêm Hóa	22° 08' 55"	105° 16' 13"					F-48-43-D
tổ nhân dân Vĩnh Lợi	DC	TT. Vĩnh Lộc	H. Chiêm Hóa	22° 09' 10"	105° 16' 08"					F-48-43-D
tổ nhân dân Vĩnh Phúc	DC	TT. Vĩnh Lộc	H. Chiêm Hóa	22° 09' 16"	105° 16' 20"					F-48-43-D
thôn Bình Tiến	DC	xã Bình Nhân	H. Chiêm Hóa	22° 03' 07"	105° 16' 27"					F-48-43-D
thôn Chang	DC	xã Bình Nhân	H. Chiêm Hóa	22° 03' 10"	105° 18' 20"					F-48-43-D
thôn Đồng Nự	DC	xã Bình Nhân	H. Chiêm Hóa	22° 02' 08"	105° 15' 33"					F-48-43-D
thôn Đồng Quắc	DC	xã Bình Nhân	H. Chiêm Hóa	22° 02' 16"	105° 17' 25"					F-48-43-D
sông Gâm	TV	xã Bình Nhân	H. Chiêm Hóa			22° 03' 57"	105° 17' 09"	22° 01' 14"	105° 15' 19"	F-48-43-D
thôn Kéo Cam	DC	xã Bình Nhân	H. Chiêm Hóa	22° 03' 38"	105° 16' 49"					F-48-43-D
suối Kéo Cam	TV	xã Bình Nhân	H. Chiêm Hóa			22° 02' 50"	105° 18' 43"	22° 03' 49"	105° 16' 51"	F-48-43-D
suối Khuổi Hang	TV	xã Bình Nhân	H. Chiêm Hóa			22° 02' 16"	105° 18' 04"	22° 03' 49"	105° 16' 51"	F-48-43-D
suối Khuổi Quắc	TV	xã Bình Nhân	H. Chiêm Hóa			22° 01' 48"	105° 17' 46"	22° 02' 20"	105° 15' 36"	F-48-43-D
thôn Lung Lù	DC	xã Bình Nhân	H. Chiêm Hóa	22° 03' 34"	105° 17' 42"					F-48-43-D
thôn Lung Puốc	DC	xã Bình Nhân	H. Chiêm Hóa	22° 02' 31"	105° 17' 56"					F-48-43-D
Nà Hát	DC	xã Bình Nhân	H. Chiêm Hóa	22° 03' 14"	105° 17' 24"					F-48-43-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Nà Khá	DC	xã Bình Nhân	H. Chiêm Hóa	22° 02' 56"	105° 17' 37"					F-48-43-D
thôn Tân Lập	DC	xã Bình Nhân	H. Chiêm Hóa	22° 02' 08"	105° 16' 06"					F-48-43-D
Tổng Dân	DC	xã Bình Nhân	H. Chiêm Hóa	22° 01' 30"	105° 15' 34"					F-48-43-D
thôn Bản Chang	DC	xã Bình Phú	H. Chiêm Hóa	22° 11' 15"	105° 24' 44"					F-48-43-D
thôn Bản Khản	DC	xã Bình Phú	H. Chiêm Hóa	22° 11' 05"	105° 25' 29"					F-48-43-D
thôn Bản Lếch	DC	xã Bình Phú	H. Chiêm Hóa	22° 11' 43"	105° 24' 49"					F-48-43-D
thôn Bản Man	DC	xã Bình Phú	H. Chiêm Hóa	22° 11' 43"	105° 25' 54"					F-48-43-D
thôn Khau Hán	DC	xã Bình Phú	H. Chiêm Hóa	22° 09' 51"	105° 26' 28"					F-48-43-D
thôn Lung Lừa	DC	xã Bình Phú	H. Chiêm Hóa	22° 11' 18"	105° 26' 22"					F-48-43-D
suối Màn	TV	xã Bình Phú	H. Chiêm Hóa			22° 11' 03"	105° 27' 22"	22° 11' 30"	105° 25' 56"	F-48-43-D
thôn Nà Vài	DC	xã Bình Phú	H. Chiêm Hóa	22° 12' 18"	105° 24' 00"					F-48-43-D
thôn Phú Linh	DC	xã Bình Phú	H. Chiêm Hóa	22° 09' 52"	105° 25' 22"					F-48-43-D
khuổi Hiệp	TV	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa			22° 12' 22"	105° 07' 40"	22° 16' 13"	105° 08' 50"	F-48-43-C
khuổi Quân	TV	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa			22° 15' 40"	105° 07' 16"	22° 16' 39"	105° 07' 22"	F-48-43-A
khuổi Ràng	TV	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa			22° 16' 01"	105° 06' 32"	22° 16' 56"	105° 07' 31"	F-48-43-A
suối Ba	TV	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa			22° 17' 24"	105° 06' 42"	22° 16' 13"	105° 08' 50"	F-48-43-A
thôn Chuông	DC	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa	22° 17' 03"	105° 07' 55"					F-48-43-A
thôn Cuôn	DC	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa	22° 16' 44"	105° 07' 29"					F-48-43-A
thôn Hiệp	DC	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa	22° 14' 02"	105° 08' 02"					F-48-43-C
suối Hiệp	TV	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa			22° 13' 52"	105° 08' 32"	22° 14' 28"	105° 08' 18"	F-48-43-C
núi Khau Coóng	SV	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa	22° 16' 31"	105° 06' 17"					F-48-43-A
núi Khau Piết	SV	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa	22° 15' 58"	105° 08' 08"					F-48-43-A
núi Khau Sảng	SV	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa	22° 14' 16"	105° 06' 22"					F-48-43-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khuổi Muồi	TV	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa			22° 11' 25"	105° 08' 28"	22° 12' 22"	105° 07' 40"	F-48-43-C
Khuổi Thung	DC	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa	22° 15' 28"	105° 09' 42"					F-48-43-A
suối Khuổi Thung	TV	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa			22° 13' 52"	105° 09' 31"	22° 14' 50"	105° 10' 14"	F-48-43-C
suối Làng Hiệp	TV	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa			22° 11' 32"	105° 06' 51"	22° 12' 22"	105° 07' 40"	F-48-43-C
thôn Nà Khán	DC	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa	22° 16' 24"	105° 08' 31"					F-48-43-A
thôn Nà Khau	DC	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa	22° 16' 47"	105° 06' 57"					F-48-43-A
thôn Nặm Bún	DC	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa	22° 15' 20"	105° 07' 59"					F-48-43-A
suối Nặm Bún	TV	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa			22° 13' 08"	105° 05' 20"	22° 16' 01"	105° 06' 32"	F-48-43-C
thôn Phia Xeng	DC	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa	22° 14' 33"	105° 08' 26"					F-48-43-C
núi Pù Loan	SV	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa	22° 11' 05"	105° 07' 47"					F-48-43-C
thôn Tho	DC	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa	22° 15' 49"	105° 09' 20"					F-48-43-A
núi Trạm Chu	SV	xã Hà Lang	H. Chiêm Hóa	22° 13' 38"	105° 04' 21"					F-48-43-C
thôn Bó Mạ	DC	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa	22° 05' 56"	105° 15' 03"					F-48-43-D
thôn Chắng Hạ	DC	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa	22° 05' 43"	105° 14' 32"					F-48-43-C
thôn Chắng Thượng	DC	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa	22° 06' 17"	105° 14' 51"					F-48-43-C
thôn Khuân Đích	DC	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa	22° 04' 37"	105° 15' 23"					F-48-43-D
thôn Khuân Nhì	DC	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa	22° 04' 01"	105° 15' 50"					F-48-43-D
thôn Làng Chang	DC	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa	22° 05' 43"	105° 15' 50"					F-48-43-D
thôn Lăng Hối	DC	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa	22° 06' 43"	105° 14' 00"					F-48-43-C
thôn Làng Mới	DC	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa	22° 05' 00"	105° 14' 38"					F-48-43-C
suối Linh	TV	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa			22° 07' 09"	105° 13' 11"	22° 05' 31"	105° 14' 50"	F-48-43-C
thôn Nà Đinh	DC	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa	22° 04' 44"	105° 16' 17"					F-48-43-D
thôn Nà Lừa	DC	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa	22° 06' 05"	105° 13' 47"					F-48-43-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Luông	DC	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa	22° 04' 50"	105° 15' 42"					F-48-43-D
thôn Pá Cuồng	DC	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa	22° 06' 26"	105° 13' 38"					F-48-43-C
thôn Pá Tao Hạ	DC	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa	22° 06' 47"	105° 13' 20"					F-48-43-C
thôn Pá Tao Thượng	DC	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa	22° 07' 03"	105° 13' 26"					F-48-43-C
thôn Tông Muông	DC	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa	22° 05' 35"	105° 14' 13"					F-48-43-C
thôn Tông Nhạu	DC	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa	22° 05' 09"	105° 14' 33"					F-48-43-C
thôn Tông Xoong	DC	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa	22° 04' 34"	105° 16' 12"					F-48-43-D
thôn Trung Tâm	DC	xã Hòa An	H. Chiêm Hóa	22° 05' 07"	105° 15' 19"					F-48-43-D
Búc Bé	DC	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa	22° 05' 37"	105° 10' 30"					F-48-43-C
thôn Càng Nộc	DC	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa	22° 06' 16"	105° 10' 51"					F-48-43-C
thôn Cây La	DC	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa	22° 08' 42"	105° 10' 51"					F-48-43-C
thôn Đồng Bả	DC	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa	22° 06' 10"	105° 10' 28"					F-48-43-C
Động Luộc	DC	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa	22° 06' 08"	105° 09' 59"					F-48-43-C
thôn Đồng Mo	DC	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa	22° 06' 53"	105° 11' 01"					F-48-43-C
thôn Đồng Quán	DC	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa	22° 07' 20"	105° 10' 16"					F-48-43-C
thôn Gia Kè	DC	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa	22° 06' 31"	105° 11' 07"					F-48-43-C
thôn Khuân Hang	DC	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa	22° 07' 04"	105° 11' 14"					F-48-43-C
Khuổi Nhầu	DC	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa	22° 08' 04"	105° 08' 42"					F-48-43-C
suối Khuổi Nhầu	TV	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa			22° 10' 44"	105° 08' 02"	22° 07' 28"	105° 09' 05"	F-48-43-C
thôn Khuôn Bội	DC	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa	22° 07' 11"	105° 09' 51"					F-48-43-C
thôn Lang Chang	DC	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa	22° 07' 01"	105° 10' 37"					F-48-43-C
thôn Lăng Cuồng	DC	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa	22° 06' 31"	105° 10' 09"					F-48-43-C
thôn Lăng Khán	DC	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa	22° 05' 52"	105° 10' 14"					F-48-43-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lăng Lằm	DC	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa	22° 09' 09"	105° 10' 52"					F-48-43-C
thôn Lăng Quậy	DC	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa	22° 06' 25"	105° 11' 35"					F-48-43-C
thôn Nà Tàng	DC	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa	22° 05' 53"	105° 10' 46"					F-48-43-C
ngòi Nhọng	TV	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa			22° 07' 28"	105° 09' 05"	22° 06' 24"	105° 10' 38"	F-48-43-C
ngòi Nhung	TV	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa			22° 08' 54"	105° 10' 18"	22° 06' 24"	105° 10' 38"	F-48-43-C
thôn Tát Đam	DC	xã Hòa Phú	H. Chiêm Hóa	22° 09' 25"	105° 10' 32"					F-48-43-C
thôn Bảu	DC	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 13' 08"	105° 17' 38"					F-48-43-D
thôn Cao Bình	DC	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 15' 40"	105° 16' 48"					F-48-43-B
thôn Đình	DC	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 13' 29"	105° 17' 22"					F-48-43-D
thôn Dỗm	DC	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 13' 49"	105° 15' 33"					F-48-43-D
thôn Đóng	DC	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 12' 45"	105° 14' 46"					F-48-43-D
núi Kéo Niêng	SV	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 12' 54"	105° 17' 45"					F-48-43-D
núi Kéo Phầy	SV	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 12' 39"	105° 16' 35"					F-48-43-D
thôn Khun Thắng	DC	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 13' 14"	105° 19' 56"					F-48-43-D
suối Khuổi Luông	TV	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa			22° 14' 08"	105° 16' 01"	22° 13' 33"	105° 15' 10"	F-48-43-D
suối Lũng Dỗm	TV	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa			22° 14' 57"	105° 15' 39"	22° 13' 33"	105° 15' 10"	F-48-43-D
thôn Mũ	DC	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 13' 03"	105° 15' 39"					F-48-43-D
thôn Nà Mí	DC	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 12' 52"	105° 18' 59"					F-48-43-D
Nà Nhùng	DC	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 13' 09"	105° 15' 10"					F-48-43-D
ngòi Ngầu	TV	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa			22° 15' 00"	105° 18' 46"	22° 14' 14"	105° 20' 14"	F-48-43-D
thôn Ngầu 1	DC	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 14' 06"	105° 19' 05"					F-48-43-D
thôn Ngầu 2	DC	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 13' 49"	105° 18' 28"					F-48-43-D
thôn Nghe	DC	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 13' 06"	105° 19' 01"					F-48-43-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Pác Hun	DC	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 12' 40"	105° 14' 11"					F-48-43-C
núi Pù Tát	SV	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 12' 31"	105° 18' 35"					F-48-43-D
ngòi Quãng	TV	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa			22° 12' 09"	105° 14' 01"	22° 12' 02"	105° 14' 56"	F-48-43-C
thôn Rõm	DC	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 13' 31"	105° 18' 44"					F-48-43-D
núi Tam Chảu	SV	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 15' 28"	105° 18' 22"					F-48-43-B
thôn Thắm	DC	xã Hùng Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 13' 04"	105° 16' 52"					F-48-43-D
thôn Bản Tai	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 07' 54"	105° 24' 48"					F-48-43-D
suối Bản Thi	TV	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa			22° 09' 40"	105° 25' 22"	22° 09' 40"	105° 23' 46"	F-48-43-D
thôn Bản Vả	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 08' 19"	105° 24' 46"					F-48-43-D
Bó Cút	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 04' 59"	105° 26' 06"					F-48-43-D
thôn Chuối Chỉa	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 09' 14"	105° 27' 43"					F-48-43-D
Cốc Coóc	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 06' 55"	105° 25' 11"					F-48-43-D
thôn Khun Cúc	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 06' 22"	105° 26' 48"					F-48-43-D
Khun Loeng	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 06' 49"	105° 25' 47"					F-48-43-D
thôn Khun Mạ	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 06' 38"	105° 24' 50"					F-48-43-D
suối Khun Mạ	TV	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa			22° 05' 55"	105° 23' 43"	22° 07' 04"	105° 25' 16"	F-48-43-D
thôn Khun Miềng	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 05' 05"	105° 26' 54"					F-48-43-D
Khun Nghiền	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 07' 35"	105° 24' 50"					F-48-43-D
Khun Pục	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 05' 29"	105° 26' 25"					F-48-43-D
thôn Khun Vìn	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 06' 17"	105° 26' 30"					F-48-43-D
suối Kiên Đài	TV	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa			22° 07' 04"	105° 25' 16"	22° 09' 24"	105° 24' 10"	F-48-43-D
thôn Nà Chám	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 08' 38"	105° 24' 33"					F-48-43-D
thôn Nà Khà	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 08' 02"	105° 27' 37"					F-48-43-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Nà Làng	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 05' 40"	105° 26' 27"					F-48-43-D
Nà Măn	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 07' 36"	105° 25' 13"					F-48-43-D
Nà Vươn	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 05' 55"	105° 26' 34"					F-48-43-D
Pác Cáp	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 09' 16"	105° 24' 05"					F-48-43-D
Pắc Tào	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 04' 58"	105° 26' 31"					F-48-43-D
núi Pù Mi	SV	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 06' 01"	105° 23' 22"					F-48-43-D
Thẳm Lẩu	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 05' 19"	105° 26' 25"					F-48-43-D
Tông Mỹ	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 06' 38"	105° 26' 20"					F-48-43-D
Tông Quản	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 06' 03"	105° 26' 48"					F-48-43-D
suối Trám	TV	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa			22° 09' 49"	105° 27' 32"	22° 08' 36"	105° 24' 27"	F-48-43-D
Vằng Hin	DC	xã Kiên Đài	H. Chiêm Hóa	22° 05' 07"	105° 26' 20"					F-48-43-D
suối Bó	TV	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa			22° 03' 59"	105° 19' 18"	22° 04' 19"	105° 19' 55"	F-48-43-D
thôn Bó Củng	DC	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa	22° 04' 23"	105° 20' 04"					F-48-43-D
khuổi Coóc	TV	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa			22° 07' 51"	105° 18' 59"	22° 05' 57"	105° 19' 09"	F-48-43-D
thôn Đèo Lang	DC	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa	22° 07' 16"	105° 18' 57"					F-48-43-D
thôn Đèo Nàng	DC	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa	22° 03' 19"	105° 20' 26"					F-48-43-D
Đồng Chùa	DC	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa	22° 05' 45"	105° 19' 28"					F-48-43-D
thôn Đồng Cột	DC	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa	22° 05' 34"	105° 19' 56"					F-48-43-D
thôn Đồng Ẻn	DC	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa	22° 05' 37"	105° 19' 39"					F-48-43-D
thôn Khuân Nhự	DC	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa	22° 03' 57"	105° 19' 49"					F-48-43-D
thôn Khuổi Chán	DC	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa	22° 06' 04"	105° 20' 24"					F-48-43-D
suối Khuổi Chán	TV	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa			22° 06' 17"	105° 20' 40"	22° 05' 54"	105° 19' 35"	F-48-43-D
suối Khuổi Pu	TV	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa			22° 08' 01"	105° 20' 32"	22° 07' 19"	105° 19' 46"	F-48-43-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khuôn Hút	DC	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa	22° 03' 25"	105° 19' 47"					F-48-43-D
thôn Nà Loáng	DC	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa	22° 04' 03"	105° 20' 04"					F-48-43-D
Nà Pài	DC	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa	22° 07' 05"	105° 20' 20"					F-48-43-D
thôn Pác Chài	DC	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa	22° 06' 07"	105° 19' 26"					F-48-43-D
thôn Pác Kéo	DC	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa	22° 05' 58"	105° 19' 56"					F-48-43-D
ngòi Phú An	TV	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa			22° 02' 51"	105° 19' 39"	22° 04' 19"	105° 19' 55"	F-48-43-D
thôn Tông Bốc	DC	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa	22° 06' 57"	105° 19' 38"					F-48-43-D
thôn Tông Đình	DC	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa	22° 07' 55"	105° 20' 06"					F-48-43-D
Trai Keo	DC	xã Kim Bình	H. Chiêm Hóa	22° 05' 07"	105° 19' 59"					F-48-43-D
khuổi Chan	TV	xã Linh Phú	H. Chiêm Hóa			22° 04' 17"	105° 27' 09"	22° 02' 53"	105° 27' 22"	F-48-43-D
suối Cổ Linh	TV	xã Linh Phú	H. Chiêm Hóa			22° 00' 59"	105° 25' 39"	22° 02' 16"	105° 23' 31"	F-48-43-D
khuổi Hóp	TV	xã Linh Phú	H. Chiêm Hóa			21° 59' 55"	105° 28' 51"	22° 01' 39"	105° 27' 36"	F-48-43-D
núi Khao Da	SV	xã Linh Phú	H. Chiêm Hóa	21° 58' 48"	105° 27' 45"					F-48-55-B
thôn Khuổi Hóp	DC	xã Linh Phú	H. Chiêm Hóa	22° 01' 00"	105° 28' 07"					F-48-43-D
khuổi Lan	TV	xã Linh Phú	H. Chiêm Hóa			22° 00' 31"	105° 27' 33"	22° 01' 03"	105° 26' 52"	F-48-43-D
khuổi Làng	TV	xã Linh Phú	H. Chiêm Hóa			22° 03' 42"	105° 27' 50"	22° 02' 53"	105° 27' 22"	F-48-43-D
thôn Mã Lương	DC	xã Linh Phú	H. Chiêm Hóa	22° 01' 45"	105° 24' 07"					F-48-43-D
thôn Nà Luông	DC	xã Linh Phú	H. Chiêm Hóa	22° 02' 46"	105° 27' 51"					F-48-43-D
thôn Pác Hóp	DC	xã Linh Phú	H. Chiêm Hóa	22° 01' 39"	105° 27' 43"					F-48-43-D
đường tỉnh 188	KX	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa			22° 20' 51"	105° 10' 39"	22° 19' 13"	105° 11' 44"	F-48-43-A
núi Bàn Cờ	SV	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 20' 25"	105° 11' 04"					F-48-43-A
thôn Bản Đồn	DC	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 20' 57"	105° 08' 15"					F-48-43-A
thôn Bản Têm	DC	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 19' 01"	105° 10' 19"					F-48-43-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bình Minh 3	DC	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 20' 24"	105° 10' 33"					F-48-43-A
đèo Bụt	SV	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 20' 52"	105° 07' 39"					F-48-43-A
thôn Đon Mệnh	DC	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 21' 42"	105° 08' 29"					F-48-43-A
Khau Téo	DC	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 20' 44"	105° 10' 29"					F-48-43-A
Làng Bài	DC	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 19' 46"	105° 10' 56"					F-48-43-A
Làng Cuống	DC	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 20' 32"	105° 10' 04"					F-48-43-A
thôn Nà Han	DC	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 20' 32"	105° 09' 00"					F-48-43-A
Nà Lính	DC	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 19' 32"	105° 11' 06"					F-48-43-A
thôn Nà Mè	DC	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 19' 59"	105° 10' 00"					F-48-43-A
Nà Thài	DC	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 20' 14"	105° 09' 57"					F-48-43-A
thôn Nà Tơng	DC	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 18' 53"	105° 11' 07"					F-48-43-A
thôn Nặm Tặc	DC	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 20' 46"	105° 07' 23"					F-48-43-A
Ngọc Minh	DC	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 21' 39"	105° 07' 52"					F-48-43-A
Pắc Khộp	DC	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 20' 03"	105° 10' 31"					F-48-43-A
Phiêng Lang	DC	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 20' 43"	105° 08' 23"					F-48-43-A
núi Pia Nàng	SV	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 21' 19"	105° 09' 11"					F-48-43-A
thôn Pù Đồn	DC	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 19' 41"	105° 10' 13"					F-48-43-A
suối Ta Nà Mạ	TV	xã Minh Quang	H. Chiêm Hóa			22° 20' 58"	105° 10' 26"	22° 18' 59"	105° 11' 04"	F-48-43-A
đường tỉnh 190	KX	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa			22° 12' 34"	105° 19' 40"	22° 08' 53"	105° 16' 44"	F-48-43-D
Ba Luồng	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 11' 06"	105° 18' 30"					F-48-43-D
thôn Bắc Ngoã	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 12' 14"	105° 19' 45"					F-48-43-D
thôn Bản Cải	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 08' 45"	105° 17' 50"					F-48-43-D
thôn Bản Đâng	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 09' 32"	105° 18' 29"					F-48-43-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Mèo	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 09' 23"	105° 18' 13"					F-48-43-D
Đại Long	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 09' 13"	105° 17' 57"					F-48-43-D
thôn Đầm Hồng 3	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 11' 28"	105° 19' 13"					F-48-43-D
thôn Đấm Hồng 1	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 10' 50"	105° 18' 32"					F-48-43-D
thôn Đầm Hồng 2	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 11' 22"	105° 18' 42"					F-48-43-D
thôn Đầm Hồng 4	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 11' 19"	105° 19' 32"					F-48-43-D
thôn Đầm Hồng 5	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 11' 26"	105° 19' 53"					F-48-43-D
thôn Đầm Hồng 6	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 11' 38"	105° 19' 43"					F-48-43-D
sông Gâm	TV	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa			22° 12' 34"	105° 19' 37"	22° 08' 57"	105° 16' 42"	F-48-43-D
thôn Khun Cang	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 08' 02"	105° 18' 00"					F-48-43-D
thôn Khun Phục	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 10' 41"	105° 19' 00"					F-48-43-D
thôn Kim Ngọc	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 09' 13"	105° 19' 41"					F-48-43-D
thôn Minh An	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 10' 09"	105° 18' 08"					F-48-43-D
thôn Nà Bây	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 09' 06"	105° 17' 32"					F-48-43-D
Nà Mỏ	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 08' 27"	105° 18' 36"					F-48-43-D
thôn Nà Ngà	DC	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa	22° 09' 09"	105° 17' 14"					F-48-43-D
ngòi Ún	TV	xã Ngọc Hội	H. Chiêm Hóa			22° 07' 26"	105° 17' 51"	22° 08' 08"	105° 16' 29"	F-48-43-D
thôn Ba Hai	DC	xã Nhân Lý	H. Chiêm Hóa	22° 04' 10"	105° 14' 24"					F-48-43-C
thôn Ba Một	DC	xã Nhân Lý	H. Chiêm Hóa	22° 04' 20"	105° 14' 24"					F-48-43-C
thôn Chản	DC	xã Nhân Lý	H. Chiêm Hóa	22° 01' 34"	105° 15' 13"					F-48-43-D
thôn Đầu Cầu	DC	xã Nhân Lý	H. Chiêm Hóa	22° 04' 18"	105° 13' 35"					F-48-43-C
thôn Điểng	DC	xã Nhân Lý	H. Chiêm Hóa	22° 03' 55"	105° 14' 30"					F-48-43-C
thôn Đồng Cọ	DC	xã Nhân Lý	H. Chiêm Hóa	22° 04' 50"	105° 14' 04"					F-48-43-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Gốc Chú	DC	xã Nhân Lý	H. Chiêm Hóa	22° 05' 09"	105° 13' 25"					F-48-43-C
thôn Hạ Đồng	DC	xã Nhân Lý	H. Chiêm Hóa	22° 03' 05"	105° 16' 07"					F-48-43-D
núi Hang Hùm	SV	xã Nhân Lý	H. Chiêm Hóa	22° 03' 53"	105° 16' 14"					F-48-43-D
thôn Khuân Nhất	DC	xã Nhân Lý	H. Chiêm Hóa	22° 03' 29"	105° 16' 30"					F-48-43-D
thôn Bó Bủn	DC	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa	22° 07' 26"	105° 22' 07"					F-48-43-D
thôn Bó Héo	DC	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa	22° 09' 46"	105° 20' 54"					F-48-43-D
suối Bon	TV	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa			22° 09' 06"	105° 21' 38"	22° 09' 45"	105° 20' 57"	F-48-43-D
thôn Đoàn Kết	DC	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa	22° 11' 54"	105° 20' 56"					F-48-43-D
nậm Hép	TV	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa			22° 10' 34"	105° 20' 56"	22° 12' 05"	105° 21' 18"	F-48-43-D
thôn Ho 1	DC	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa	22° 10' 39"	105° 22' 22"					F-48-43-D
thôn Ho 2	DC	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa	22° 10' 37"	105° 22' 41"					F-48-43-D
Khun Húng	DC	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa	22° 08' 13"	105° 22' 25"					F-48-43-D
thôn Khun Trại	DC	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa	22° 09' 52"	105° 20' 01"					F-48-43-D
thôn Khun Vai	DC	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa	22° 09' 19"	105° 20' 49"					F-48-43-D
Khuôn Tại	DC	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa	22° 10' 43"	105° 19' 36"					F-48-43-D
suối Làng Ho	TV	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa			22° 09' 40"	105° 23' 46"	22° 11' 36"	105° 22' 00"	F-48-43-D
khuổi Mi	TV	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa			22° 06' 15"	105° 23' 27"	22° 08' 04"	105° 22' 29"	F-48-43-D
Nà Khoang	DC	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa	22° 10' 36"	105° 22' 11"					F-48-43-D
thôn Nà Làng	DC	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa	22° 09' 26"	105° 21' 07"					F-48-43-D
thôn Nà Làng	DC	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa	22° 10' 15"	105° 20' 31"					F-48-43-D
thôn Nà Lung	DC	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa	22° 07' 54"	105° 22' 43"					F-48-43-D
thôn Nà Nhừ	DC	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa	22° 07' 05"	105° 23' 35"					F-48-43-D
Nà Viên	DC	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa	22° 10' 31"	105° 20' 44"					F-48-43-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tạng Khiếc	DC	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa	22° 10' 42"	105° 20' 59"					F-48-43-D
thôn Thôm Luông	DC	xã Phú Bình	H. Chiêm Hóa	22° 11' 24"	105° 21' 05"					F-48-43-D
thôn Bản Cậu	DC	xã Phúc Sơn	H. Chiêm Hóa	22° 16' 39"	105° 13' 38"					F-48-43-A
thôn Bản Chỏn	DC	xã Phúc Sơn	H. Chiêm Hóa	22° 19' 08"	105° 11' 50"					F-48-43-A
thôn Bản Chúa	DC	xã Phúc Sơn	H. Chiêm Hóa	22° 17' 58"	105° 13' 33"					F-48-43-A
thôn Bản Lai	DC	xã Phúc Sơn	H. Chiêm Hóa	22° 16' 26"	105° 13' 56"					F-48-43-A
thôn Biến	DC	xã Phúc Sơn	H. Chiêm Hóa	22° 22' 16"	105° 16' 37"					F-48-43-B
suối Bó Ngoạng	TV	xã Phúc Sơn	H. Chiêm Hóa			22° 19' 16"	105° 12' 22"	22° 19' 01"	105° 11' 39"	F-48-43-A
Bó Tùy	DC	xã Phúc Sơn	H. Chiêm Hóa	22° 16' 51"	105° 13' 54"					F-48-43-A
Búng Khít	DC	xã Phúc Sơn	H. Chiêm Hóa	22° 17' 42"	105° 13' 15"					F-48-43-A
thôn Búng Pẩu	DC	xã Phúc Sơn	H. Chiêm Hóa	22° 18' 25"	105° 12' 24"					F-48-43-A
thôn Khun Xúm	DC	xã Phúc Sơn	H. Chiêm Hóa	22° 16' 19"	105° 15' 22"					F-48-43-B
thôn Kim Minh	DC	xã Phúc Sơn	H. Chiêm Hóa	22° 16' 49"	105° 14' 34"					F-48-43-A
đèo Lai	SV	xã Phúc Sơn	H. Chiêm Hóa	22° 15' 58"	105° 13' 33"					F-48-43-A
suối Lai	TV	xã Phúc Sơn	H. Chiêm Hóa			22° 15' 50"	105° 14' 03"	22° 17' 41"	105° 13' 23"	F-48-43-A
thôn Nà Pết	DC	xã Phúc Sơn	H. Chiêm Hóa	22° 17' 36"	105° 13' 37"					F-48-43-A
thôn Noong Cuồng	DC	xã Phúc Sơn	H. Chiêm Hóa	22° 18' 46"	105° 13' 31"					F-48-43-A
suối Tà Rộc	TV	xã Phúc Sơn	H. Chiêm Hóa			22° 17' 41"	105° 13' 23"	22° 19' 02"	105° 12' 12"	F-48-43-A
đường tỉnh 190	KX	xã Phúc Thịnh	H. Chiêm Hóa			22° 09' 40"	105° 11' 58"	22° 08' 58"	105° 14' 56"	F-48-43-C
suối An Nghĩa	TV	xã Phúc Thịnh	H. Chiêm Hóa			22° 09' 05"	105° 12' 52"	22° 09' 59"	105° 14' 40"	F-48-43-C
thôn An Quỳnh	DC	xã Phúc Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 09' 18"	105° 13' 10"					F-48-43-C
thôn An Thịnh	DC	xã Phúc Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 09' 29"	105° 13' 33"					F-48-43-C
Bản Trang	DC	xã Phúc Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 09' 37"	105° 14' 09"					F-48-43-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Hương	DC	xã Phúc Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 09' 30"	105° 15' 10"					F-48-43-D
thôn Đồng Lũng	DC	xã Phúc Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 10' 08"	105° 14' 42"					F-48-43-C
thôn Hòa Đa	DC	xã Phúc Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 09' 43"	105° 12' 24"					F-48-43-C
thôn Húc	DC	xã Phúc Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 08' 38"	105° 14' 24"					F-48-43-C
núi Khau Ma	SV	xã Phúc Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 09' 53"	105° 11' 27"					F-48-43-C
Khuôn Piên	DC	xã Phúc Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 09' 48"	105° 12' 30"					F-48-43-C
Luộc Trong	DC	xã Phúc Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 08' 52"	105° 14' 20"					F-48-43-C
thôn Tân Hòa	DC	xã Phúc Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 09' 47"	105° 12' 56"					F-48-43-C
thôn Trung Tâm	DC	xã Phúc Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 09' 48"	105° 13' 57"					F-48-43-C
thôn Tụ	DC	xã Phúc Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 09' 06"	105° 14' 34"					F-48-43-C
thôn An Khang	DC	xã Tân An	H. Chiêm Hóa	22° 11' 21"	105° 12' 58"					F-48-43-C
thôn An Phú	DC	xã Tân An	H. Chiêm Hóa	22° 12' 23"	105° 12' 17"					F-48-43-C
thôn An Thịnh	DC	xã Tân An	H. Chiêm Hóa	22° 11' 07"	105° 12' 12"					F-48-43-C
thôn An Vượng	DC	xã Tân An	H. Chiêm Hóa	22° 11' 59"	105° 13' 24"					F-48-43-C
đèo Khau Khà	SV	xã Tân An	H. Chiêm Hóa	22° 11' 14"	105° 10' 40"					F-48-43-C
núi Khau Khà	SV	xã Tân An	H. Chiêm Hóa	22° 11' 16"	105° 10' 21"					F-48-43-C
núi Khau Ma	SV	xã Tân An	H. Chiêm Hóa	22° 11' 28"	105° 10' 45"					F-48-43-C
Làng Gĩ	DC	xã Tân An	H. Chiêm Hóa	22° 11' 57"	105° 10' 04"					F-48-43-C
Minh Tân	DC	xã Tân An	H. Chiêm Hóa	22° 11' 38"	105° 12' 24"					F-48-43-C
suối Nà Meng	TV	xã Tân An	H. Chiêm Hóa			22° 13' 09"	105° 11' 36"	22° 11' 41"	105° 12' 37"	F-48-43-C
Nặm Kép	DC	xã Tân An	H. Chiêm Hóa	22° 13' 20"	105° 13' 27"					F-48-43-C
suối Nặm Nhật	TV	xã Tân An	H. Chiêm Hóa			22° 11' 29"	105° 11' 49"	22° 11' 41	105° 12' 37"	F-48-43-C
Phúc Minh	DC	xã Tân An	H. Chiêm Hóa	22° 12' 36"	105° 09' 51"					F-48-43-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Phúc Minh	TV	xã Tân An	H. Chiêm Hóa			22° 13' 11"	105° 09' 32"	22° 11' 29"	105° 11' 49"	F-48-43-C
Phúc Tân	DC	xã Tân An	H. Chiêm Hóa	22° 10' 48"	105° 12' 40"					F-48-43-C
thôn Tân Bình	DC	xã Tân An	H. Chiêm Hóa	22° 12' 41"	105° 10' 59"					F-48-43-C
thôn Tân Cường	DC	xã Tân An	H. Chiêm Hóa	22° 10' 54"	105° 10' 01"					F-48-43-C
thôn Tân Hoa	DC	xã Tân An	H. Chiêm Hóa	22° 10' 29"	105° 10' 45"					F-48-43-C
thôn Tân Hội	DC	xã Tân An	H. Chiêm Hóa	22° 10' 56"	105° 10' 56"					F-48-43-C
thôn Tân Hợp	DC	xã Tân An	H. Chiêm Hóa	22° 11' 29"	105° 11' 26"					F-48-43-C
thôn Tân Minh	DC	xã Tân An	H. Chiêm Hóa	22° 13' 17"	105° 09' 47"					F-48-43-C
khuổi Thân	TV	xã Tân An	H. Chiêm Hóa			22° 11' 41"	105° 12' 37"	22° 12' 14"	105° 13' 54"	F-48-43-C
suối Thượng	TV	xã Tân An	H. Chiêm Hóa			22° 10' 35"	105° 09' 04"	22° 11' 29"	105° 11' 49"	F-48-43-C
đường tỉnh 188	KX	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa			22° 15' 55"	105° 13' 33"	22° 13' 48"	105° 13' 51"	F-48-43-A
ngòi Ba	TV	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa			22° 17' 32"	105° 09' 29"	22° 16' 58"	105° 10' 17"	F-48-43-A
nặm Ba	TV	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa			22° 16' 20"	105° 09' 14"	22° 16' 37"	105° 10' 38"	F-48-43-A
thôn Bản Chẳng	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 15' 38"	105° 11' 23"					F-48-43-A
thôn Bản Giảo	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 16' 28"	105° 10' 47"					F-48-43-A
thôn Bản Tụm	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 15' 07"	105° 11' 43"					F-48-43-A
núi Con Voi	SV	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 18' 20"	105° 10' 59"					F-48-43-A
khuổi Đeng	TV	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa			22° 19' 21"	105° 07' 45"	22° 17' 31"	105° 09' 22"	F-48-43-A
dãy Khau Phà	SV	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 18' 14"	105° 07' 28"					F-48-43-A
núi Khau Phi	SV	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 17' 29"	105° 08' 35"					F-48-43-A
suối Khuổi Lóm	TV	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa			22° 18' 25"	105° 10' 24"	22° 17' 32"	105° 09' 29"	F-48-43-A
suối Khuổi Thung	TV	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa			22° 14' 50"	105° 10' 14"	22° 14' 51"	105° 10' 41"	F-48-43-C
thôn Khuôn Thẳm	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 15' 18"	105° 14' 22"					F-48-43-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lăng Lé	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 14' 28"	105° 12' 11"					F-48-43-C
suối Màng	TV	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa			22° 14' 56"	105° 13' 18"	22° 14' 56"	105° 12' 47"	F-48-43-A
thôn Nà Giàng	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 17' 12"	105° 09' 52"					F-48-43-A
thôn Nà Héc	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 15' 14"	105° 12' 45"					F-48-43-A
thôn Nà Nhoi	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 16' 58"	105° 09' 52"					F-48-43-A
thôn Nà Pồng	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 17' 39"	105° 09' 08"					F-48-43-A
núi Nhọn	SV	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 19' 31"	105° 08' 38"					F-48-43-A
thôn Noong Tuông	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 15' 59"	105° 10' 37"					F-48-43-A
thôn Ón Cáy	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 14' 59"	105° 12' 18"					F-48-43-C
thôn Pắc Có	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 14' 25"	105° 13' 56"					F-48-43-C
thôn Phổ Vền	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 14' 29"	105° 13' 14"					F-48-43-C
núi Pù Vền	SV	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 14' 52"	105° 13' 36"					F-48-43-C
ngòi Quang	TV	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa			22° 14' 13"	105° 12' 09"	22° 13' 36"	105° 13' 22"	F-48-43-C
thôn Sơn Thủy	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 18' 51"	105° 08' 06"					F-48-43-A
Thắc Khuổng	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 14' 21"	105° 12' 32"					F-48-43-C
thôn Thôm Bưa	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 15' 22"	105° 12' 23"					F-48-43-A
thôn Tông Lùng	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 14' 33"	105° 10' 33"					F-48-43-C
thôn Trung Sơn	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 18' 07"	105° 08' 28"					F-48-43-A
núi Voi	SV	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 18' 57"	105° 08' 48"					F-48-43-A
núi Voi Mẹ	SV	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 18' 52"	105° 09' 38"					F-48-43-A
Yên Thọ	DC	xã Tân Mỹ	H. Chiêm Hóa	22° 16' 49"	105° 10' 28"					F-48-43-A
thôn An Bình	DC	xã Tân Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 08' 57"	105° 12' 00"					F-48-43-C
thôn An Phong	DC	xã Tân Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 09' 14"	105° 11' 39"					F-48-43-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Phú	DC	xã Tân Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 08' 42"	105° 11' 40"					F-48-43-C
thôn Đồng Quang	DC	xã Tân Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 07' 40"	105° 13' 36"					F-48-43-C
đèo Gà	SV	xã Tân Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 08' 54"	105° 11' 15"					F-48-43-C
thôn Làng Bục	DC	xã Tân Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 08' 31"	105° 13' 15"					F-48-43-C
thôn Lăng Luông	DC	xã Tân Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 08' 48"	105° 13' 27"					F-48-43-C
thôn Linh An	DC	xã Tân Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 07' 52"	105° 12' 36"					F-48-43-C
thôn Nà Liên	DC	xã Tân Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 08' 56"	105° 12' 27"					F-48-43-C
thôn Nà Nghè	DC	xã Tân Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 08' 58"	105° 13' 22"					F-48-43-C
suối Phúc Linh	TV	xã Tân Thịnh	H. Chiêm Hóa			22° 07' 58"	105° 11' 49"	22° 07' 09"	105° 13' 11"	F-48-43-C
thôn Phúc Thượng	DC	xã Tân Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 07' 38"	105° 12' 27"					F-48-43-C
thôn Phúc Yên	DC	xã Tân Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 07' 12"	105° 12' 47"					F-48-43-C
thôn Quang Minh	DC	xã Tân Thịnh	H. Chiêm Hóa	22° 07' 54"	105° 13' 41"					F-48-43-C
thôn Bản Phú	DC	xã Thổ Bình	H. Chiêm Hóa	22° 21' 30"	105° 10' 58"					F-48-43-A
thôn Bản Piát	DC	xã Thổ Bình	H. Chiêm Hóa	22° 23' 16"	105° 10' 48"					F-48-43-A
khuổi Loỏng	TV	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa			22° 03' 58"	105° 24' 43"	22° 02' 57"	105° 24' 30"	F-48-43-D
khuổi Nà Khà	TV	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa			22° 02' 51"	105° 25' 06"	22° 02' 57"	105° 24' 30"	F-48-43-D
khuổi Nhù	TV	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa			22° 03' 11"	105° 21' 30"	22° 03' 36"	105°22' 17"	F-48-43-D
khuổi Sao	TV	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa			22° 05' 56"	105° 22' 27"	22° 04' 46"	105°21' 21"	F-48-43-D
thôn Bản Ba	DC	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa	21° 59' 55"	105° 22' 57"					F-48-55-B
thôn Bản Cham	DC	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa	22° 02' 49"	105° 23' 38"					F-48-43-D
suối Bản Cham	TV	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa			22° 02' 51"	105° 24' 09"	22° 02' 41"	105° 23' 25"	F-48-43-D
thôn Bản Nghiên	DC	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa	22° 04' 46"	105° 21' 12"					F-48-43-D
thôn Bản Sao	DC	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa	22° 05' 11"	105° 21' 33"					F-48-43-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Tát	DC	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa	22° 04' 26"	105° 23' 06"					F-48-43-D
suối Cổ Linh	TV	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa			22° 04' 44"	105° 20' 27"	22° 02' 16"	105° 23' 31"	F-48-43-D
khuổi Cốp	TV	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa			22° 04' 09"	105° 23' 22"	22° 03' 36"	105° 22' 18"	F-48-43-D
khuổi Đẩy	TV	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa			22° 01' 46"	105° 21' 22"	22° 01' 55"	105° 22' 26"	F-48-43-D
thôn Khun Làn	DC	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa	22° 01' 48"	105° 22' 31"					F-48-43-D
suối Làng Ba	TV	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa			21° 56' 59"	105° 23' 23"	22° 59' 58"	105° 22' 56"	F-48-55-B
thôn Lăng Đén	DC	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa	22° 03' 25"	105° 22' 10"					F-48-43-D
thôn Lăng Quăng	DC	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa	22° 03' 44"	105° 22' 42"					F-48-43-D
Nà Cọn	DC	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa	22° 02' 34"	105° 22' 49"					F-48-43-D
thôn Nà Coóng	DC	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa	22° 03' 43"	105° 22' 24"					F-48-43-D
thôn Nà Lại	DC	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa	22° 03' 58"	105° 22' 05"					F-48-43-D
suối Nghiên	TV	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa			22° 05' 39"	105° 21' 07"	22° 05' 04"	105° 20' 59"	F-48-43-D
Pác Ba	DC	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa	22° 02' 47"	105° 22' 53"					F-48-43-D
núi Pù Mi	SV	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa	22° 06' 01"	105° 23' 22"					F-48-43-D
khuổi Tát	TV	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa			22° 05' 14"	105° 23' 54"	22° 04' 12"	105° 22' 07"	F-48-43-D
khuổi Thiêng Chang	TV	xã Tri Phú	H. Chiêm Hóa			22° 02' 45"	105° 21' 26"	22° 03' 36"	105°22' 17"	F-48-43-D
ngòi Ba	TV	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa			22° 20' 42"	105° 02' 49"	22° 20' 00"	105° 04' 17"	F-48-43-A
khuổi Bản	TV	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa			22° 18' 40"	105° 02' 36"	22° 17' 43"	105° 03' 52"	F-48-43-A
thôn Bản Ba 1	DC	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 19' 53"	105° 04' 11"					F-48-43-A
thôn Bản Tháng	DC	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 19' 10"	105° 05' 18"					F-48-43-A
thôn Bản Túm	DC	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 20' 35"	105° 05' 20"					F-48-43-A
suối Cầu Khộo	TV	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa			22° 20' 00"	105° 04' 17"	22° 19' 13"	105° 05' 11"	F-48-43-A
Hoa Trung	DC	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 19' 51"	105° 04' 37"					F-48-43-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khau Coóng	SV	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 16' 31"	105° 06' 17"					F-48-43-A
núi Khau Đeng	SV	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 17' 32"	105° 02' 48"					F-48-43-A
núi Khau Phà	SV	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 19' 26"	105° 06' 16"					F-48-43-A
suối Khuổi Chang	TV	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa			22° 20' 14"	105° 06' 08"	22° 19' 13"	105° 05' 11"	F-48-43-A
suối Khuổi Dầu	TV	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa			22° 19' 25"	105° 03' 26"	22° 19' 36"	105° 04' 20"	F-48-43-A
thôn Khuổi Đinh	DC	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 17' 24"	105° 03' 53"					F-48-43-A
Khuổi Phang	DC	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 17' 58"	105° 04' 04"					F-48-43-A
suối Khuổi Vuồng	TV	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa			22° 16' 11"	105° 04' 34"	22° 18' 30"	105° 05' 25"	F-48-43-A
thôn Khuôn Nhòa	DC	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 15' 25"	105° 03' 54"					F-48-43-A
thôn Là Chang	DC	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 17' 54"	105° 05' 57"					F-48-43-A
thôn Lăng Chua	DC	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 19' 46"	105° 05' 42"					F-48-43-A
thôn Nà Đao	DC	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 18' 26"	105° 05' 00"					F-48-43-A
thôn Nà Dầu	DC	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 19' 20"	105° 04' 46"					F-48-43-A
thôn Nà Đổng	DC	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 18' 15"	105° 05' 52"					F-48-43-A
thôn Nà Lừa	DC	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 17' 44"	105° 06' 26"					F-48-43-A
thôn Nông Tiến 1	DC	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 17' 36"	105° 06' 49"					F-48-43-A
thôn Nông Tiến 2	DC	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 17' 21"	105° 07' 01"					F-48-43-A
núi Phia Khán	SV	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 19' 11"	105° 03' 58"					F-48-43-A
suối Phiền Ly	TV	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa			22° 16' 06"	105° 05' 59"	22° 17' 46"	105° 06' 18"	F-48-43-A
núi Phioa Khằn	SV	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 16' 23"	105° 01' 01"					F-48-43-A
thôn Piềng Ly	DC	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 17' 18"	105° 05' 35"					F-48-43-A
núi Pu Cút	SV	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 21' 17"	105° 04' 05"					F-48-43-A
Thẳm Hon	DC	xã Trung Hà	H. Chiêm Hóa	22° 20' 09"	105° 04' 21"					F-48-43-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 185	KX	xã Trung Hòa	H. Chiêm Hóa			22° 08' 10"	105° 16' 28"	22° 07' 04"	105° 16' 09"	F-48-43-D
thôn Mực	DC	xã Trung Hòa	H. Chiêm Hóa	22° 07' 54"	105° 16' 34"					F-48-43-D
thôn Nà Ngày	DC	xã Trung Hòa	H. Chiêm Hóa	22° 07' 37"	105° 15' 18"					F-48-43-D
thôn Trung Lợi	DC	xã Trung Hòa	H. Chiêm Hóa	22° 06' 26"	105° 15' 48"					F-48-43-D
thôn Trung Vượng 1	DC	xã Trung Hòa	H. Chiêm Hóa	22° 07' 52"	105° 16' 12"					F-48-43-D
thôn Trung Vượng 2	DC	xã Trung Hòa	H. Chiêm Hóa	22° 08' 09"	105° 15' 14"					F-48-43-D
thôn Bình Thể	DC	xã Vinh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 05' 45"	105° 18' 36"					F-48-43-D
suối Cổ Linh	TV	xã Vinh Quang	H. Chiêm Hóa			22° 05' 55"	105° 19' 07"	22° 05' 11"	105° 18' 07"	F-48-43-D
đèo Kéo Bụt	SV	xã Vinh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 04' 14"	105° 17' 44"					F-48-43-D
thôn Phố Chinh	DC	xã Vinh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 05' 20"	105° 17' 40"					F-48-43-D
thôn Phong Quang	DC	xã Vinh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 05' 59"	105° 16' 34"					F-48-43-D
thôn Quang Hải	DC	xã Vinh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 06' 29"	105° 17' 57"					F-48-43-D
thôn Soi Đúng	DC	xã Vinh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 04' 18"	105° 17' 16"					F-48-43-D
thôn Tân Quang	DC	xã Vinh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 06' 42"	105° 16' 36"					F-48-43-D
thôn Tiên Hóa 1	DC	xã Vinh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 06' 31"	105° 15' 59"					F-48-43-D
thôn Tiên Hóa 2	DC	xã Vinh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 06' 18"	105° 16' 11"					F-48-43-D
thôn Tiên Quang 1	DC	xã Vinh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 06' 11"	105° 16' 49"					F-48-43-D
thôn Tiên Quang 2	DC	xã Vinh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 06' 00"	105° 17' 00"					F-48-43-D
suối Trinh	TV	xã Vinh Quang	H. Chiêm Hóa			22° 05' 11"	105° 18' 07"	22° 04' 47"	105° 16' 52"	F-48-43-D
thôn Vĩnh Tường	DC	xã Vinh Quang	H. Chiêm Hóa	22° 05' 46"	105° 16' 51"					F-48-43-D
sông Gâm	TV	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa			22° 12' 34"	105° 19' 37"	22° 09' 20"	105° 16' 44"	F-48-43-D
núi Khau Ca	SV	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa	22° 10' 23"	105° 15' 01"					F-48-43-D
Khuôn Then	DC	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa	22° 12' 34"	105° 15' 39"					F-48-43-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Làng Ải	DC	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa	22° 11' 16"	105° 16' 16"					F-48-43-D
thôn Làng Bình	DC	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa	22° 11' 42"	105° 15' 06"					F-48-43-D
thôn Làng Lạc	DC	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa	22° 10' 44"	105° 15' 56"					F-48-43-D
thôn Làng Ngoã	DC	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa	22° 10' 42"	105° 15' 08"					F-48-43-D
thôn Nà Coóc	DC	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa	22° 10' 19"	105° 15' 39"					F-48-43-D
thôn Nà Nẻm	DC	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa	22° 12' 06"	105° 16' 01"					F-48-43-D
thôn Nà Nhàm	DC	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa	22° 10' 25"	105° 17' 24"					F-48-43-D
thôn Nà Thoi	DC	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa	22° 09' 40"	105° 17' 23"					F-48-43-D
thôn Ngoan A	DC	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa	22° 12' 11"	105° 17' 56"					F-48-43-D
thôn Ngoan B	DC	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa	22° 10' 58"	105° 17' 03"					F-48-43-D
Phai Cống	DC	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa	22° 09' 47"	105° 17' 48"					F-48-43-D
ngòi Quãng	TV	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa			22° 12' 02"	105° 14' 56"	22° 09' 20"	105° 16' 44"	F-48-43-D
cầu Quãng	KX	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa	22° 11' 10"	105° 16' 08"					F-48-43-D
thôn Thượng Quang	DC	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa	22° 10' 48"	105° 16' 18"					F-48-43-D
thôn Trung Quang	DC	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa	22° 10' 31"	105° 16' 38"					F-48-43-D
Xuân Hải	DC	xã Xuân Quang	H. Chiêm Hóa	22° 10' 09"	105° 16' 12"					F-48-43-D
đường tỉnh 187	KX	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa			22° 13' 42"	105° 26' 00"	22° 13' 08"	105° 20' 40"	F-48-43-D
đường tỉnh 190	KX	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa			22° 15' 57"	105° 21' 02"	22° 12' 34"	105° 19' 40"	F-48-43-D
thôn Bắc Cá	DC	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 13' 16"	105° 21' 46"					F-48-43-D
thôn Bắc Muồi	DC	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 13' 44"	105° 23' 00"					F-48-43-D
thôn Bản Dần	DC	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 14' 44"	105° 21' 05"					F-48-43-D
ngòi Bột	TV	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa			22° 15' 16"	105° 21' 34"	22° 15' 16"	105° 21' 09"	F-48-43-B
suối Bột Sào	TV	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa			22° 15' 27"	105° 22' 30"	22° 15' 50"	105° 20' 58"	F-48-43-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Cốc Tào	SV	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 14' 03"	105° 21' 47"					F-48-43-D
thôn Cốc Táy	DC	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 13' 18"	105° 22' 16"					F-48-43-D
thôn Đài Thị	DC	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 14' 17"	105° 23' 58"					F-48-43-D
cầu Đài Thị	KX	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 13' 04"	105° 20' 39"					F-48-43-D
Hành Hói	DC	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 12' 24"	105° 22' 16"					F-48-43-D
đèo Kéo Mác	SV	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 13' 43"	105° 26' 00"					F-48-43-D
núi Khao Khuôn	SV	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 12' 30"	105° 20' 27"					F-48-43-D
thôn Khun Khương	DC	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 12' 19"	105° 23' 09"					F-48-43-D
suối Khuổi Luông	TV	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa			22° 14' 43"	105° 25' 50"	22° 13' 51"	105° 24' 17"	F-48-43-D
suối Khuổi Mán	TV	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa			22° 14' 00"	105° 23' 13"	22° 13' 11"	105° 20' 13	F-48-43-D
Nà Diều	DC	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 14' 01"	105° 24' 17"					F-48-43-D
thôn Nà Héc	DC	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 14' 10"	105° 24' 57"					F-48-43-D
Nà Leo	DC	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 14' 10"	105° 24' 18"					F-48-43-D
thôn Nà Lụng	DC	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 14' 17"	105° 23' 30"					F-48-43-D
thôn Nà Nâu	DC	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 13' 21"	105° 21' 03"					F-48-43-D
thôn Nà Ngận	DC	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 14' 11"	105° 23' 09"					F-48-43-D
thôn Nà Tiệng	DC	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 13' 09"	105° 20' 40"					F-48-43-D
Phòng Dĩn	DC	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 15' 18"	105° 21' 14"					F-48-43-B
thôn Tin Kéo	DC	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 14' 05"	105° 24' 50"					F-48-43-D
thôn Tồng Mọoc	DC	xã Yên Lập	H. Chiêm Hóa	22° 13' 31"	105° 22' 08"					F-48-43-D
thôn An Bình	DC	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 03' 40"	105° 09' 54"					F-48-43-C
thôn Cầu Cả	DC	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 03' 13"	105° 09' 58"					F-48-43-C
thôn Cầu Mạ	DC	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 02' 00"	105° 08' 23"					F-48-43-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Cô Tiên	SV	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 00' 55"	105° 09' 23"					F-48-43-C
thôn Đồng Quy	DC	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 05' 08"	105° 10' 45"					F-48-43-C
thôn Đồng Vàng	DC	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 02' 26"	105° 09' 29"					F-48-43-C
thôn Hợp Long 2	DC	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 01' 27"	105° 09' 00"					F-48-43-C
thôn Khuôn Khoai	DC	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 04' 42"	105° 09' 34"					F-48-43-C
thôn Khuôn Trú	DC	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 05' 34"	105° 11' 20"					F-48-43-C
thôn Làng Đanh	DC	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 05' 18"	105° 10' 57"					F-48-43-C
thôn Làng Gò	DC	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 05' 19"	105° 10' 25"					F-48-43-C
thôn Làng Mòi	DC	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 03' 34"	105° 10' 27"					F-48-43-C
thôn Làng Tạc	DC	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 04' 57"	105° 10' 12"					F-48-43-C
thôn Làng Tói	DC	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 04' 35"	105° 10' 27"					F-48-43-C
thôn Loong Coong	DC	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 04' 40"	105° 10' 51"					F-48-43-C
ngòi Nhung	TV	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa			22° 05' 27"	105° 10' 37"	22° 01' 18"	105° 08' 37"	F-48-43-C
suối Núi Quạt	TV	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa			22° 04' 33"	105° 12' 19"	22° 05' 27"	105° 11' 30"	F-48-43-C
thôn Tát Chùa	DC	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 03' 09"	105° 10' 13"					F-48-43-C
thôn Trục Trì	DC	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 04' 30"	105° 09' 35"					F-48-43-C
thôn Vĩnh Khoái	DC	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 04' 17"	105° 09' 48"					F-48-43-C
núi Yên Ngựa	SV	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 02' 40"	105° 08' 45"					F-48-43-C
thôn Yên Quang	DC	xã Yên Nguyên	H. Chiêm Hóa	22° 01' 37"	105° 08' 23"					F-48-43-C
quốc lộ 2	KX	TT. Tân Yên	H. Hàm Yên			22° 04' 25"	105° 01' 30"	22° 01' 16"	105° 03' 08"	F-48-43-C
tổ nhân dân Ba Trăng	DC	TT. Tân Yên	H. Hàm Yên	22° 01' 20"	105° 02' 26"					F-48-43-C
tổ nhân dân Bắc Yên	DC	TT. Tân Yên	H. Hàm Yên	22° 04' 23"	105° 02' 21"					F-48-43-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ nhân dân Cống Đôi	DC	TT. Tân Yên	H. Hàm Yên	22° 03' 51"	105° 02' 06"					F-48-43-C
ngòi Giàng	TV	TT. Tân Yên	H. Hàm Yên			22° 02' 01"	104° 57' 45"	22° 02' 51"	105° 01' 31"	F-48-43-C
cầu Mới	KX	TT. Tân Yên	H. Hàm Yên	22° 04' 13"	105° 01' 49"					F-48-43-C
ngòi Mục	TV	TT. Tân Yên	H. Hàm Yên			22° 02' 19"	105° 01' 20"	22° 04' 18"	105° 01' 56"	F-48-43-C
hồ Nai Chết	TV	TT. Tân Yên	H. Hàm Yên	22° 00' 54"	105° 02' 26"					F-48-43-C
tổ nhân dân Tân Bình	DC	TT. Tân Yên	H. Hàm Yên	22° 02' 17"	105° 02' 04"					F-48-43-C
tổ nhân dân Tân Quang	DC	TT. Tân Yên	H. Hàm Yên	22° 02' 35"	105° 01' 58"					F-48-43-C
tổ nhân dân Tân Thịnh	DC	TT. Tân Yên	H. Hàm Yên	22° 03' 31"	105° 01' 50"					F-48-43-C
tổ nhân dân Tân Tiến	DC	TT. Tân Yên	H. Hàm Yên	22° 03' 59"	105° 01' 48"					F-48-43-C
tổ nhân dân Tân Yên	DC	TT. Tân Yên	H. Hàm Yên	22° 02' 55"	105° 01' 51"					F-48-43-C
tổ nhân dân Yên Thịnh	DC	TT. Tân Yên	H. Hàm Yên	22° 03' 07"	105° 00' 43"					F-48-43-C
thôn Bến Đền	DC	xã Bạch Xa	H. Hàm Yên	22° 14' 38"	104° 55' 05"					F-48-42-D
núi Cánh Tiên	SV	xã Bạch Xa	H. Hàm Yên	22° 16' 09"	104° 54' 08"					F-48-42-B
thôn Cầu Cao I	DC	xã Bạch Xa	H. Hàm Yên	22° 13' 44"	104° 56' 28"					F-48-42-D
thôn Cầu Cao II	DC	xã Bạch Xa	H. Hàm Yên	22° 13' 43"	104° 56' 44"					F-48-42-D
thôn Chang	DC	xã Bạch Xa	H. Hàm Yên	22° 15' 11"	104° 55' 24"					F-48-42-B
thôn Đồn Bầu	DC	xã Bạch Xa	H. Hàm Yên	22° 15' 11"	104° 54' 27"					F-48-42-B
thôn Ẻn	DC	xã Bạch Xa	H. Hàm Yên	22° 14' 29"	104° 55' 41"					F-48-42-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khuổi My	SV	xã Bạch Xa	H. Hàm Yên	22° 16' 10"	104° 55' 36"					F-48-42-B
sông Lô	TV	xã Bạch Xa	H. Hàm Yên			22° 17' 19"	104° 54' 36"	22° 13' 09"	104° 55' 20"	F-48-42-B
suối Lung	TV	xã Bạch Xa	H. Hàm Yên			22° 13' 24"	104° 56' 04"	22° 16' 45"	104° 54' 22"	F-48-42-B
thôn Nà Quan	DC	xã Bạch Xa	H. Hàm Yên	22° 14' 20"	104° 56' 12"					F-48-42-D
thôn Ngòi Nung	DC	xã Bạch Xa	H. Hàm Yên	22° 16' 41"	104° 54' 37"					F-48-42-B
thôn Phòng Trao	DC	xã Bạch Xa	H. Hàm Yên	22° 15' 58"	104° 54' 51"					F-48-42-B
thôn Phù Hương	DC	xã Bạch Xa	H. Hàm Yên	22° 14' 05"	104° 56' 04"					F-48-42-D
thôn Cọ Sẻ	DC	xã Bằng Cốc	H. Hàm Yên	21° 57' 57"	105° 00' 12"					F-48-55-A
thôn Đồng Nhật	DC	xã Bằng Cốc	H. Hàm Yên	22° 00' 50"	105° 01' 10"					F-48-43-C
thôn Đồng Quảng	DC	xã Bằng Cốc	H. Hàm Yên	22° 00' 28"	105° 00' 49"					F-48-43-C
ngòi Du	TV	xã Bằng Cốc	H. Hàm Yên			21° 57' 12"	105° 00' 36"	21° 57' 52"	105° 00' 34"	F-48-55-A
thôn Hợp Hòa	DC	xã Bằng Cốc	H. Hàm Yên	21° 57' 40"	105° 00' 29"					F-48-55-A
thôn Mai Hồng	DC	xã Bằng Cốc	H. Hàm Yên	21° 59' 55"	105° 00' 29"					F-48-55-A
núi Ngàng	SV	xã Bằng Cốc	H. Hàm Yên	21° 56' 13"	104° 59' 04"					F-48-54-B
thôn Ngòi Yên	DC	xã Bằng Cốc	H. Hàm Yên	21° 56' 47"	104° 59' 57"					F-48-55-A
thôn Phúc Long	DC	xã Bằng Cốc	H. Hàm Yên	21° 59' 17"	105° 00' 11"					F-48-55-A
thôn Tân Đông	DC	xã Bằng Cốc	H. Hàm Yên	22° 01' 00"	105° 01' 31"					F-48-43-C
ngòi Yên	TV	xã Bằng Cốc	H. Hàm Yên			21° 56' 34"	105° 00' 31"	21° 57' 12"	105° 00' 36"	F-48-55-A
đường tỉnh 190	KX	xã Bình Xa	H. Hàm Yên			22° 04' 08"	105° 06' 07"	22° 02' 03"	105° 08' 12"	F-48-43-C
suối Bình Xa	TV	xã Bình Xa	H. Hàm Yên			22° 04' 28"	105° 07' 27"	22° 02' 06"	105° 07' 29"	F-48-43-C
cầu Bợ	KX	xã Bình Xa	H. Hàm Yên	22° 02' 08"	105° 06' 53"					F-48-43-C
thôn Chợ Bợ 1	DC	xã Bình Xa	H. Hàm Yên	22° 02' 15"	105° 07' 10"					F-48-43-C
thôn Chợ Bợ 2	DC	xã Bình Xa	H. Hàm Yên	22° 02' 23"	105° 06' 56"					F-48-43-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đo	DC	xã Bình Xa	H. Hàm Yên	22° 04' 09"	105° 06' 21"					F-48-43-C
thôn Đồng Chùa 1	DC	xã Bình Xa	H. Hàm Yên	22° 03' 23"	105° 07' 03"					F-48-43-C
thôn Đồng Chùa 2	DC	xã Bình Xa	H. Hàm Yên	22° 03' 43"	105° 06' 59"					F-48-43-C
thôn Đồng Cỏm 1	DC	xã Bình Xa	H. Hàm Yên	22° 02' 59"	105° 07' 20"					F-48-43-C
thôn Đồng Cỏm 2	DC	xã Bình Xa	H. Hàm Yên	22° 02' 46"	105° 07' 37"					F-48-43-C
thôn Đồng Vầu	DC	xã Bình Xa	H. Hàm Yên	22° 03' 43"	105° 07' 43"					F-48-43-C
thôn Làng Dịa	DC	xã Bình Xa	H. Hàm Yên	22° 03' 13"	105° 06' 15"					F-48-43-C
sông Lô	TV	xã Bình Xa	H. Hàm Yên			22° 03' 23"	105° 05' 18"	22° 01' 35"	105° 08' 13"	F-48-43-C
thôn Nam Ninh	DC	xã Bình Xa	H. Hàm Yên	22° 03' 49"	105° 06' 41"					F-48-43-C
thôn Soi Dịa	DC	xã Bình Xa	H. Hàm Yên	22° 02' 40"	105° 06' 05"					F-48-43-C
thôn Tân Bình 1	DC	xã Bình Xa	H. Hàm Yên	22° 02' 08"	105° 07' 39"					F-48-43-C
thôn Tân Bình 2	DC	xã Bình Xa	H. Hàm Yên	22° 01' 50"	105° 08' 04"					F-48-43-C
thôn Thác Lường	DC	xã Bình Xa	H. Hàm Yên	22° 04' 16"	105° 07' 38"					F-48-43-C
thôn Thọ Bình 1	DC	xã Bình Xa	H. Hàm Yên	22° 02' 49"	105° 06' 47"					F-48-43-C
thôn Thọ Bình 2	DC	xã Bình Xa	H. Hàm Yên	22° 03' 01"	105° 06' 38"					F-48-43-C
thôn Yên Bình	DC	xã Bình Xa	H. Hàm Yên	22° 02' 40"	105° 06' 31"					F-48-43-C
quốc lộ 2	KX	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên			21° 57' 28"	105° 06' 28"	21° 55' 22"	105° 08' 06"	F-48-55-A
thôn 20	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 55' 46"	105° 07' 46"					F-48-55-A
thôn 21	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 55' 55"	105° 08' 03"					F-48-55-A
cầu 24	KX	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 57' 07"	105° 06' 38"					F-48-55-A
thôn Ao Sen 1	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 56' 56"	105° 06' 44"					F-48-55-A
thôn Ao Sen 2	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 57' 38"	105° 08' 03"					F-48-55-A
thôn Bình Minh	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 56' 46"	105° 08' 15"					F-48-55-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Cây Chanh	TV	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 56' 53"	105° 07' 14"					F-48-55-A
thôn Cây Chanh 1	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 57' 21"	105° 06' 34"					F-48-55-A
thôn Cây Thọ	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 55' 38"	105° 06' 22"					F-48-55-A
thôn Chầm Bùng	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 56' 14"	105° 08' 37"					F-48-55-A
thôn Chợ Tổng	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 57' 04"	105° 09' 04"					F-48-55-A
thôn Đình Đặng	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 57' 13"	105° 07' 52"					F-48-55-A
thôn Đồng Ca	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 57' 116"	105° 06' 22"					F-48-55-A
thôn Gạo	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 56' 23"	105° 07' 41"					F-48-55-A
công ty Lâm nghiệp Tân Phong	KX	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 56' 56"	105° 08' 25"					F-48-55-A
thôn Làng Đồng	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 56' 33"	105° 06' 45"					F-48-55-A
Làng Đồng	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 56' 36"	105° 06' 36"					F-48-55-A
thôn Làng Lĩnh	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 56' 35"	105° 07' 50"					F-48-55-A
thôn Làng Rào	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 56' 45"	105° 06' 18"					F-48-55-A
thôn Làng Thát	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 56' 37"	105° 08' 12"					F-48-55-A
thôn Lập Thành	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 56' 19"	105° 06' 17"					F-48-55-A
thôn Núi Guột	DC	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên	21° 55' 54"	105° 05' 59"					F-48-55-A
ngòi Rèo	TV	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên			21° 56' 44"	105° 05' 53"	21° 56' 38"	105° 06' 29"	F-48-55-A
ngòi Sồi	TV	xã Đức Ninh	H. Hàm Yên			21° 55' 28"	105° 05' 57"	21° 56' 38"	105° 06' 29"	F-48-55-A
thôn 700	DC	xã Hùng Đức	H. Hàm Yên	21° 52' 56"	105° 04' 05"					F-48-55-A
thôn Cây Thông	DC	xã Hùng Đức	H. Hàm Yên	21° 54' 47"	105° 04' 35"					F-48-55-A
suối Đa Mẫn	TV	xã Hùng Đức	H. Hàm Yên			21° 52' 35"	105° 03' 25"	21° 53' 02"	105° 04' 13"	F-48-55-A
thôn Đèo Tế	DC	xã Hùng Đức	H. Hàm Yên	21° 53' 34"	105° 02' 32"					F-48-55-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Băm	DC	xã Hùng Đức	H. Hàm Yên	21° 55' 25"	105° 05' 40"					F-48-55-A
thôn Hùng Xuân	DC	xã Hùng Đức	H. Hàm Yên	21° 54' 18"	105° 01' 57"					F-48-55-A
thôn Khuân Ẻn	DC	xã Hùng Đức	H. Hàm Yên	21° 53' 51"	105° 03' 26"					F-48-55-A
thôn Khuân Thắng	DC	xã Hùng Đức	H. Hàm Yên	21° 53' 10"	105° 04' 27"					F-48-55-A
thôn Khuân Then	DC	xã Hùng Đức	H. Hàm Yên	21° 56' 00"	105° 05' 30"					F-48-55-A
suối Khuôn Ẻn	TV	xã Hùng Đức	H. Hàm Yên			21° 53' 14"	105° 04' 13"	21° 54' 57"	105° 05' 33"	F-48-55-A
thôn Làng Phan	DC	xã Hùng Đức	H. Hàm Yên	21° 54' 39"	105° 02' 20"					F-48-55-A
suối Phong Nẫm	TV	xã Hùng Đức	H. Hàm Yên			21° 54' 51"	105° 04' 25"	21° 54' 57"	105° 05' 33"	F-48-55-A
thôn Thắng Bình	DC	xã Hùng Đức	H. Hàm Yên	21° 54' 50"	105° 04' 01"					F-48-55-A
thôn Thanh Vân	DC	xã Hùng Đức	H. Hàm Yên	21° 54' 11"	105° 06' 00"					F-48-55-A
thôn Thị	DC	xã Hùng Đức	H. Hàm Yên	21° 54' 45"	105° 05' 50"					F-48-55-A
thôn Tưởn	DC	xã Hùng Đức	H. Hàm Yên	21° 54' 36"	105° 05' 02"					F-48-55-A
thôn Văn Nham	DC	xã Hùng Đức	H. Hàm Yên	21° 54' 17"	105° 05' 44"					F-48-55-A
thôn Xuân Đức	DC	xã Hùng Đức	H. Hàm Yên	21° 54' 48"	105° 03' 24"					F-48-55-A
núi Ba	SV	xã Minh Dân	H. Hàm Yên	22° 11' 49"	105° 00' 50"					F-48-43-C
thôn Đồng Mới	DC	xã Minh Dân	H. Hàm Yên	22° 10' 57"	104° 59' 16"					F-48-42-D
thôn Đồng Tâm	DC	xã Minh Dân	H. Hàm Yên	22° 11' 06"	105° 00' 07"					F-48-43-C
suối Khang	TV	xã Minh Dân	H. Hàm Yên			22° 12' 47"	104° 59' 21"	22° 10' 30"	105° 00' 17"	F-48-42-D
thôn Kim Long	DC	xã Minh Dân	H. Hàm Yên	22° 09' 39"	104° 59' 48"					F-48-42-D
thôn Lâm Tiến	DC	xã Minh Dân	H. Hàm Yên	22° 11' 46"	104° 59' 30"					F-48-42-D
thôn Làng Vai	DC	xã Minh Dân	H. Hàm Yên	22° 10' 53"	104° 58' 05"					F-48-42-D
sông Lô	TV	xã Minh Dân	H. Hàm Yên			22° 10' 45"	104° 57' 41"	22° 08' 24"	104° 59' 55"	F-48-42-D
thôn Ngòi Khang	DC	xã Minh Dân	H. Hàm Yên	22° 12' 27"	104° 59' 21"					F-48-42-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ngòi Tèo	DC	xã Minh Dân	H. Hàm Yên	22° 09' 33"	104° 58' 27"					F-48-42-D
thôn Nước Mỏ	DC	xã Minh Dân	H. Hàm Yên	22° 08' 56"	104° 59' 58"					F-48-42-D
thôn Thác Đất	DC	xã Minh Dân	H. Hàm Yên	22° 10' 34"	104° 58' 22"					F-48-42-D
thôn Thác Vàng	DC	xã Minh Dân	H. Hàm Yên	22° 09' 04"	104° 59' 29"					F-48-42-D
thôn Thượng Lâm	DC	xã Minh Dân	H. Hàm Yên	22° 12' 27"	104° 58' 45"					F-48-42-D
thôn Trung Tâm	DC	xã Minh Dân	H. Hàm Yên	22° 11' 37"	104° 59' 41"					F-48-43-C
thôn 1 Minh Quang	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 07' 22"	105° 06' 42"					F-48-43-C
thôn 1 Minh Tiến	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 08' 05"	105° 05' 08"					F-48-43-C
thôn 10 Minh Quang	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 05' 50"	105° 05' 52"					F-48-43-C
thôn 10 Minh Tiến	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 07' 16"	105° 06' 25"					F-48-43-C
thôn 10 Minh Tiến	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 07' 17"	105° 06' 13"					F-48-43-C
thôn 11 Minh Tiến	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 05' 39"	105° 08' 04"					F-48-43-C
thôn 12 Minh Quang	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 05' 02"	105° 07' 46"					F-48-43-C
thôn 13 Minh Quang	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 04' 53"	105° 07' 31"					F-48-43-C
thôn 2 Minh Tiến	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 08' 41"	105° 04' 29"					F-48-43-C
thôn 3 Minh Quang	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 06' 32"	105° 06' 37"					F-48-43-C
thôn 4 Minh Quang	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 06' 47"	105° 07' 15"					F-48-43-C
thôn 4 Minh Tiến	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 08' 20"	105° 05' 46"					F-48-43-C
thôn 5 Minh Quang	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 07' 03"	105° 07' 46"					F-48-43-C
thôn 6 Minh Tiến	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 07' 45"	105° 05' 10"					F-48-43-C
thôn 7 Minh Quang	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 06' 26"	105° 07' 26"					F-48-43-C
thôn 7 Minh Tiến	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 07' 06"	105° 05' 38"					F-48-43-C
thôn 8 Minh Quang	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 05' 43"	105° 06' 46"					F-48-43-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 8 Minh Tiến	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 07' 39"	105° 05' 50"					F-48-43-C
thôn 9 Minh Quang	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 05' 48"	105° 06' 29"					F-48-43-C
thôn 9 Minh Tiến	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 07' 28"	105° 06' 00"					F-48-43-C
thôn Bàn Đá	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 09' 15"	105° 05' 57"					F-48-43-C
Cốc Chủ	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 06' 20"	105° 07' 55"					F-48-43-C
Đồng Đình	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 07' 52"	105° 06' 14"					F-48-43-C
suối Đồng Lần	TV	xã Minh Hương	H. Hàm Yên			22° 06' 40"	105° 05' 09"	22° 07' 10"	105° 05' 56"	F-48-43-C
suối Đồng Mười	TV	xã Minh Hương	H. Hàm Yên			22° 06' 01"	105° 06' 17"	22° 05' 47"	105° 07' 25"	F-48-43-C
núi Khâu Khiếng	SV	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 07' 16"	105° 04' 49"					F-48-43-C
suối Kim Giao	TV	xã Minh Hương	H. Hàm Yên			22° 05' 37"	105° 08' 51"	22° 05' 38"	105° 07' 49"	F-48-43-C
suối Minh Hương	TV	xã Minh Hương	H. Hàm Yên			22° 10' 11"	105° 06' 12"	22° 05' 05"	105° 07' 41"	F-48-43-C
núi Pù Mang	SV	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 06' 38"	105° 06' 08"					F-48-43-C
Pù Phải	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 07' 09"	105° 06' 17"					F-48-43-C
Tân Thành	DC	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 06' 01"	105° 08' 01"					F-48-43-C
núi Trạm Chu	SV	xã Minh Hương	H. Hàm Yên	22° 11' 07"	105° 06' 38"					F-48-43-C
núi Gò Đền	SV	xã Minh Khương	H. Hàm Yên	22° 12' 37"	104° 56' 14"					F-48-42-D
thôn Làng Báu	DC	xã Minh Khương	H. Hàm Yên	22° 12' 56"	104° 58' 38"					F-48-42-D
sông Lô	TV	xã Minh Khương	H. Hàm Yên			22° 13' 09"	104° 55' 20"	22° 10' 45"	104° 57' 41"	F-48-42-D
thôn Minh Hà	DC	xã Minh Khương	H. Hàm Yên	22° 11' 55"	104° 56' 54"					F-48-42-D
thôn Minh Thái	DC	xã Minh Khương	H. Hàm Yên	22° 13' 23"	104° 58' 16"					F-48-42-D
thôn Ngòi Họp	DC	xã Minh Khương	H. Hàm Yên	22° 11' 34"	104° 57' 44"					F-48-42-D
thôn Ngòi Lộc	DC	xã Minh Khương	H. Hàm Yên	22° 13' 32"	104° 56' 56"					F-48-42-D
thôn Thác Cái	DC	xã Minh Khương	H. Hàm Yên	22° 10' 58"	104° 57' 11"					F-48-42-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xít Xa	DC	xã Minh Khương	H. Hàm Yên	22° 13' 56"	104° 57' 53"					F-48-42-D
suối Xít Xa	TV	xã Minh Khương	H. Hàm Yên			22° 13' 37"	104° 58' 42"	22° 10' 50"	104° 57' 41"	F-48-42-D
núi Ác	SV	xã Nhân Mục	H. Hàm Yên	22° 01' 23"	105° 01' 25"					F-48-43-C
thôn Đồng Moóng	DC	xã Nhân Mục	H. Hàm Yên	22° 01' 47"	105° 00' 38"					F-48-43-C
thôn Đồng Tàn	DC	xã Nhân Mục	H. Hàm Yên	22° 01' 27"	105° 00' 50"					F-48-43-C
thôn Kai Con	DC	xã Nhân Mục	H. Hàm Yên	22° 01' 27"	105° 00' 35"					F-48-43-C
thôn Kế Đô	DC	xã Nhân Mục	H. Hàm Yên	22° 00' 55"	105° 00' 02"					F-48-43-C
thôn Khuôn Luông	DC	xã Nhân Mục	H. Hàm Yên	22° 01' 31"	105° 00' 05"					F-48-43-C
hồ Lũng Trao	TV	xã Nhân Mục	H. Hàm Yên	22° 00' 42"	105° 00' 18"					F-48-43-C
thôn Pù Bó	DC	xã Nhân Mục	H. Hàm Yên	22° 00' 32"	104° 59' 57"					F-48-43-C
thôn Xuân Cuồng	DC	xã Nhân Mục	H. Hàm Yên	22° 01' 38"	105° 01' 45"					F-48-43-C
thôn Bản Ban	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 10' 28"	105° 02' 50"					F-48-43-C
thôn Ban Nhàm	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 08' 39"	105° 01' 08"					F-48-43-C
thôn Bưa	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 08' 29"	105° 01' 31"					F-48-43-C
thôn Cọ Nà Tâm	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 08' 10"	105° 01' 03"					F-48-43-C
núi Đán Khao	SV	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 13' 08"	105° 00' 31"					F-48-43-C
thôn Kẽm	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 10' 43"	105° 00' 50"					F-48-43-C
núi Khau Keo	SV	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 11' 22"	105° 05' 31"					F-48-43-C
thôn Khâu Lình	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 09' 21"	105° 00' 30"					F-48-43-C
suối Khiêng	TV	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên			22° 11' 29"	105° 05' 50"	22° 10' 57"	105° 01' 31"	F-48-43-C
thôn Khuổi Nọi	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 12' 55"	105° 02' 01"					F-48-43-C
thôn Làng Chả	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 07' 47"	105° 01' 12"					F-48-43-C
núi Lăng Đán	SV	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 13' 37"	105° 01' 21"					F-48-43-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ma Long	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 08' 12"	105° 02' 57"					F-48-43-C
thôn Mường	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 12' 17"	105° 01' 22"					F-48-43-C
thôn Nà Có	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 11' 48"	105° 01' 39"					F-48-43-C
thôn Nậm Lương	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 12' 17"	105° 02' 03"					F-48-43-C
suối Nậm Lương	TV	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên			22° 12' 23"	105° 04' 20"	22° 12' 52"	105° 02' 01"	F-48-43-C
thôn Nghiệu	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 08' 03"	105° 01' 41"					F-48-43-C
thôn Pá Han	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 10' 48"	105° 02' 44"					F-48-43-C
thôn Pác Cáp	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 11' 11"	105° 01' 35"					F-48-43-C
thôn Phù Yên	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 09' 20"	105° 01' 10"					F-48-43-C
thôn Quang	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 09' 27"	105° 01' 00"					F-48-43-C
thôn Soi Thành	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 07' 34"	105° 00' 35"					F-48-43-C
thôn Thọ	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 09' 52"	105° 00' 47"					F-48-43-C
suối Thọ	TV	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên			22° 12' 52"	105° 02' 01"	22° 10' 57"	105° 01' 31"	F-48-43-C
thôn Thôm Táu	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 10' 47"	105° 03' 06"					F-48-43-C
thôn Thụt	DC	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên	22° 08' 07"	105° 01' 42"					F-48-43-C
suối Thụt	TV	xã Phù Lưu	H. Hàm Yên			22° 10' 57"	105° 01' 31"	22° 07' 59"	105° 00' 13"	F-48-43-C
đường tỉnh 189	KX	xã Tân Thành	H. Hàm Yên			22° 07' 39"	105° 01' 14"	22° 04' 08"	105° 06' 07"	F-48-43-C
thôn 1 Làng Bát	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 05' 56"	105° 01' 33"					F-48-43-C
thôn 1 Mỏ Nghiều	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 05' 55"	105° 04' 15"					F-48-43-C
thôn 1 Tân Yên	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 05' 38"	105° 01' 43"					F-48-43-C
thôn 1 Thuốc Hạ	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 05' 25"	105° 02' 49"					F-48-43-C
thôn 1 Thuốc Thượng	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 07' 27"	105° 03' 35"					F-48-43-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 1 Việt Thành	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 04' 06"	105° 03' 32"					F-48-43-C
thôn 2 Làng Bát	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 06' 10"	105° 01' 29"					F-48-43-C
thôn 2 Mỏ Nghiều	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 05' 48"	105° 05' 08"					F-48-43-C
thôn 2 Tân Yên	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 05' 13"	105° 02' 07"					F-48-43-C
thôn 2 Thuốc Hạ	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 06' 24"	105° 02' 16"					F-48-43-C
thôn 2 Thuốc Thượng	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 06' 59"	105° 03' 11"					F-48-43-C
thôn 2 Việt Thành	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 04' 06"	105° 04' 10"					F-48-43-C
thôn 3 Làng Bát	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 06' 48"	105° 01' 17"					F-48-43-C
thôn 3 Mỏ Nghiều	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 05' 17"	105° 04' 57"					F-48-43-C
thôn 3 Tân Yên	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 04' 42"	105° 01' 56"					F-48-43-C
thôn 3 Thuốc Hạ	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 06' 44"	105° 02' 07"					F-48-43-C
thôn 3 Thuốc Thượng	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 06' 03"	105° 03' 22"					F-48-43-C
thôn 3 Việt Thành	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 04' 08"	105° 04' 42"					F-48-43-C
thôn 4 Làng Bát	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 07' 07"	105° 01' 24"					F-48-43-C
thôn 4 Mỏ Nghiều	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 04' 37"	105° 04' 34"					F-48-43-C
thôn 4 Thuốc Hạ	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 06' 57"	105° 02' 00"					F-48-43-C
thôn 4 Việt Thành	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 04' 27"	105° 05' 16"					F-48-43-C
thôn 5 Làng Bát	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 07' 29"	105° 01' 18"					F-48-43-C
thôn 5 Thuốc Hạ	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 07' 21"	105° 01' 59"					F-48-43-C
thôn 5 Việt Thành	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 04' 09"	105° 05' 50"					F-48-43-C
thôn Đồng Lệnh	DC	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 03' 50"	105° 05' 05"					F-48-43-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Gốc Gạo	TV	xã Tân Thành	H. Hàm Yên			22° 08' 07"	105° 03' 59"	22° 04' 48"	105° 02' 56"	F-48-43-C
ngòi Lang	TV	xã Tân Thành	H. Hàm Yên			22° 05' 18"	105° 04' 52"	22° 03' 58"	105° 04' 28"	F-48-43-C
sông Lô	TV	xã Tân Thành	H. Hàm Yên			22° 07' 15"	105° 00' 40"	22° 03' 23"	105° 05' 18"	F-48-43-C
núi Pù Tao	SV	xã Tân Thành	H. Hàm Yên	22° 06' 29"	105° 04' 11"					F-48-43-C
quốc lộ 2	KX	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên			21° 59' 21"	105° 05' 29"	21° 57' 28"	105° 06' 28"	F-48-55-A
xóm 27	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 58' 20"	105° 05' 18"					F-48-55-A
cầu 27	KX	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 58' 21"	105° 05' 46"					F-48-55-A
thôn Ao Vệ	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 59' 13"	105° 05' 34"					F-48-55-A
thôn Ba Luồng	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 59' 59"	105° 08' 10"					F-48-55-A
đò Bến Thọ	KX	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 58' 40"	105° 09' 01"					F-48-55-A
thôn Bình Thuận	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 59' 13"	105° 07' 37"					F-48-55-A
thôn Cây Cóc	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 59' 50"	105° 06' 46"					F-48-55-A
thôn Cây Vải	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 57' 55"	105° 06' 54"					F-48-55-A
Cổ Ngựa	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 57' 51"	105° 08' 13"					F-48-55-A
thôn Đầu Phai	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 59' 01"	105° 06' 42"					F-48-55-A
Đồng Cã	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 57' 54"	105° 07' 36"					F-48-55-A
thôn Đồng Chằm	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 58' 33"	105° 05' 33"					F-48-55-A
thôn Khánh An	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 59' 01"	105° 08' 05"					F-48-55-A
thôn Khánh Hòa	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 58' 04"	105° 08' 32"					F-48-55-A
Khe Căm	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 57' 45"	105° 06' 47"					F-48-55-A
Khe Cạn	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 58' 41"	105° 07' 11"					F-48-55-A
thôn Khe Mon	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 57' 14"	105° 05' 39"					F-48-55-A
Làn	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 57' 35"	105° 08' 26"					F-48-55-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Làng Chùa	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 58' 25"	105° 04' 46"					F-48-55-A
thôn Làng Mãn 1	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 58' 10"	105° 05' 43"					F-48-55-A
thôn Làng Mãn 2	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 58' 01"	105° 05' 41"					F-48-55-A
thôn Lập Thành	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 57' 56"	105° 05' 18"					F-48-55-A
sông Lô	TV	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên			22° 00' 42"	105° 07' 52"	21° 57' 24"	105° 08' 47"	F-48-55-A
ngòi Lũ	TV	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên			21° 59' 21"	105° 05' 38"	21° 57' 43"	105° 07' 57"	F-48-55-A
thôn Lũ Khê	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 58' 14"	105° 06' 34"					F-48-55-A
núi Mong Hương	SV	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 59' 18"	105° 07' 03"					F-48-55-A
thôn Ninh Thái	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 57' 47"	105° 05' 31"					F-48-55-A
thôn Ninh Tuyên	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 59' 32"	105° 06' 10"					F-48-55-A
hồ Ô Rô	TV	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 56' 39"	105° 04' 42"					F-48-55-A
ngòi Ô Vệ	TV	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên			21° 58' 10"	105° 05' 15"	21° 58' 21"	105° 06' 13"	F-48-55-A
ngòi Phong Nẫm	TV	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên			21° 57' 50"	105° 06' 41"	21° 57' 50"	105° 06' 48"	F-48-55-A
thôn Quang Thái 1	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 58' 37"	105° 07' 33"					F-48-55-A
thôn Quang Thái 2	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 58' 09"	105° 07' 11"					F-48-55-A
thôn Tân An	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 58' 28"	105° 08' 40"					F-48-55-A
thôn Tân Khoa	DC	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 57' 44"	105° 06' 14"					F-48-55-A
núi Thẹ	SV	xã Thái Hòa	H. Hàm Yên	21° 56' 55"	105° 04' 40"					F-48-55-A
cầu 31	KX	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 00' 20"	105° 05' 13"					F-48-43-C
thôn 1 An Thạch	DC	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 01' 37"	105° 06' 26"					F-48-43-C
thôn 1 Minh Thái	DC	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 01' 07"	105° 04' 58"					F-48-43-C
thôn 1 Thái Bình	DC	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 00' 40"	105° 05' 15"					F-48-43-C
thôn 1 Thái Thủy	DC	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 03' 47"	105° 04' 12"					F-48-43-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 2 An Thạch	DC	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 01' 51"	105° 06' 35"					F-48-43-C
thôn 2 Minh Thái	DC	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 01' 22"	105° 05' 08"					F-48-43-C
thôn 2 Thái Bình	DC	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 00' 02"	105° 05' 29"					F-48-43-C
thôn 3 Thái Bình	DC	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 00' 20"	105° 06' 10"					F-48-43-C
thôn 3 Thái Thủy	DC	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 03' 28"	105° 04' 40"					F-48-43-C
thôn 4 Thái Thủy	DC	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 03' 12"	105° 04' 44"					F-48-43-C
thôn 5 Thái Thủy	DC	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 02' 56"	105° 05' 16"					F-48-43-C
thôn 6 Thái Thủy	DC	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 02' 40"	105° 05' 35"					F-48-43-C
thôn An Lâm	DC	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 02' 17"	105° 06' 19"					F-48-43-C
hồ Cây Gạo	TV	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 00' 13"	105° 06' 25"					F-48-43-C
thôn Khởn	DC	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 02' 24"	105° 03' 32"					F-48-43-C
hồ Khởn	TV	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 03' 11"	105° 03' 43"					F-48-43-C
sông Lô	TV	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên			22° 03' 37"	105° 03' 30"	22° 00' 42"	105° 07' 52"	F-48-43-C
suối Lũng Thang	TV	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên			22° 01' 33"	105° 04' 22"	22° 00' 36"	105° 04' 59"	F-48-43-C
hồ Nậm Khao	TV	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 00' 54"	105° 04' 24"					F-48-43-C
thôn Quang Trung	DC	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 00' 48"	105° 05' 37"					F-48-43-C
thôn Thái Ninh	DC	xã Thái Sơn	H. Hàm Yên	22° 01' 19"	105° 08' 02"					F-48-43-C
Cây Cóc	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 56' 18"	105° 01' 36"					F-48-55-A
Cây Hóp	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 56' 43"	105° 02' 45"					F-48-55-A
ngòi Cây Khế	TV	xã Thành Long	H. Hàm Yên			21° 57' 28"	105° 02' 28"	21° 56' 55"	105° 04' 42"	F-48-55-A
Cây Mát	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 57' 19"	105° 03' 51"					F-48-55-A
thôn Đoàn Kết 1	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 59' 47"	105° 02' 43"					F-48-55-A
thôn Đoàn Kết 2	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 59' 31"	105° 03' 24"					F-48-55-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đoàn Kết 3	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 59' 33"	105° 04' 09"					F-48-55-A
Gốc Lát	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 58' 24"	105° 03' 10"					F-48-55-A
thôn Hưng Long	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 58' 43"	105° 03' 43"					F-48-55-A
khe Lãnh	TV	xã Thành Long	H. Hàm Yên			21° 56' 39"	105° 02' 30"	21° 57' 55"	105° 04' 42"	F-48-55-A
ngòi Loa Đát	TV	xã Thành Long	H. Hàm Yên			21° 59' 23"	105° 02' 25"	22° 00' 04"	105° 04' 44"	F-48-55-A
Mỏ Vàng	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 58' 16"	105° 04' 00"					F-48-55-A
hồ Ô Rô	TV	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 58' 19"	105° 04' 42"					F-48-55-A
ngòi Ô Rô	TV	xã Thành Long	H. Hàm Yên			21° 58' 11"	105° 03' 43"	21° 58' 14"	105° 04' 05"	F-48-55-A
núi Phấn	SV	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 55' 27"	105° 02' 38"					F-48-55-A
thôn Phúc Long 1	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 57' 55"	105° 01' 26"					F-48-55-A
thôn Phúc Long 3	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 58' 33"	105° 02' 36"					F-48-55-A
thôn Phúc Long 4	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 58' 09"	105° 02' 30"					F-48-55-A
núi Phượng Hoàng	SV	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 57' 01"	105° 01' 30"					F-48-55-A
Quang Bình	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 57' 40"	105° 04' 19"					F-48-55-A
núi Quẹ	SV	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 57' 20"	105° 02' 00"					F-48-55-A
thôn Thành Công 1	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	22° 00' 58"	105° 03' 34"					F-48-43-C
thôn Thành Công 2	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	22° 00' 16"	105° 03' 53"					F-48-43-C
thôn Trung Thành 1	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 56' 07"	105° 03' 18"					F-48-55-A
thôn Trung Thành 2	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 56' 36"	105° 03' 12"					F-48-55-A
thôn Trung Thành 3	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 57' 08"	105° 03' 19"					F-48-55-A
thôn Trung Thành 4	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 57' 24"	105° 04' 08"					F-48-55-A
Vực Ne	DC	xã Thành Long	H. Hàm Yên	21° 58' 31"	105° 01' 21"					F-48-55-A
ngòi Yên	TV	xã Thành Long	H. Hàm Yên			21° 58' 14"	105° 01' 14"	21° 58' 11"	105° 03' 43"	F-48-55-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 1 Nắc Con	DC	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên	22° 07' 02"	104° 56' 38"					F-48-42-D
thôn 2 Nắc Con	DC	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên	22° 07' 24"	104° 56' 34"					F-48-42-D
thôn 3 Nắc Con	DC	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên	22° 07' 20"	104° 55' 50"					F-48-42-D
Cọ Cỏm	DC	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên	22° 09' 33"	104° 52' 55"					F-48-42-D
Đội 11	DC	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên	22° 06' 13"	104° 53' 05"					F-48-42-D
Gốc Chanh	DC	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên	22° 10' 24"	104° 53' 37"					F-48-42-D
thôn Km 65	DC	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên	22° 12' 03"	104° 55' 25"					F-48-42-D
thôn Km 68	DC	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên	22° 13' 37"	104° 55' 04"					F-48-42-D
ngòi La	TV	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên			22° 12' 35"	104° 54' 22"	22° 12' 15"	104° 55' 44"	F-48-42-D
sông Lô	TV	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên			22° 14' 30"	104° 54' 58"	22° 10' 51"	22° 10' 51"	F-48-42-D
cầu Nắc	KX	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên	22° 11' 38"	104° 56' 03"					F-48-42-D
ngòi Nai	TV	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên			22° 10' 06"	104° 54' 51"	22° 10' 29"	104° 56' 03"	F-48-42-D
thôn Ngõa	DC	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên	22° 08' 38"	104° 56' 39"					F-48-42-D
suối Ngòi Nắc	TV	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên			22° 08' 15"	104° 52' 06"	22° 10' 06"	104° 54' 51"	F-48-42-D
thôn Ngòi Sen	DC	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên	22° 10' 29"	104° 56' 08"					F-48-42-D
ngòi Phụng	TV	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên			22° 12' 26"	104° 54' 53"	22° 12' 25"	104° 55' 39"	F-48-42-D
thôn Quảng Tân	DC	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên	22° 09' 33"	104° 55' 52"					F-48-42-D
núi Sao	SV	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên	22° 04' 24"	104° 53' 23"					F-48-42-D
núi Tam Tỉnh	SV	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên	22° 11' 09"	104° 50' 49"					F-48-42-D
thôn Tháng Mười	DC	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên	22° 11' 26"	104° 55' 54"					F-48-42-D
cầu Trì	KX	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên	22° 14' 29"	104° 54' 56"					F-48-42-D
Xóm Xa	DC	xã Yên Lâm	H. Hàm Yên	22° 09' 54"	104° 54' 10"					F-48-42-D
đội Lâm trường 50	KX	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 06' 21"	105° 00' 34"					F-48-43-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 1 Minh Phú	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 06' 25"	104° 59' 46"					F-48-42-D
thôn 1 Yên Lập	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 04' 59"	104° 57' 10"					F-48-42-D
thôn 1A Thống Nhất	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 09' 35"	104° 57' 44"					F-48-42-D
thôn 1B Thống Nhất	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 09' 00"	104° 58' 13"					F-48-42-D
thôn 2 Minh Phú	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 06' 19"	105° 00' 20"					F-48-43-C
thôn 2 Thống Nhất	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 08' 44"	104° 58' 43"					F-48-42-D
thôn 2 Yên Lập	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 05' 31"	104° 57' 29"					F-48-42-D
thôn 3 Yên Lập	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 05' 01"	104° 58' 23"					F-48-42-D
thôn 4 Minh Phú	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 04' 29"	105° 00' 36"					F-48-43-C
thôn 4 Thống Nhất	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 07' 32"	104° 59' 04"					F-48-42-D
thôn 5 Minh Phú	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 05' 17"	105° 01' 00"					F-48-43-C
thôn 5 Thống Nhất	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 07' 57"	104° 58' 33"					F-48-42-D
thôn 6 Minh Phú	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 05' 45"	105° 01' 02"					F-48-43-C
thôn 6 Thống Nhất	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 07' 20"	104° 59' 16"					F-48-42-D
thôn 7 Minh Phú	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 06' 51"	105° 00' 22"					F-48-43-C
thôn 8 Minh Phú	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 06' 09"	105° 00' 43"					F-48-43-C
thôn 9 Minh Phú	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 07' 17"	104° 59' 33"					F-48-43-D
núi Đá Đen	SV	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 08' 28"	104° 58' 46"					F-48-42-D
núi Đền Thác Cái	SV	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 10' 22"	104° 57' 34"					F-48-42-D
thôn Km 61	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 10' 42"	104° 57' 18"					F-48-42-D
thôn Làng Chiềng	DC	xã Yên Phú	H. Hàm Yên	22° 08' 24"	104° 58' 15"					F-48-42-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Lô	TV	xã Yên Phú	H. Hàm Yên			22° 10' 51"	104° 56' 52"	22° 05' 03"	105° 01' 43"	
suối Nắc Con	TV	xã Yên Phú	H. Hàm Yên			22° 02' 24"	104° 56' 53"	22° 06' 42"	104° 58' 29"	F-48-42-D
thôn An Thịnh	DC	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 15' 53"	104° 56' 00"					F-48-42-B
thôn Bá	DC	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 17' 09"	104° 56' 11"					F-48-42-B
thôn Cao Đường	DC	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 17' 42"	104° 59' 10"					F-48-42-B
núi Cao Đường	SV	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 15' 58"	105° 00' 02"					F-48-43-A
suối Cao Đường	TV	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên			22° 18' 06"	104° 59' 20"	22° 17' 13"	104° 59' 24"	F-48-42-B
thôn Cầu Treo	DC	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 17' 11"	104° 55' 36"					F-48-42-B
suối Cóc	TV	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên			22° 17' 07"	104° 55' 41"	22° 17' 39"	104° 55' 11"	F-48-42-B
thôn Cốc Phường	DC	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 16' 50"	104° 55' 23"					F-48-42-B
Cua Ngoi	DC	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 17' 53"	104° 55' 29"					F-48-42-B
thôn Cuổm	DC	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 18' 42"	104° 56' 17"					F-48-42-B
suối Đem	TV	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên			22° 17' 15"	104° 56' 59"	22° 17' 07"	104° 55' 41"	F-48-42-B
thôn Đẻm	DC	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 17' 51"	104° 56' 06"					F-48-42-B
suối Đẻm	TV	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên			22° 17' 04"	104° 58' 14"	22° 17' 15"	104° 56' 59"	F-48-42-B
núi Hành Mai	SV	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 16' 39"	104° 58' 50"					F-48-42-B
suối Hao	TV	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên			22° 16' 31"	104° 57' 09"	22° 17' 15"	104° 56' 59"	F-48-42-B
thôn Hao Bó	DC	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 17' 18"	104° 57' 02"					F-48-42-B
thôn Khao Làng	DC	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 18' 37"	104° 56' 57"					F-48-42-B
Khuổi Hoi	DC	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 18' 44"	104° 56' 56"					F-48-42-B
núi Khuổi My	SV	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 16' 10"	104° 55' 36"					F-48-42-B
thôn Lục Khang	DC	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 20' 09"	104° 54' 18"					F-48-42-B
thôn Lục Sơn	DC	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 18' 33"	104° 55' 20"					F-48-42-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Lũng Trang	DC	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 19' 16"	104° 56' 30"					F-48-42-B
núi Moi	SV	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 19' 12"	104° 55' 17"					F-48-42-B
Nậm Húc	DC	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 19' 13"	104° 58' 19"					F-48-42-B
suối Phiêng Thuông	TV	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên			22° 18' 21"	104° 59' 18"	22° 19' 17"	104° 58' 13"	F-48-42-B
núi Quan Tinh	SV	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 16' 31"	104° 56' 25"					F-48-42-B
thôn Sơn Thủy	DC	xã Yên Thuận	H. Hàm Yên	22° 19' 32"	104° 53' 30"					F-48-42-B
đường tỉnh 188	KX	xã Bình An	H. Lâm Bình			22° 26' 31"	105° 09' 59"	22° 24' 13"	105° 10' 33"	F-48-43-A
thôn Bản Dạ	DC	xã Bình An	H. Lâm Bình	22° 24' 29"	105° 10' 34"					F-48-43-A
Bản Xá	DC	xã Bình An	H. Lâm Bình	22° 26' 28"	105° 09' 20"					F-48-43-A
khuổi Cải	TV	xã Bình An	H. Lâm Bình			22° 26' 18"	105° 09' 34"	22° 25' 03"	105° 10' 21"	F-48-43-A
thôn Chẩu Quân	DC	xã Bình An	H. Lâm Bình	22° 25' 50"	105° 09' 35"					F-48-43-A
Lung Muông	DC	xã Bình An	H. Lâm Bình	22° 27' 49"	105° 08' 29"					F-48-43-A
Lung Rạng	DC	xã Bình An	H. Lâm Bình	22° 24' 55"	105° 08' 36"					F-48-43-A
Minh Tân	DC	xã Bình An	H. Lâm Bình	22° 27' 05"	105° 09' 53"					F-48-43-A
thôn Nà Coóc	DC	xã Bình An	H. Lâm Bình	22° 26' 43"	105° 09' 20"					F-48-43-A
Nà Đẩu	DC	xã Bình An	H. Lâm Bình	22° 26' 01"	105° 08' 47"					F-48-43-A
Nà Nắp	DC	xã Bình An	H. Lâm Bình	22° 26' 50"	105° 09' 26"					F-48-43-A
thôn Nà Xé	DC	xã Bình An	H. Lâm Bình	22° 24' 33"	105° 10' 14"					F-48-43-A
núi Phia Píoong	SV	xã Bình An	H. Lâm Bình	22° 25' 26"	105° 11' 44"					F-48-43-A
thôn Phiêng Luông	DC	xã Bình An	H. Lâm Bình	22° 26' 29"	105° 10' 11"					F-48-43-A
núi Pù Chẩu	SV	xã Bình An	H. Lâm Bình	22° 27' 56"	105° 06' 33"					F-48-43-A
khuổi Soóc	TV	xã Bình An	H. Lâm Bình			22° 25' 30"	105° 12' 04"	22° 26' 18"	105° 09' 34"	F-48-43-A
thôn Tát Ten	DC	xã Bình An	H. Lâm Bình	22° 26' 43"	105° 11' 18"					F-48-43-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tống Pu	DC	xã Bình An	H. Lâm Bình	22° 25' 39"	105° 09' 58"					F-48-43-A
thôn Bản Luông	DC	xã Hồng Quang	H. Lâm Bình	22° 22' 44"	105° 06' 03"					F-48-43-A
thôn Bản Tha	DC	xã Hồng Quang	H. Lâm Bình	22° 23' 01"	105° 06' 13"					F-48-43-A
núi Đàn Kiến	SV	xã Hồng Quang	H. Lâm Bình	22° 21' 04"	105° 05' 54"					F-48-43-A
ngòi Hoa	TV	xã Hồng Quang	H. Lâm Bình			22° 23' 29"	105° 04' 32"	22° 23' 01"	105° 04' 14"	F-48-43-A
thôn Khuổi Soan	DC	xã Hồng Quang	H. Lâm Bình	22° 24' 03"	105° 06' 43"					F-48-43-A
thôn Lung Luông	DC	xã Hồng Quang	H. Lâm Bình	22° 21' 32"	105° 06' 25"					F-48-43-A
nặm Luông	TV	xã Hồng Quang	H. Lâm Bình			22° 22' 23"	105° 05' 09"	22° 21' 05"	105° 06' 12"	F-48-43-A
ngòi Minh	TV	xã Hồng Quang	H. Lâm Bình			22° 26' 21"	105° 06' 35"	22° 21' 05"	105° 06' 12"	F-48-43-A
thôn Nà Chúc	DC	xã Hồng Quang	H. Lâm Bình	22° 21' 06"	105° 06' 31"					F-48-43-A
thôn Nà Nghè	DC	xã Hồng Quang	H. Lâm Bình	22° 22' 03"	105° 06' 03"					F-48-43-A
núi Nà Pồng	SV	xã Hồng Quang	H. Lâm Bình	22° 25' 22"	105° 06' 00"					F-48-43-A
nặm Tặc	TV	xã Hồng Quang	H. Lâm Bình			22° 20' 58"	105° 06' 48"	22° 20' 33"	105° 06' 25"	F-48-43-A
thôn Thẳm Hon	DC	xã Hồng Quang	H. Lâm Bình	22° 22' 59"	105° 04' 44"					F-48-43-A
thôn Thượng Minh	DC	xã Hồng Quang	H. Lâm Bình	22° 25' 16"	105° 06' 14"					F-48-43-A
Bản Rịa	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 34' 05"	105° 16' 20"					F-48-31-D
Giang Chí	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 35' 47"	105° 18' 04"					F-48-31-D
thôn Hợp Thành	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 27' 58"	105° 16' 23"					F-48-43-B
thôn Kà Nò	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 28' 18"	105° 16' 54"					F-48-43-B
đèo Khau Khoang	SV	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 28' 49"	105° 15' 52"					F-48-43-B
núi Khau Po	SV	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 29' 25"	105° 15' 13"					F-48-43-B
núi Khuổi Chó	SV	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 38' 47"	105° 16' 23"					F-48-31-D
thôn Lung May	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 29' 25"	105° 17' 02"					F-48-43-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Nà Điêm	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 32' 50"	105° 17' 35"					F-48-31-D
thôn Nà Hu	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 28' 38"	105° 17' 19"					F-48-43-B
thôn Nà Kẹm	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 29' 18"	105° 17' 21"					F-48-43-B
Nà Mạ	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 32' 19"	105° 17' 181"					F-48-31-D
thôn Nà Muông	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 29' 52"	105° 16' 17"					F-48-43-B
Nà Muổng	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 30' 23"	105° 17' 14"					F-48-31-D
thôn Nà Ráo	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 31' 18"	105° 15' 28"					F-48-31-D
Nà Tè	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 28' 44"	105° 16' 35"					F-48-43-B
thôn Nà Thếm	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 28' 58"	105° 16' 57"					F-48-43-B
Nà Thìn	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 34' 19"	105° 17' 12"					F-48-31-D
thôn Nà Thom	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 29' 05"	105° 17' 14"					F-48-43-B
thôn Nà Vàng	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 29' 54"	105° 16' 36"					F-48-43-B
Thác Nghiền	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 34' 38"	105° 16' 37"					F-48-31-D
Thôm Cuông	DC	xã Khuôn Hà	H. Lâm Bình	22° 33' 08"	105° 15' 03"					F-48-31-D
thôn Bản Kè B	DC	xã Lăng Can	H. Lâm Bình	22° 27' 53"	105° 12' 06"					F-48-43-A
thôn Bản Khiển	DC	xã Lăng Can	H. Lâm Bình	22° 27' 16"	105° 12' 44"					F-48-43-A
Bản Vén	DC	xã Lăng Can	H. Lâm Bình	22° 27' 19"	105° 14' 02"					F-48-43-A
núi Đán Nhang	SV	xã Lăng Can	H. Lâm Bình	22° 26' 49"	105° 13' 39"					F-48-43-A
thôn Đon Bả	DC	xã Lăng Can	H. Lâm Bình	22° 27' 42"	105° 14' 20"					F-48-43-A
núi Khau Po	SV	xã Lăng Can	H. Lâm Bình	22° 29' 07"	105° 11' 35"					F-48-43-A
Khuôn Lùng	DC	xã Lăng Can	H. Lâm Bình	22° 29' 14"	105° 12' 51"					F-48-43-A
thôn Làng Chùa	DC	xã Lăng Can	H. Lâm Bình	22° 27' 50"	105° 13' 32"					F-48-43-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Nà Cha	DC	xã Lăng Can	H. Lâm Bình	22° 28' 17"	105° 14' 15"					F-48-43-A
thôn Nà Khà	DC	xã Lăng Can	H. Lâm Bình	22° 27' 40"	105° 13' 17"					F-48-43-A
Nà Khoác	DC	xã Lăng Can	H. Lâm Bình	22° 27' 15"	105° 13' 27"					F-48-43-A
Nà Lẩng	DC	xã Lăng Can	H. Lâm Bình	22° 27' 08"	105° 15' 21"					F-48-43-B
thôn Nà Mèn	DC	xã Lăng Can	H. Lâm Bình	22° 27' 14"	105° 12' 42"					F-48-43-A
suối Nặm Chá	TV	xã Lăng Can	H. Lâm Bình			22° 26' 02"	105° 12' 20"	22° 27' 01"	105° 14' 37"	F-48-43-A
thôn Nặm Díp	DC	xã Lăng Can	H. Lâm Bình	22° 26' 55"	105° 14' 20"					F-48-43-A
suối Nặm Luông	TV	xã Lăng Can	H. Lâm Bình			22° 27' 01"	105° 14' 37"	22° 28' 10"	105° 13' 09"	F-48-43-A
thôn Nặm Trá	DC	xã Lăng Can	H. Lâm Bình	22° 27' 36"	105° 15' 01"					F-48-43-B
thôn Phai Tre A	DC	xã Lăng Can	H. Lâm Bình	22° 27' 58"	105° 11' 36"					F-48-43-A
thôn Phai Tre B	DC	xã Lăng Can	H. Lâm Bình	22° 28' 01"	105° 11' 09"					F-48-43-A
thôn Bản Bon	DC	xã Phúc Yên	H. Lâm Bình	22° 34' 08"	105° 11' 36"					F-48-31-C
thôn Bản Tấng	DC	xã Phúc Yên	H. Lâm Bình	22° 32' 59"	105° 13' 14"					F-48-31-C
núi Đán Nóng	SV	xã Phúc Yên	H. Lâm Bình	22° 37' 58"	105° 13' 03"					F-48-31-D
sông Gâm	TV	xã Phúc Yên	H. Lâm Bình			22° 38' 59"	105° 14' 32"	22° 34' 25"	105° 15' 32"	F-48-31-C
bản Khau Cau	DC	xã Phúc Yên	H. Lâm Bình	22° 36' 14"	105° 09' 11"					F-48-31-C
khuổi Luộc	TV	xã Phúc Yên	H. Lâm Bình			22° 35' 52"	105° 10' 35"	22° 36' 22"	105° 08' 06"	F-48-31-C
suối Nặm Tấng	TV	xã Phúc Yên	H. Lâm Bình			22° 35' 18"	105° 11' 01"	22° 30' 27"	105° 13' 47"	F-48-31-C
thôn Bản Pước	DC	xã Thổ Bình	H. Lâm Bình	22° 21' 46"	105° 11' 04"					F-48-43-A
nà Giàng	TV	xã Thổ Bình	H. Lâm Bình			22° 20' 38"	105° 11' 28"	22° 20' 58"	105° 10' 26"	F-48-43-A
núi Khuổi Khương	SV	xã Thổ Bình	H. Lâm Bình	22° 24' 33"	105° 13' 02"					F-48-43-A
thôn Lũng Piát	DC	xã Thổ Bình	H. Lâm Bình	22° 23' 24"	105° 08' 57"					F-48-43-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Luông	TV	xã Thổ Bình	H. Lâm Bình			22° 24' 13"	105° 10' 29"	22° 22' 40"	105° 10' 37"	F-48-43-A
thôn Nà Bó	DC	xã Thổ Bình	H. Lâm Bình	22° 23' 33"	105° 12' 04"					F-48-43-A
thôn Nà Cọn	DC	xã Thổ Bình	H. Lâm Bình	22° 22' 06"	105° 11' 03"					F-48-43-A
thôn Nà My	DC	xã Thổ Bình	H. Lâm Bình	22° 23' 45"	105° 12' 07"					F-48-43-A
Nà Phéc	DC	xã Thổ Bình	H. Lâm Bình	22° 22' 04"	105° 10' 36"					F-48-43-A
Nà Thản	DC	xã Thổ Bình	H. Lâm Bình	22° 23' 06"	105° 11' 58"					F-48-43-A
thôn Nà Vài	DC	xã Thổ Bình	H. Lâm Bình	22° 22' 59"	105° 11' 25"					F-48-43-A
Noong Liều	DC	xã Thổ Bình	H. Lâm Bình	22° 24' 25"	105° 12' 15"					F-48-43-A
núi Phia Trẩu	SV	xã Thổ Bình	H. Lâm Bình	22° 20' 45"	105° 12' 13"					F-48-43-A
khuổi Thiển	TV	xã Thổ Bình	H. Lâm Bình			22° 22' 54"	105° 09' 30"	22° 22' 40"	105° 10' 37"	F-48-43-A
thôn Vằng Áng	DC	xã Thổ Bình	H. Lâm Bình	22° 21' 08"	105° 10' 54"					F-48-43-A
thôn Bản Bó	DC	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình	22° 27' 28"	105° 17' 31"					F-48-43-B
suối Bó Đúa	TV	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình			22° 26' 15"	105° 17' 37"	22° 29' 36"	105° 18' 23"	F-48-43-B
núi Bó Mục	SV	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình	22° 26' 46"	105° 18' 22"					F-48-43-B
núi Khau Cuôm	SV	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình	22° 24' 52"	105° 18' 22"					F-48-43-B
thôn Khau Đao	DC	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình	22° 27' 36"	105° 19' 58"					F-48-43-B
núi Khau Đao	SV	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình	22° 28' 38"	105° 19' 19"					F-48-43-B
núi Khơ Đeng	SV	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình	22° 26' 10"	105° 21' 50"					F-48-43-B
thôn Nà Bản	DC	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình	22° 27' 56"	105° 17' 33"					F-48-43-B
thôn Nà Đông	DC	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình	22° 28' 22"	105° 18' 40"					F-48-43-B
thôn Nà Lầu	DC	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình	22° 28' 18"	105° 19' 17"					F-48-43-B
thôn Nà Liềm	DC	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình	22° 28' 37"	105° 17' 44"					F-48-43-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Lung	DC	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình	22° 27' 22"	105° 18' 29"					F-48-43-B
thôn Nà Ta	DC	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình	22° 27' 03"	105° 18' 21"					F-48-43-B
thôn Nà Tông	DC	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình	22° 29' 23"	105° 18' 03"					F-48-43-B
suối Nà Tông	TV	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình			22° 28' 59"	105° 19' 43"	22° 29' 43"	105° 19' 29"	F-48-43-B
thôn Nà Va	DC	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình	22° 28' 22"	105° 18' 14"					F-48-43-B
núi Pác Man	SV	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình	22° 25' 31"	105° 19' 28"					F-48-43-B
núi Phia Bó Cần	SV	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình	22° 27' 34"	105° 22' 07"					F-48-43-B
núi Phia Đeng	SV	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình	22° 25' 12"	105° 21' 41"					F-48-43-B
núi Pù Chuyên	SV	xã Thượng Lâm	H. Lâm Bình	22° 27' 36"	105° 20' 35"					F-48-43-B
núi Khau Khăng	SV	xã Xuân Lập	H. Lâm Bình	22° 28' 46"	105° 08' 53"					F-48-43-A
thôn Khuổi Củng	DC	xã Xuân Lập	H. Lâm Bình	22° 33' 50"	105° 08' 18"					F-48-31-C
thôn Khuổi Trang	DC	xã Xuân Lập	H. Lâm Bình	22° 33' 11"	105° 08' 32"					F-48-31-C
suối Khuổi Trang	TV	xã Xuân Lập	H. Lâm Bình			22° 35' 06"	105° 07' 46"	22° 30' 07"	105° 09' 46"	F-48-31-C
thôn Lũng Giềng	DC	xã Xuân Lập	H. Lâm Bình	22° 30' 39"	105° 09' 52"					F-48-31-C
thôn Nà Co	DC	xã Xuân Lập	H. Lâm Bình	22° 28' 56"	105° 10' 23"					F-48-43-A
Nà Hốc	DC	xã Xuân Lập	H. Lâm Bình	22° 29' 39"	105° 10' 06"					F-48-43-A
suối Nà Lòa	TV	xã Xuân Lập	H. Lâm Bình			22° 31' 15"	105° 07' 14"	22° 28' 30"	105° 10' 26"	F-48-31-C
thôn Nà Lòa	DC	xã Xuân Lập	H. Lâm Bình	22° 29' 35"	105° 08' 05"					F-48-43-A
tổ 5	DC	TT. Na Hang	H. Na Hang	22° 20' 49"	105° 22' 59"					F-48-43-B
tổ 14	DC	TT. Na Hang	H. Na Hang	22° 20' 35"	105° 22' 28"					F-48-43-B
tổ 15	DC	TT. Na Hang	H. Na Hang	22° 21' 01"	105° 22' 31"					F-48-43-B
sông Gâm	TV	TT. Na Hang	H. Na Hang			22° 21' 39"	105° 23' 57"	22° 19' 36"	105° 21' 49"	F-48-43-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Cốc Túm	DC	TT. Na Hang	H. Na Hang	22° 21' 13"	105° 23' 04"					F-48-43-B
thôn Khuôn Phươn	DC	TT. Na Hang	H. Na Hang	22° 21' 42"	105° 21' 43"					F-48-43-B
thôn Nà Mỏ	DC	TT. Na Hang	H. Na Hang	22° 22' 14"	105° 25' 22"					F-48-43-B
thôn Ngòi Nẻ	DC	TT. Na Hang	H. Na Hang	22° 19' 27"	105° 22' 03"					F-48-43-B
Pắc Ban	DC	TT. Na Hang	H. Na Hang	22° 22' 05"	105° 24' 13"					F-48-43-B
thôn Tân Lập	DC	TT. Na Hang	H. Na Hang	22° 19' 10"	105° 21' 57"					F-48-43-B
Bản Thèo	DC	xã Côn Lôn	H. Na Hang	22° 32' 08"	105° 27' 29"					F-48-31-D
Bó Bu	DC	xã Côn Lôn	H. Na Hang	22° 32' 00"	105° 27' 47"					F-48-31-D
Bó Khiếu	DC	xã Côn Lôn	H. Na Hang	22° 32' 59"	105° 27' 31"					F-48-31-D
Đon Thài	DC	xã Côn Lôn	H. Na Hang	22° 31' 51"	105° 27' 24"					F-48-31-D
Khau Phấu	DC	xã Côn Lôn	H. Na Hang	22° 32' 49"	105° 26' 02"					F-48-31-D
núi Không Khánh	SV	xã Côn Lôn	H. Na Hang	22° 31' 28"	105° 27' 18"					F-48-31-D
Lũng Vài	DC	xã Côn Lôn	H. Na Hang	22° 31' 59"	105° 26' 27"					F-48-31-D
Nà Nam	DC	xã Côn Lôn	H. Na Hang	22° 31' 36"	105° 27' 16"					F-48-31-D
Nà Nạn	DC	xã Côn Lôn	H. Na Hang	22° 33' 12"	105° 27' 44"					F-48-31-D
Nà Ngoãng	DC	xã Côn Lôn	H. Na Hang	22° 33' 11"	105° 27' 45"					F-48-31-D
Nà Nọi	DC	xã Côn Lôn	H. Na Hang	22° 34' 20"	105° 27' 35"					F-48-31-D
Nà Nục	DC	xã Côn Lôn	H. Na Hang	22° 32' 13"	105° 27' 52"					F-48-31-D
Nà Thưa	DC	xã Côn Lôn	H. Na Hang	22° 32' 18"	105° 27' 29"					F-48-31-D
suối Nặm Mường	TV	xã Côn Lôn	H. Na Hang			22° 34' 03"	105° 28' 15"	22° 30' 47"	105° 27' 41"	F-48-31-D
suối Nặm Vàng	TV	xã Côn Lôn	H. Na Hang			22° 33' 54"	105° 25' 45"	22° 30' 07"	105° 25' 24"	F-48-31-D
Pác Bẻ	DC	xã Côn Lôn	H. Na Hang	22° 31' 35"	105° 27' 15"					F-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Phai Léc	DC	xã Côn Lôn	H. Na Hang	22° 33' 23"	105° 27' 58"					F-48-31-D
Pom Pán	DC	xã Côn Lôn	H. Na Hang	22° 32' 14"	105° 27' 52"					F-48-31-D
núi Pù Pảo	DC	xã Côn Lôn	H. Na Hang	22° 30' 52"	105° 26' 30"					F-48-31-D
núi Thị Quạt	SV	xã Côn Lôn	H. Na Hang	22° 34' 13"	105° 27' 04"					F-48-31-D
thôn Bắc Lè	DC	xã Đà Vị	H. Na Hang	22° 26' 55"	105° 32' 39"					F-48-44-A
Bản Âm	DC	xã Đà Vị	H. Na Hang	22° 29' 21"	105° 33' 28"					F-48-44-A
thôn Bản Lục	DC	xã Đà Vị	H. Na Hang	22° 26' 13"	105° 30' 45"					F-48-44-A
thôn Bản Tâng	DC	xã Đà Vị	H. Na Hang	22° 30' 13"	105° 33' 33"					F-48-32-C
thôn Bản Thốc	DC	xã Đà Vị	H. Na Hang	22° 31' 30"	105° 35' 13"					F-48-32-C
Khuổi Nạn	DC	xã Đà Vị	H. Na Hang	22° 29' 39"	105° 32' 44"					F-48-44-A
thôn Khuổi Tích	DC	xã Đà Vị	H. Na Hang	22° 29' 35"	105° 31' 58"					F-48-44-A
Nà Cại	DC	xã Đà Vị	H. Na Hang	22° 29' 28"	105° 31' 47"					F-48-44-A
Nà Đeo	DC	xã Đà Vị	H. Na Hang	22° 25' 31"	105° 32' 09"					F-48-44-A
Nà Đông	DC	xã Đà Vị	H. Na Hang	22° 29' 09"	105° 34' 16"					F-48-44-A
thôn Nà Đứa	DC	xã Đà Vị	H. Na Hang	22° 29' 05"	105° 32' 30"					F-48-44-A
thôn Nà Phin	DC	xã Đà Vị	H. Na Hang	22° 28' 40"	105° 34' 07"					F-48-44-A
thôn Nà Pục	DC	xã Đà Vị	H. Na Hang	22° 28' 33"	105° 31' 16"					F-48-44-A
sông Năng	TV	xã Đà Vị	H. Na Hang			22° 28' 27"	105° 29' 51"	22° 26' 54"	105° 33' 18"	F-48-43-B
suối Pác Mạ	TV	xã Đà Vị	H. Na Hang			22° 29' 57"	105° 33' 49"	22° 27' 46"	105° 31' 54"	F-48-43-B
thôn Phai Khằn	DC	xã Đà Vị	H. Na Hang	22° 28' 14"	105° 32' 08"					F-48-44-A
thôn Xá Thị	DC	xã Đà Vị	H. Na Hang	22° 28' 27"	105° 31' 36"					F-48-44-A
thôn Bản Muông	DC	xã Hồng Thái	H. Na Hang	22° 31' 16"	105° 33' 45"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khâu Tràng	DC	xã Hồng Thái	H. Na Hang	22° 31' 08"	105° 33' 16"					F-48-32-C
thôn Khuổi Phầy	DC	xã Hồng Thái	H. Na Hang	22° 33' 19"	105° 34' 11"					F-48-32-C
thôn Nà Kiếm	DC	xã Hồng Thái	H. Na Hang	22° 30' 31"	105° 32' 42"					F-48-32-C
thôn Nà Mụ	DC	xã Hồng Thái	H. Na Hang	22° 32' 22"	105° 34' 18"					F-48-32-C
thôn Pắc Khoang	DC	xã Hồng Thái	H. Na Hang	22° 32' 05"	105° 34' 50"					F-48-32-C
Khau Khai	DC	xã Khâu Tinh	H. Na Hang	22° 29' 00"	105° 28' 32"					F-48-43-B
núi Khau Lung	SV	xã Khâu Tinh	H. Na Hang	22° 29' 40"	105° 25' 58"					F-48-43-B
Khau Muồn	DC	xã Khâu Tinh	H. Na Hang	22° 29' 07"	105° 27' 38"					F-48-43-B
núi Khau Tép	SV	xã Khâu Tinh	H. Na Hang	22° 26' 50"	105° 24' 03"					F-48-43-B
Khau Tinh Luông	DC	xã Khâu Tinh	H. Na Hang	22° 27' 59"	105° 26' 15"					F-48-43-B
Khau Tinh Nọi	DC	xã Khâu Tinh	H. Na Hang	22° 28' 29"	105° 26' 06"					F-48-43-B
núi Lô Khác	SV	xã Khâu Tinh	H. Na Hang	22° 26' 12"	105° 23' 29"					F-48-43-B
Lũng Tạc	DC	xã Khâu Tinh	H. Na Hang	22° 30' 11"	105° 27' 43"					F-48-43-B
đèo Nà Sảm	SV	xã Khâu Tinh	H. Na Hang	22° 26' 07"	105° 28' 40"					F-48-43-B
Nà Tạng	DC	xã Khâu Tinh	H. Na Hang	22° 26' 40"	105° 26' 28"					F-48-43-B
núi Pác Tạ	SV	xã Khâu Tinh	H. Na Hang	22° 23' 26"	105° 24' 03"					F-48-43-B
thôn Bản Nhùng	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 20' 39"	105° 18' 56"					F-48-43-B
thôn Bản Nuầy	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 21' 12"	105° 19' 41"					F-48-43-B
thôn Bản Tùn	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 21' 13"	105° 19' 01"					F-48-43-B
Bó Chuông	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 21' 45"	105° 20' 30"					F-48-43-B
Khau Quang	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 19' 19"	105° 19' 32"					F-48-43-B
núi Khau Quang	SV	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 18' 42"	105° 19' 33"					F-48-43-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Không Mây	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 23' 10"	105° 20' 06"					F-48-43-B
núi Không Mây	SV	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 23' 47"	105° 16' 26"					F-48-43-B
suối Lũng Chúc	TV	xã Năng Khả	H. Na Hang			22° 18' 51"	105° 19' 25"	22° 18' 56"	105° 21' 21"	F-48-43-B
thôn Lũng Giang	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 19' 15"	105° 20' 51"					F-48-43-B
suối Lũng Giang	TV	xã Năng Khả	H. Na Hang			22° 18' 31"	105° 19' 28"	22° 18' 16"	105° 21' 00"	F-48-43-B
thôn Nà Chác	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 23' 40"	105° 18' 25"					F-48-43-B
thôn Nà Chang	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 23' 03"	105° 20' 47"					F-48-43-B
thôn Nà Chao	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 20' 26"	105° 18' 41"					F-48-43-B
Nà Chóng	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 22' 57"	105° 19' 50"					F-48-43-B
Nà Heng	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 20' 01"	105° 18' 22"					F-48-43-B
thôn Nà Khá	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 21' 27"	105° 20' 27"					F-48-43-B
thôn Nà Kham	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 22' 29"	105° 20' 48"					F-48-43-B
núi Nà Kham	SV	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 21' 47"	105° 20' 56"					F-48-43-B
Nà Khun	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 20' 59"	105° 20' 34"					F-48-43-B
thôn Nà Noong	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 23' 51"	105° 20' 49"					F-48-43-B
thôn Nà Reo	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 22' 26"	105° 19' 42"					F-48-43-B
thôn Nà Vai	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 21' 22"	105° 20' 52"					F-48-43-B
Pác Lung	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 21' 36"	105° 19' 01"					F-48-43-B
suối Phai Mang	TV	xã Năng Khả	H. Na Hang			22° 22' 56"	105° 19' 28"	22° 21' 11"	105° 22' 08"	F-48-43-B
núi Phia Biooc	SV	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 22' 54"	105° 18' 19"					F-48-43-B
thôn Phiêng Bung	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 21' 42"	105° 21' 43"					F-48-43-B
thôn Phiêng Quân	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 22' 03"	105° 18' 51"					F-48-43-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phiêng Rào	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 21' 59"	105° 19' 32"					F-48-43-B
núi Pù Bó	SV	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 21' 31"	105° 20' 05"					F-48-43-B
Thôm Bưa	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 24' 42"	105° 20' 37"					F-48-43-B
Thôm Luông	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 24' 20"	105° 20' 15"					F-48-43-B
Thôm Pết	DC	xã Năng Khả	H. Na Hang	22° 23' 35"	105° 20' 27"					F-48-43-B
thôn Trung Phìn	DC	xã Sinh Long	H. Na Hang	22° 32' 58"	105° 22' 32"					F-48-31-D
thôn Bản Lá	DC	xã Sinh Long	H. Na Hang	22° 36' 17"	105° 23' 40"					F-48-31-D
suối Bản Lá	TV	xã Sinh Long	H. Na Hang			22° 36' 28"	105° 23' 53"	22° 35' 27"	105° 25' 18"	F-48-31-D
Khuổi Bốc	DC	xã Sinh Long	H. Na Hang	22° 33' 24"	105° 23' 58"					F-48-31-D
thôn Khuổi Phìn	DC	xã Sinh Long	H. Na Hang	22° 37' 49"	105° 20' 46"					F-48-31-D
thôn Lũng Khiêng	DC	xã Sinh Long	H. Na Hang	22° 32' 44"	105° 24' 29"					F-48-31-D
thôn Nà Tấu	DC	xã Sinh Long	H. Na Hang	22° 34' 28"	105° 22' 45"					F-48-31-D
thôn Nà Tham	DC	xã Sinh Long	H. Na Hang	22° 34' 54"	105° 24' 40"					F-48-31-D
Nà Tống	DC	xã Sinh Long	H. Na Hang	22° 34' 31"	105° 25' 05"					F-48-31-D
thôn Nặm Đường	DC	xã Sinh Long	H. Na Hang	22° 35' 08"	105° 21' 41"					F-48-31-D
suối Nặm Đường	TV	xã Sinh Long	H. Na Hang			22° 36' 24"	105° 20' 29"	22° 33' 07"	105° 25' 05"	F-48-31-D
suối Nặm Vàng	TV	xã Sinh Long	H. Na Hang			22° 36' 24"	105° 25' 58"	22° 31' 57"	105° 25' 39"	F-48-31-D
thôn Phiêng Ngàm	DC	xã Sinh Long	H. Na Hang	22° 33' 39"	105° 25' 00"					F-48-31-D
Phiêng Phốc	DC	xã Sinh Long	H. Na Hang	22° 37' 57"	105° 19' 52"					F-48-31-D
thôn Phiêng Ten	DC	xã Sinh Long	H. Na Hang	22° 32' 24"	105° 24' 32"					F-48-31-D
suối Phiêng Ten	TV	xã Sinh Long	H. Na Hang			22° 32' 19"	105° 24' 30"	22° 32' 31"	105° 25' 25"	F-48-31-D
Phiêng Thốc	DC	xã Sinh Long	H. Na Hang	22° 33' 32"	105° 23' 30"					F-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phiêng Xả	SV	xã Sinh Long	H. Na Hang	22° 35' 53"	105° 22' 01"					F-48-31-D
Thăm Đét	DC	xã Sinh Long	H. Na Hang	22° 36' 03"	105° 24' 43"					F-48-31-D
đường tỉnh 190	KX	xã Sơn Phú	H. Na Hang	22° 24' 01"	105° 27' 18"					F-48-43-B
Bản Bán	DC	xã Sơn Phú	H. Na Hang	22° 21' 35"	105° 26' 54"					F-48-43-B
thôn Bản Dạ	DC	xã Sơn Phú	H. Na Hang	22° 24' 07"	105° 30' 03"					F-48-44-A
thôn Bản Lằn	DC	xã Sơn Phú	H. Na Hang	22° 25' 14"	105° 30' 19"					F-48-44-A
thôn Bản Tàm	DC	xã Sơn Phú	H. Na Hang	22° 24' 55"	105° 28' 13"					F-48-43-B
núi Cốc Sông	SV	xã Sơn Phú	H. Na Hang	22° 19' 50"	105° 29' 30"					F-48-43-B
suối Khuổi Tham	TV	xã Sơn Phú	H. Na Hang			22° 19' 18"	105° 29' 27"	22° 20' 13"	105° 28' 52"	F-48-43-B
núi Nà Khéo	SV	xã Sơn Phú	H. Na Hang	22° 21' 04"	105° 26' 16"					F-48-43-B
thôn Nà Lạ	DC	xã Sơn Phú	H. Na Hang	22° 22' 03"	105° 29' 14"					F-48-43-B
thôn Nà Mu	DC	xã Sơn Phú	H. Na Hang	22° 23' 41"	105° 30' 01"					F-48-44-A
Nà Nghè	DC	xã Sơn Phú	H. Na Hang	22° 22' 41"	105° 27' 03"					F-48-43-B
Nà Ơ	DC	xã Sơn Phú	H. Na Hang	22° 20' 53"	105° 28' 52"					F-48-43-B
thôn Nà Sảm	DC	xã Sơn Phú	H. Na Hang	22° 26' 49"	105° 28' 54"					F-48-43-B
thôn Phia Chang	DC	xã Sơn Phú	H. Na Hang	22° 20' 30"	105° 28' 47"					F-48-43-B
núi Phia Liêu	SV	xã Sơn Phú	H. Na Hang	22° 23' 22"	105° 30' 21"					F-48-44-A
đèo Phia Phong	SV	xã Sơn Phú	H. Na Hang			22° 25' 59"	105° 28' 41"	22° 23' 45"	105° 25' 36"	F-48-43-B
núi Pự Chố	SV	xã Sơn Phú	H. Na Hang	22° 25' 58"	105° 29' 17"					F-48-43-B
núi Pù Là	SV	xã Sơn Phú	H. Na Hang	22° 21' 30"	105° 25' 20"					F-48-43-B
suối Tham Lũng	TV	xã Sơn Phú	H. Na Hang			22° 18' 49"	105° 28' 14"	22° 19' 08"	105° 26' 57"	F-48-43-B
Vàng Bo	DC	xã Sơn Phú	H. Na Hang	22° 23' 04"	105° 30' 08"					F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 190	KX	xã Thanh Tương	H. Na Hang			22° 19' 36"	105° 22' 05"	22° 15' 57"	105° 21' 02"	F-48-43-B
thôn Bắc Danh	DC	xã Thanh Tương	H. Na Hang	22° 17' 14"	105° 20' 20"					F-48-43-B
thôn Bản Bung	DC	xã Thanh Tương	H. Na Hang	22° 16' 49"	105° 25' 38"					F-48-43-B
suối Bản Bung	TV	xã Thanh Tương	H. Na Hang			22° 17' 14"	105° 25' 49"	22° 17' 35"	105° 25' 15"	F-48-43-B
thôn Cổ Yểng	DC	xã Thanh Tương	H. Na Hang	22° 16' 19"	105° 25' 33"					F-48-43-B
thôn Đon Tâu	DC	xã Thanh Tương	H. Na Hang	22° 18' 34"	105° 23' 59"					F-48-43-B
sông Gâm	TV	xã Thanh Tương	H. Na Hang			22° 19' 36"	105° 21' 49"	22° 15' 50"	105° 20' 56"	F-48-43-B
thôn Nà Coóc	DC	xã Thanh Tương	H. Na Hang	22° 17' 00"	105° 18' 56"					F-48-43-B
suối Nà Coóc	TV	xã Thanh Tương	H. Na Hang			22° 16' 13"	105° 18' 28"	22° 17' 38"	105° 20' 01"	F-48-43-B
thôn Nà Đồn	DC	xã Thanh Tương	H. Na Hang	22° 18' 55"	105° 23' 17"					F-48-43-B
thôn Nà Đứa	DC	xã Thanh Tương	H. Na Hang	22° 18' 50"	105° 23' 43"					F-48-43-B
thôn Nà Mạ	DC	xã Thanh Tương	H. Na Hang	22° 18' 45"	105° 22' 52"					F-48-43-B
thôn Nà Né	DC	xã Thanh Tương	H. Na Hang	22° 19' 14"	105° 22' 49"					F-48-43-B
Nà Út	DC	xã Thanh Tương	H. Na Hang	22° 15' 58"	105° 25' 26"					F-48-43-B
suối Ngòi Nẻ	TV	xã Thanh Tương	H. Na Hang			22° 19' 20"	105° 23' 49"	22° 19' 20"	105° 22' 02"	F-48-43-B
thôn Pá Làng	DC	xã Thanh Tương	H. Na Hang	22° 16' 33"	105° 23' 20"					F-48-43-B
Pắc Tù	DC	xã Thanh Tương	H. Na Hang	22° 16' 19"	105° 20' 11"					F-48-43-B
núi Phia Khao	SV	xã Thanh Tương	H. Na Hang	22° 19' 48"	105° 24' 28"					F-48-43-B
suối Phiêng Lèng	TV	xã Thanh Tương	H. Na Hang			22° 17' 08"	105° 23' 57"	22° 18' 42"	105° 24' 03"	F-48-43-B
suối Phoòng Mạ	TV	xã Thanh Tương	H. Na Hang			22° 16' 35"	105° 23' 55"	22° 16' 59"	105° 21' 26"	F-48-43-B
núi Pù Com	SV	xã Thanh Tương	H. Na Hang	22° 18' 15"	105° 15' 52"					F-48-43-B
núi Tam Chấn	SV	xã Thanh Tương	H. Na Hang	22° 15' 28"	105° 18' 22"					F-48-43-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Yên Thượng	DC	xã Thanh Tương	H. Na Hang	22° 18' 27"	105° 24' 06"					F-48-43-B
thôn Bản Cưởm	DC	xã Thượng Giáp	H. Na Hang	22° 36' 14"	105° 30' 58"					F-48-32-C
thôn Bản Muồng	DC	xã Thượng Giáp	H. Na Hang	22° 37' 43"	105° 31' 27"					F-48-32-C
thôn Bản Vịt	DC	xã Thượng Giáp	H. Na Hang	22° 37' 20"	105° 29' 51"					F-48-32-C
khuổi Lào	TV	xã Thượng Giáp	H. Na Hang			22° 36' 08"	105° 31' 25"	22° 37' 03"	105° 29' 56"	F-48-32-C
thôn Nà Thài	DC	xã Thượng Giáp	H. Na Hang	22° 36' 42"	105° 30' 15"					F-48-32-C
thôn Nặm Cằm	DC	xã Thượng Giáp	H. Na Hang	22° 36' 30"	105° 28' 42"					F-48-31-D
suối Nặm Cằm	TV	xã Thượng Giáp	H. Na Hang			22° 37' 03"	105° 29' 56"	22° 36' 49"	105° 28' 32"	F-48-31-D
thôn Bản Giòng	DC	xã Thượng Nông	H. Na Hang	22° 34' 49"	105° 26' 47"					F-48-31-D
thôn Bản Khẻ	DC	xã Thượng Nông	H. Na Hang	22° 34' 33"	105° 31' 38"					F-48-32-C
Dé	DC	xã Thượng Nông	H. Na Hang	22° 34' 48"	105° 31' 16"					F-48-32-C
thôn Đông Đa 1	DC	xã Thượng Nông	H. Na Hang	22° 34' 22"	105° 29' 21"					F-48-31-D
thôn Đông Đa 2	DC	xã Thượng Nông	H. Na Hang	22° 33' 00"	105° 29' 08"					F-48-31-D
suối Đông Đăm	TV	xã Thượng Nông	H. Na Hang			22° 35' 16"	105° 31' 15"	22° 34' 23"	105° 29' 35"	F-48-32-C
thôn Khoan Thượng	DC	xã Thượng Nông	H. Na Hang	22° 33' 46"	105° 29' 27"					F-48-31-D
Nà Ngoa	DC	xã Thượng Nông	H. Na Hang	22° 35' 00"	105° 32' 24"					F-48-32-C
Nà Nọi	DC	xã Thượng Nông	H. Na Hang	22° 34' 30"	105° 27' 57"					F-48-31-D
thôn Nà Tà	DC	xã Thượng Nông	H. Na Hang	22° 34' 35"	105° 30' 35"					F-48-32-C
Nặm Pó	DC	xã Thượng Nông	H. Na Hang	22° 35' 44"	105° 28' 45"					F-48-31-D
suối Bác Sát	TV	xã Yên Hoa	H. Na Hang			22° 30' 36"	105° 29' 31"	22° 29' 59"	105° 28' 59"	F-48-31-D
thôn Bản Cuôn	DC	xã Yên Hoa	H. Na Hang	22° 31' 44"	105° 28' 41"					F-48-31-D
suối Bản Sát	TV	xã Yên Hoa	H. Na Hang			22° 31' 53"	105° 31' 10"	22° 30' 36"	105° 29' 31"	F-48-32-C
thôn Bản Thác	DC	xã Yên Hoa	H. Na Hang	22° 30' 39"	105° 30' 06"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Thác	TV	xã Yên Hoa	H. Na Hang			22° 29' 59"	105° 28' 57"	22° 29' 16"	105° 29' 19"	F-48-43-B
Bản Thìn	DC	xã Yên Hoa	H. Na Hang	22° 32' 31"	105° 31' 47"					F-48-32-C
thôn Bản Va	DC	xã Yên Hoa	H. Na Hang	22° 31' 51"	105° 31' 25"					F-48-32-C
Cốc Mạt	DC	xã Yên Hoa	H. Na Hang	22° 31' 08"	105° 31' 50"					F-48-32-C
núi Đán Khao	SV	xã Yên Hoa	H. Na Hang	22° 33' 20"	105° 31' 43"					F-48-32-C
thôn Khâu Pồng	DC	xã Yên Hoa	H. Na Hang	22° 30' 29"	105° 31' 54"					F-48-32-C
núi Lũng Tặc	SV	xã Yên Hoa	H. Na Hang	22° 29' 50"	105° 27' 14"					F-48-43-B
nậm Mường	TV	xã Yên Hoa	H. Na Hang			22° 30' 47"	105° 27' 41"	22° 29' 59"	105° 28' 57"	F-48-31-D
núi Nà Bu	SV	xã Yên Hoa	H. Na Hang	22° 32' 51"	105° 30' 12"					F-48-32-C
thôn Nà Chẻ	DC	xã Yên Hoa	H. Na Hang	22° 32' 53"	105° 30' 54"					F-48-32-C
thôn Nà Khuyến	DC	xã Yên Hoa	H. Na Hang	22° 30' 23"	105° 28' 41"					F-48-43-B
thôn Nà Luông	DC	xã Yên Hoa	H. Na Hang	22° 34' 02"	105° 32' 58"					F-48-32-C
thôn Nà Tông	DC	xã Yên Hoa	H. Na Hang	22° 31' 35"	105° 30' 34"					F-48-32-C
thôn Phiêng Nghịu	DC	xã Yên Hoa	H. Na Hang	22° 32' 40"	105° 33' 25"					F-48-32-C
suối Tá Lăn	TV	xã Yên Hoa	H. Na Hang			22° 29' 16"	105° 29' 19"	22° 29' 07"	105° 29' 39"	F-48-43-B
thôn Tân Thành	DC	xã Yên Hoa	H. Na Hang	22° 30' 15"	105° 28' 46"					F-48-31-D
quốc lộ 37	KX	TT. Sơn Dương	H. Sơn Dương			21° 42' 23"	105° 23' 56"	21° 41' 54"	105° 25' 28"	F-48-55-D-b
tổ nhân dân An Đinh	DC	TT. Sơn Dương	H. Sơn Dương	21° 42' 05"	105° 24' 23"					F-48-55-D-b
tổ nhân dân Bắc Hoàng	DC	TT. Sơn Dương	H. Sơn Dương	21° 41' 28"	105° 22' 42"					F-48-55-D-b
tổ nhân dân Bắc Lũng	DC	TT. Sơn Dương	H. Sơn Dương	21° 41' 50"	105° 23' 05"					F-48-55-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty Chè Tân Trào	KX	TT. Sơn Dương	H. Sơn Dương	21° 41' 52"	105° 22' 49"					F-48-55-D-b
ngòi Đát Cao	TV	TT. Sơn Dương	H. Sơn Dương			21° 41' 20"	105° 24' 44"	21° 41' 11"	105° 23' 09"	F-48-55-D-b
tổ nhân dân Đồng Tiến	DC	TT. Sơn Dương	H. Sơn Dương	21° 42' 40"	105° 23' 51"					F-48-55-D-b
tổ nhân dân Hồ Tiêu	DC	TT. Sơn Dương	H. Sơn Dương	21° 42' 40"	105° 24' 16"					F-48-55-D-b
tổ nhân dân Kỳ Lâm	DC	TT. Sơn Dương	H. Sơn Dương	21° 41' 52"	105° 23' 48"					F-48-55-D-b
tổ nhân dân Măng Ngọt	DC	TT. Sơn Dương	H. Sơn Dương	21° 41' 50"	105° 24' 49"					F-48-55-D-b
sông Phó Đáy	TV	TT. Sơn Dương	H. Sơn Dương			21° 42' 53"	105° 24' 19"	21° 40' 09"	105° 23' 22"	F-48-55-D-b
cầu Sơn Dương	KX	TT. Sơn Dương	H. Sơn Dương	21° 41' 53"	105° 23' 34"					F-48-55-D-b
tổ nhân dân Thịnh Tiến	DC	TT. Sơn Dương	H. Sơn Dương	21° 41' 56"	105° 24' 10"					F-48-55-D-b
thôn Bình Dân	DC	xã Bình Yên	H. Sơn Dương	21° 43' 58"	105° 24' 47"					F-48-55-D-b
cầu Bình Yên	KX	xã Bình Yên	H. Sơn Dương	21° 45' 12"	105° 25' 33"					F-48-55-B-d
thôn Đồng Min	DC	xã Bình Yên	H. Sơn Dương	21° 44' 38"	105° 25' 28"					F-48-55-D-b
thôn Khấu Lấu	DC	xã Bình Yên	H. Sơn Dương	21° 45' 14"	105° 26' 46"					F-48-55-B-d
núi Khuôn Lìu	SV	xã Bình Yên	H. Sơn Dương	21° 43' 52"	105° 25' 24"					F-48-55-D-b
thôn Lập Binh	DC	xã Bình Yên	H. Sơn Dương	21° 45' 50"	105° 27' 04"					F-48-55-B-d
suối Ngòi Khảm	TV	xã Bình Yên	H. Sơn Dương			21° 43' 36"	105° 25' 43"	21° 43' 39"	105° 24' 39"	F-48-55-D-b
sông Phó Đáy	TV	xã Bình Yên	H. Sơn Dương			21° 46' 00"	105° 26' 28"	21° 43' 35"	105° 24' 36"	F-48-55-B-d
núi Tào Cáo	SV	xã Bình Yên	H. Sơn Dương	21° 44' 05"	105° 25' 41"					F-48-55-D-b
cầu Thác Dẫng	KX	xã Bình Yên	H. Sơn Dương	21° 46' 00"	105° 26' 29"					F-48-55-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Cây Sui	SV	xã Cấp Tiến	H. Sơn Dương	21° 41' 37"	105° 17' 37"					F-48-55-D-a
núi Đài	SV	xã Cấp Tiến	H. Sơn Dương	21° 42' 27"	105° 16' 50"					F-48-55-D-a
thôn Đồng Chiêm	DC	xã Cấp Tiến	H. Sơn Dương	21° 41' 54"	105° 16' 54"					F-48-55-D-a
thôn Đồng Lợi	DC	xã Cấp Tiến	H. Sơn Dương	21° 43' 17"	105° 17' 24"					F-48-55-D-a
thôn Hòa Bình	DC	xã Cấp Tiến	H. Sơn Dương	21° 41' 53"	105° 16' 25"					F-48-55-D-a
thôn Mắt Rồng	DC	xã Cấp Tiến	H. Sơn Dương	21° 43' 01"	105° 17' 05"					F-48-55-D-a
thôn Phú Lương	DC	xã Cấp Tiến	H. Sơn Dương	21° 42' 13"	105° 15' 45"					F-48-55-D-a
thôn Thái Bình	DC	xã Cấp Tiến	H. Sơn Dương	21° 42' 13"	105° 17' 42"					F-48-55-D-a
thôn Tiến Thắng	DC	xã Cấp Tiến	H. Sơn Dương	21° 42' 42"	105° 16' 40"					F-48-55-D-a
thôn Cầu Đá	DC	xã Chi Thiết	H. Sơn Dương	21° 34' 43"	105° 18' 34"					F-48-55-D-c
thôn Cây Gạo	DC	xã Chi Thiết	H. Sơn Dương	21° 35' 29"	105° 18' 34"					F-48-55-D-c
hồ Cây Gạo	TV	xã Chi Thiết	H. Sơn Dương	21° 35' 56"	105° 18' 51"					F-48-55-D-c
suối Cây Gạo	TV	xã Chi Thiết	H. Sơn Dương			21° 36' 26"	105° 19' 32"	21° 35' 58"	105° 18' 58"	F-48-55-D-c
thôn Chi Thiết	DC	xã Chi Thiết	H. Sơn Dương	21° 35' 20"	105° 17' 57"					F-48-55-D-c
thôn Cờ Dương	DC	xã Chi Thiết	H. Sơn Dương	21° 34' 36"	105° 17' 50"					F-48-55-D-c
kênh Đào	TV	xã Chi Thiết	H. Sơn Dương			21° 35' 45"	105° 18' 00"	21° 35' 39"	105° 17' 40"	F-48-55-D-c
núi Lịch	SV	xã Chi Thiết	H. Sơn Dương	21° 37' 18"	105° 19' 33"					F-48-55-D-c
thôn Phú Thị	DC	xã Chi Thiết	H. Sơn Dương	21° 34' 45"	105° 17' 08"					F-48-55-D-c
thôn An Mỹ	DC	xã Đại Phú	H. Sơn Dương	21° 32' 21"	105° 25' 00"					F-48-55-D-d
núi Bão	SV	xã Đại Phú	H. Sơn Dương	21° 34' 38"	105° 24' 51"					F-48-55-D-d
ngòi Bom	TV	xã Đại Phú	H. Sơn Dương			21° 33' 03"	105° 24' 58"	21° 32' 29"	105° 25' 41"	F-48-55-D-d
thôn Cầu Lội	DC	xã Đại Phú	H. Sơn Dương	21° 31' 02"	105° 26' 41"					F-48-55-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đập Đồng Mó	KX	xã Đại Phú	H. Sơn Dương	21° 32' 38"	105° 23' 52"					F-48-55-D-d
thôn Đồng Na	DC	xã Đại Phú	H. Sơn Dương	21° 32' 42"	105° 26' 43"					F-48-55-D-d
thôn Đồng Sớm	DC	xã Đại Phú	H. Sơn Dương	21° 32' 08"	105° 24' 51"					F-48-55-D-d
thôn Dũng Vi	DC	xã Đại Phú	H. Sơn Dương	21° 31' 37"	105° 26' 02"					F-48-55-D-d
suối Dũng Vi	TV	xã Đại Phú	H. Sơn Dương			21° 31' 06"	105° 25' 42"	21° 32' 30"	105° 27' 00"	F-48-55-D-d
thôn Hải Mô	DC	xã Đại Phú	H. Sơn Dương	21° 31' 15"	105° 26' 12"					F-48-55-D-d
đập Hải Mô	KX	xã Đại Phú	H. Sơn Dương	21° 31' 06"	105° 25' 40"					F-48-55-D-d
thôn Hoa Lũng	DC	xã Đại Phú	H. Sơn Dương	21° 32' 47"	105° 25' 29"					F-48-55-D-d
hồ Hoa Lũng	TV	xã Đại Phú	H. Sơn Dương	21° 33' 04"	105° 25' 07"					F-48-55-D-d
thôn Hữu Vu	DC	xã Đại Phú	H. Sơn Dương	21° 32' 19"	105° 26' 29"					F-48-55-D-d
suối Hữu Vu	TV	xã Đại Phú	H. Sơn Dương			21° 32' 39"	105° 26' 10"	21° 32' 16"	105° 27' 30"	F-48-55-D-d
suối Lũng Giao	TV	xã Đại Phú	H. Sơn Dương			21° 31' 13"	105° 25' 16"	21° 32' 39"	105° 26' 10"	F-48-55-D-d
thôn Lý Sửu	DC	xã Đại Phú	H. Sơn Dương	21° 32' 21"	105° 27' 07"					F-48-55-D-d
thôn Mãn Hóa	DC	xã Đại Phú	H. Sơn Dương	21° 31' 31"	105° 24' 53"					F-48-55-D-d
suối Mãn Hòa	TV	xã Đại Phú	H. Sơn Dương			21° 31' 31"	105° 24' 38"	21° 32' 15"	105° 25' 22"	F-48-55-D-d
thôn Thạch Khuôn	DC	xã Đại Phú	H. Sơn Dương	21° 32' 23"	105° 24' 07"					F-48-55-D-d
thôn Thái Sơn	DC	xã Đại Phú	H. Sơn Dương	21° 32' 46"	105° 26' 12"					F-48-55-D-d
thôn Tứ Thể	DC	xã Đại Phú	H. Sơn Dương	21° 32' 49"	105° 24' 53"					F-48-55-D-d
thôn Vinh Phú	DC	xã Đại Phú	H. Sơn Dương	21° 33' 02"	105° 24' 26"					F-48-55-D-d
thôn An Khang	DC	xã Đông Lợi	H. Sơn Dương	21° 34' 11"	105° 18' 21"					F-48-55-D-c
thôn An Lịch	DC	xã Đông Lợi	H. Sơn Dương	21° 34' 34"	105° 18' 44"					F-48-55-D-c
thôn An Ninh	DC	xã Đông Lợi	H. Sơn Dương	21° 34' 05"	105° 18' 48"					F-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Bầu	SV	xã Đông Lợi	H. Sơn Dương	21° 35' 39"	105° 22' 21"					F-48-55-D-c
thôn Cao Ngỗi	DC	xã Đông Lợi	H. Sơn Dương	21° 35' 43"	105° 20' 47"					F-48-55-D-c
thôn Đồng Bừa	DC	xã Đông Lợi	H. Sơn Dương	21° 34' 24"	105° 20' 26"					F-48-55-D-c
thôn Nhà Xe	DC	xã Đông Lợi	H. Sơn Dương	21° 34' 47"	105° 19' 57"					F-48-55-D-c
thôn Phúc Kiện	DC	xã Đông Lợi	H. Sơn Dương	21° 35' 02"	105° 19' 24"					F-48-55-D-c
thôn Sùng Lễ	DC	xã Đông Lợi	H. Sơn Dương	21° 34' 31"	105° 19' 26"					F-48-55-D-c
thôn Xóm Nứa	DC	xã Đông Lợi	H. Sơn Dương	21° 35' 24"	105° 19' 17"					F-48-55-D-c
thôn Cây Táu	DC	xã Đồng Quý	H. Sơn Dương	21° 37' 58"	105° 17' 29"					F-48-55-D-a
thôn Đồng Cảy	DC	xã Đồng Quý	H. Sơn Dương	21° 37' 32"	105° 16' 47"					F-48-55-D-a
thôn Như Xuyên	DC	xã Đồng Quý	H. Sơn Dương	21° 38' 15"	105° 17' 28"					F-48-55-D-a
hồ Như Xuyên	TV	xã Đồng Quý	H. Sơn Dương	21° 38' 20"	105° 17' 42"					F-48-55-D-a
suối Như Xuyên	TV	xã Đồng Quý	H. Sơn Dương			21° 38' 14"	105° 17' 38"	21° 37' 50"	105° 16' 56"	F-48-55-D-a
thôn Quý Nhân	DC	xã Đồng Quý	H. Sơn Dương	21° 36' 58"	105° 16' 15"					F-48-55-D-c
thôn Thanh Lương	DC	xã Đồng Quý	H. Sơn Dương	21° 37' 47"	105° 16' 25"					F-48-55-D-a
đường tỉnh 186	KX	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương			21° 38' 21"	105° 16' 29"	21° 41' 54"	105° 20' 06"	F-48-55-D-a
thôn Đá Trơn	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 39' 11"	105° 16' 36"					F-48-55-D-a
thôn Đông Ninh	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 40' 18"	105° 15' 17"					F-48-55-D-a
thôn Đông Trai	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 39' 08"	105° 14' 26"					F-48-55-C-b
Gốc Mít	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 38' 34"	105° 16' 21"					F-48-55-D-a
thôn Hà Sơn	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 41' 45"	105° 20' 05"					F-48-55-D-a
Hưng Long	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 40' 06"	105° 15' 53"					F-48-55-D-a
thôn Hữu Lộc	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 39' 33"	105° 16' 06"					F-48-55-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khe Cam	TV	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương			21° 37' 36"	105° 19' 47"	21° 38' 26"	105° 18' 31"	F-48-55-D-a
thôn Khúc Nô	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 39' 55"	105° 17' 41"					F-48-55-D-a
thôn Lâm Khê	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 40' 34"	105° 17' 10"					F-48-55-D-a
thôn Làng Hào	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 39' 12"	105° 17' 48"					F-48-55-D-a
thôn Làng Mông	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 38' 53"	105° 18' 35"					F-48-55-D-a
ngòi Liễm	TV	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương			21° 40' 21"	105° 15' 00"	21° 39' 51"	105° 15' 43"	F-48-55-D-a
sông Lô	TV	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương			21° 41' 17"	105° 15' 00"	21° 38' 39"	105° 14' 07"	F-48-55-C-b, F-48-55-D-a
núi Mắng	SV	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 39' 36"	105° 18' 54"					F-48-55-D-a
ngòi Mong	TV	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương			21° 39' 50"	105° 19' 08"	21° 38' 28"	105° 18' 08"	F-48-55-D-a
thôn Mỹ Thọ	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 39' 16"	105° 17' 20"					F-48-55-D-a
Ninh Thái	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 39' 33"	105° 15' 15"					F-48-55-D-a
thôn Tân An	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 41' 10"	105° 19' 38"					F-48-55-D-a
Tân Lập	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 40' 31"	105° 15' 02"					F-48-55-D-a
thôn Trung Thu	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 38' 43"	105° 16' 19"					F-48-55-D-a
Vòng Kiềng	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 40' 06"	105° 16' 50"					F-48-55-D-a
thôn Xạ Hương	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 40' 03"	105° 14' 13"					F-48-55-C-b
thôn Y Nhân	DC	xã Đông Thọ	H. Sơn Dương	21° 41' 05"	105° 18' 53"					F-48-55-D-a
thôn Đào Tiến	DC	xã Hào Phú	H. Sơn Dương	21° 33' 36"	105° 19' 21"					F-48-55-D-c
thôn Đồng Phú	DC	xã Hào Phú	H. Sơn Dương	21° 32' 59"	105° 19' 12"					F-48-55-D-c
thôn Đồng Tâm	DC	xã Hào Phú	H. Sơn Dương	21° 33' 06"	105° 17' 40"					F-48-55-D-c
thôn Phú Đa	DC	xã Hào Phú	H. Sơn Dương	21° 32' 41"	105° 19' 10"					F-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phú Thịnh	DC	xã Hào Phú	H. Sơn Dương	21° 31' 56"	105° 19' 23"					F-48-55-D-c
thôn Quang Tất	DC	xã Hào Phú	H. Sơn Dương	21° 33' 05"	105° 19' 49"					F-48-55-D-c
thôn Thắng Lợi	DC	xã Hào Phú	H. Sơn Dương	21° 32' 48"	105° 18' 47"					F-48-55-D-c
thôn Thọ Đức	DC	xã Hào Phú	H. Sơn Dương	21° 33' 16"	105° 18' 23"					F-48-55-D-c
thôn Trại Mít	DC	xã Hào Phú	H. Sơn Dương	21° 33' 48"	105° 17' 32"					F-48-55-D-c
đường tỉnh 186	KX	xã Hồng Lạc	H. Sơn Dương			21° 34' 27"	105° 17' 03"	21° 33' 47"	105° 16' 38"	F-48-55-D-c
thôn Cây Châm	DC	xã Hồng Lạc	H. Sơn Dương	21° 36' 04"	105° 16' 17"					F-48-55-D-c
thôn Cây Vạng	DC	xã Hồng Lạc	H. Sơn Dương	21° 34' 17"	105° 16' 35"					F-48-55-D-c
thôn Đình Lộng	DC	xã Hồng Lạc	H. Sơn Dương	21° 34' 47"	105° 16' 09"					F-48-55-D-c
Công ty Đường Sơn Dương	KX	xã Hồng Lạc	H. Sơn Dương	21° 33' 27"	105° 17' 21"					F-48-55-D-c
thôn Gò Đình	DC	xã Hồng Lạc	H. Sơn Dương	21° 33' 36"	105° 16' 42"					F-48-55-D-c
thôn Kho Chín	DC	xã Hồng Lạc	H. Sơn Dương	21° 34' 11"	105° 17' 11"					F-48-55-D-c
thôn Khổng	DC	xã Hồng Lạc	H. Sơn Dương	21° 34' 17"	105° 16' 01"					F-48-55-D-c
thôn Kim Xuyên	DC	xã Hồng Lạc	H. Sơn Dương	21° 33' 25"	105° 16' 37"					F-48-55-D-c
cầu Kim Xuyên	KX	xã Hồng Lạc	H. Sơn Dương	21° 33' 49"	105° 16' 34"					F-48-55-D-c
sông Lô	TV	xã Hồng Lạc	H. Sơn Dương			21° 34' 14"	105° 15' 35"	21° 33' 18"	105° 16' 13"	F-48-55-D-c
thôn Vạn Long	DC	xã Hồng Lạc	H. Sơn Dương	21° 35' 10"	105° 16' 42"					F-48-55-D-c
thôn Xóm Hồ	DC	xã Hồng Lạc	H. Sơn Dương	21° 35' 25"	105° 16' 01"					F-48-55-D-c
Ao Sen	DC	xã Hợp Hòa	H. Sơn Dương	21° 37' 05"	105° 25' 30"					F-48-55-D-d
thôn Cầu Đá	DC	xã Hợp Hòa	H. Sơn Dương	21° 36' 36"	105° 25' 53"					F-48-55-D-d
suối Cầu Giát	TV	xã Hợp Hòa	H. Sơn Dương			21° 36' 56"	105° 26' 40"	21° 34' 57"	105° 26' 35"	F-48-55-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đập Cây Châm	KX	xã Hợp Hòa	H. Sơn Dương	21° 35' 40"	105° 26' 38"					F-48-55-D-d
thôn Đồng Báo	DC	xã Hợp Hòa	H. Sơn Dương	21° 36' 01"	105° 26' 30"					F-48-55-D-d
thôn Đồng Chùa	DC	xã Hợp Hòa	H. Sơn Dương	21° 37' 48"	105° 24' 59"					F-48-55-D-b
thôn Đồng Giang	DC	xã Hợp Hòa	H. Sơn Dương	21° 36' 38"	105° 26' 46"					F-48-55-D-d
thôn Đồng Phai	DC	xã Hợp Hòa	H. Sơn Dương	21° 37' 12"	105° 25' 58"					F-48-55-D-d
ngòi Lẹm	TV	xã Hợp Hòa	H. Sơn Dương			21° 39' 20"	105° 26' 13"	21° 37' 14"	105° 25' 24"	F-48-55-D-b
thôn Ninh Hòa	DC	xã Hợp Hòa	H. Sơn Dương	21° 39' 06"	105° 24' 19"					F-48-55-D-b
thôn Núi Độc	DC	xã Hợp Hòa	H. Sơn Dương	21° 37' 29"	105° 25' 32"					F-48-55-D-b
sông Phó Đáy	TV	xã Hợp Hòa	H. Sơn Dương			21° 39' 35"	105° 23' 39"	21° 35' 25"	105° 26' 14"	F-48-55-D-b
dãy núi Tam Đảo	SV	xã Hợp Hòa	H. Sơn Dương	21° 37' 55"	105° 28' 12"					F-48-55-D-b
thôn Tân Dân	DC	xã Hợp Hòa	H. Sơn Dương	21° 35' 56"	105° 27' 21"					F-48-55-D-d
thôn Tân Trào	DC	xã Hợp Hòa	H. Sơn Dương	21° 35' 28"	105° 26' 44"					F-48-55-D-d
thôn Thanh Bình	DC	xã Hợp Hòa	H. Sơn Dương	21° 38' 00"	105° 24' 38"					F-48-55-D-b
thôn Thanh Sơn	DC	xã Hợp Hòa	H. Sơn Dương	21° 38' 47"	105° 25' 32"					F-48-55-D-b
thôn Việt Hòa	DC	xã Hợp Hòa	H. Sơn Dương	21° 36' 23"	105° 26' 55"					F-48-55-D-d
quốc lộ 37	KX	xã Hợp Thành	H. Sơn Dương			21° 41' 12"	105° 29' 08"	21° 42' 23"	105° 24' 20"	F-48-55-D-b
thôn Cầu Trắng	DC	xã Hợp Thành	H. Sơn Dương	21° 41' 25"	105° 27' 17"					F-48-55-D-b
thôn Cây Mơ	DC	xã Hợp Thành	H. Sơn Dương	21° 42' 37"	105° 24' 36"					F-48-55-D-b
thôn Địa Chất	DC	xã Hợp Thành	H. Sơn Dương	21° 42' 20"	105° 24' 34"					F-48-55-D-b
thôn Đồng Búc	DC	xã Hợp Thành	H. Sơn Dương	21° 41' 55"	105° 25' 43"					F-48-55-D-b
thôn Đồng Đài	DC	xã Hợp Thành	H. Sơn Dương	21° 40' 26"	105° 28' 19"					F-48-55-D-b
thôn Đồng Diễn	DC	xã Hợp Thành	H. Sơn Dương	21° 41' 52"	105° 27' 34"					F-48-55-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Khế	SV	xã Hợp Thành	H. Sơn Dương	21° 41' 13"	105° 29' 08"					F-48-55-D-b
thôn Làng Sảo	DC	xã Hợp Thành	H. Sơn Dương	21° 42' 56"	105° 24' 37"					F-48-55-D-b
hồ Làng Sảo	TV	xã Hợp Thành	H. Sơn Dương	21° 43' 03"	105° 24' 41"					F-48-55-D-b
thôn Rộc	DC	xã Hợp Thành	H. Sơn Dương	21° 42' 17"	105° 26' 43"					F-48-55-D-b
thôn Trầm	DC	xã Hợp Thành	H. Sơn Dương	21° 42' 15"	105° 26' 21"					F-48-55-D-b
cầu Trầm	KX	xã Hợp Thành	H. Sơn Dương	21° 42' 03"	105° 26' 42"					F-48-55-D-b
thôn Trúc Khê	DC	xã Hợp Thành	H. Sơn Dương	21° 41' 10"	105° 28' 13"					F-48-55-D-b
thôn Tứ Thông	DC	xã Hợp Thành	H. Sơn Dương	21° 42' 16"	105° 25' 03"					F-48-55-D-b
suối Từ Trầm	TV	xã Hợp Thành	H. Sơn Dương			21° 40' 19"	105° 28' 29"	21° 42' 53"	105° 24' 19"	F-48-55-D-b
thôn Ba Khe	DC	xã Kháng Nhật	H. Sơn Dương	21° 40' 08"	105° 24' 04"					F-48-55-D-b
Chi nhánh Xí nghiệp Thiếc	KX	xã Kháng Nhật	H. Sơn Dương	21° 40' 02"	105° 25' 42"					F-48-55-D-b
đèo Kháng Nhật	SV	xã Kháng Nhật	H. Sơn Dương	21° 39' 48"	105° 28' 04"					F-48-55-D-b
thôn Lẹm	DC	xã Kháng Nhật	H. Sơn Dương	21° 39' 26"	105° 26' 42"					F-48-55-D-b
đèo Mon	SV	xã Kháng Nhật	H. Sơn Dương	21° 39' 57"	105° 23' 32"					F-48-55-D-b
dãy núi Tam Đảo	SV	xã Kháng Nhật	H. Sơn Dương	21° 35' 41"	105° 30' 53"					F-48-55-D-b
núi Tam Đảo	SV	xã Kháng Nhật	H. Sơn Dương	21° 38' 22"	105° 29' 44"					F-48-55-D-b
núi Thanh Sơn	SV	xã Kháng Nhật	H. Sơn Dương	21° 38' 49"	105° 27' 37"					F-48-55-D-b
thôn Trung Tâm	DC	xã Kháng Nhật	H. Sơn Dương	21° 40' 28"	105° 25' 41"					F-48-55-D-b
núi Lão	SV	xã Lâm Xuyên	H. Sơn Dương	21° 30' 58"	105° 19' 17"					F-48-55-D-c
thôn Phan Lương	DC	xã Lâm Xuyên	H. Sơn Dương	21° 30' 52"	105° 19' 42"					F-48-55-D-c
thôn Phú Thịnh	DC	xã Lâm Xuyên	H. Sơn Dương	21° 31' 23"	105° 19' 00"					F-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phú Thọ 1	DC	xã Lâm Xuyên	H. Sơn Dương	21° 31' 00"	105° 18' 10"					F-48-55-D-c
thôn Phú Thọ 2	DC	xã Lâm Xuyên	H. Sơn Dương	21° 31' 13"	105° 17' 56"					F-48-55-D-c
thôn Quyết Thắng	DC	xã Lâm Xuyên	H. Sơn Dương	21° 31' 29"	105° 17' 49"					F-48-55-D-c
thôn Quyết Tiến	DC	xã Lâm Xuyên	H. Sơn Dương	21° 31' 39"	105° 18' 30"					F-48-55-D-c
núi Sộp	SV	xã Lâm Xuyên	H. Sơn Dương	21° 31' 37"	105° 19' 02"					F-48-55-D-c
núi Trâm	SV	xã Lâm Xuyên	H. Sơn Dương	21° 31' 15"	105° 18' 09"					F-48-55-D-c
núi Đan Diêm	SV	xã Lương Thiện	H. Sơn Dương	21° 44' 01"	105° 28' 30"					F-48-55-D-b
thôn Đồng Chanh	DC	xã Lương Thiện	H. Sơn Dương	21° 44' 16"	105° 28' 10"					F-48-55-D-b
thôn Đồng Quan	DC	xã Lương Thiện	H. Sơn Dương	21° 44' 43"	105° 27' 51"					F-48-55-D-b
thôn Đồng Tậu	DC	xã Lương Thiện	H. Sơn Dương	21° 43' 44"	105° 26' 21"					F-48-55-D-b
ngòi Khâm	TV	xã Lương Thiện	H. Sơn Dương			21° 44' 39"	105° 29' 52"	21° 43' 34"	105° 25' 45"	F-48-55-D-b
thôn Khuôn Tâm	DC	xã Lương Thiện	H. Sơn Dương	21° 43' 36"	105° 28' 17"					F-48-55-D-b
thôn Phục Hưng	DC	xã Lương Thiện	H. Sơn Dương	21° 44' 40"	105° 27' 10"					F-48-55-D-b
suối Quang Đạm	TV	xã Lương Thiện	H. Sơn Dương			21° 44' 16"	105° 29' 14"	21° 44' 51"	105° 26' 58"	F-48-55-D-b
thôn Tân Thượng	DC	xã Lương Thiện	H. Sơn Dương	21° 43' 00"	105° 28' 37"					F-48-55-D-b
thôn Tân Tiến	DC	xã Lương Thiện	H. Sơn Dương	21° 43' 58"	105° 29' 02"					F-48-55-D-b
núi Bâng	SV	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 47' 45"	105° 24' 49"					F-48-55-B-d
cầu Bâng	KX	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 47' 53"	105° 25' 25"					F-48-55-B-d
khu di tích Bộ ngoại giao	KX	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 47' 03"	105° 24' 19"					F-48-55-B-d
thôn Cả	DC	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 45' 22"	105° 23' 49"					F-48-55-B-d
thôn Cầu	DC	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 45' 37"	105° 23' 44"					F-48-55-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cảy	DC	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 45' 39"	105° 24' 26"					F-48-55-B-d
đèo Chắn	SV	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 47' 09"	105° 25' 43"					F-48-55-B-d
núi Cháy	SV	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 47' 59"	105° 23' 52"					F-48-55-B-d
thôn Cò	DC	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 46' 23"	105° 24' 05"					F-48-55-B-d
núi Đền	SV	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 47' 16"	105° 23' 41"					F-48-55-B-d
thôn Dõn	DC	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 47' 18"	105° 24' 40"					F-48-55-B-d
thôn Đồng Đon	DC	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 47' 00"	105° 24' 01"					F-48-55-B-d
thôn Lê	DC	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 47' 08"	105° 25' 09"					F-48-55-B-d
hồ Lê	TV	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 46' 59"	105° 25' 13"					F-48-55-B-d
suối Lê	TV	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương			21° 47' 38"	105° 22' 39"	21° 47' 24"	105° 25' 12"	F-48-55-B-d
khuổi Luông	TV	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương			21° 47' 03"	105° 22' 24"	21° 47' 16"	105° 23' 00"	F-48-55-B-d
thôn Mới	DC	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 47' 17"	105° 24' 21"					F-48-55-B-d
thôn Ngòi Trườn	DC	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 46' 29"	105° 23' 03"					F-48-55-B-d
khu di tích Nha công an trung ương	KX	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 46' 51"	105° 24' 10"					F-48-55-B-d
thôn Niếng	DC	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 48' 07"	105° 25' 12"					F-48-55-B-d
sông Phó Đáy	TV	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương			21° 48' 13"	105° 25' 39"	21° 47' 16"	105° 25' 48"	F-48-55-B-d
thôn Quang Thanh	DC	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 45' 26"	105° 24' 47"					F-48-55-B-d
thôn Tân Thái	DC	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 44' 37"	105° 25' 00"					F-48-55-D-b
thôn Tân Thành	DC	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 45' 10"	105° 25' 13"					F-48-55-B-d
khuổi Tiêu	TV	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương			21° 45' 46"	105° 22' 44"	21° 45' 21"	105° 23' 52"	F-48-55-B-d
thôn Toa	DC	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 47' 48"	105° 25' 12"					F-48-55-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Trung Quốc	SV	xã Minh Thanh	H. Sơn Dương	21° 48' 16"	105° 24' 31"					F-48-55-B-d
thôn Ấp Mới	DC	xã Ninh Lai	H. Sơn Dương	21° 31' 46"	105° 29' 44"					F-48-55-D-d
suối Cả	TV	xã Ninh Lai	H. Sơn Dương			21° 34' 59"	105° 30' 28"	21° 33' 24"	105° 28' 35"	F-48-55-D-d F-48-56-C-c
suối Gai	TV	xã Ninh Lai	H. Sơn Dương			21° 34' 10"	105° 31' 13"	21° 32' 51"	105° 29' 05"	F-48-55-D-d
thôn Hoàng Tân	DC	xã Ninh Lai	H. Sơn Dương	21° 32' 29"	105° 30' 10"					F-48-56-C-c
thôn Hội Kế	DC	xã Ninh Lai	H. Sơn Dương	21° 33' 16"	105° 29' 01"					F-48-55-D-d
thôn Hợp Hòa	DC	xã Ninh Lai	H. Sơn Dương	21° 32' 14"	105° 29' 17"					F-48-55-D-d
thôn Nhật Tân	DC	xã Ninh Lai	H. Sơn Dương	21° 33' 56"	105° 29' 25"					F-48-55-D-d
thôn Ninh Lai	DC	xã Ninh Lai	H. Sơn Dương	21° 32' 42"	105° 29' 45"					F-48-55-D-d
thôn An Thịnh	DC	xã Phú Lương	H. Sơn Dương	21° 33' 35"	105° 21' 20"					F-48-55-D-c
thôn Cầu Trâm	DC	xã Phú Lương	H. Sơn Dương	21° 33' 19"	105° 22' 37"					F-48-55-D-d
thôn Đồng Khuân	DC	xã Phú Lương	H. Sơn Dương	21° 34' 08"	105° 22' 02"					F-48-55-D-c
thôn Gia Cát	DC	xã Phú Lương	H. Sơn Dương	21° 32' 39"	105° 21' 46"					F-48-55-D-c
thôn Gia Lập	DC	xã Phú Lương	H. Sơn Dương	21° 32' 31"	105° 21' 33"					F-48-55-D-c
thôn Hưng Tiến	DC	xã Phú Lương	H. Sơn Dương	21° 33' 31"	105° 22' 15"					F-48-55-D-c
thôn Lãng Nhiêu	DC	xã Phú Lương	H. Sơn Dương	21° 32' 06"	105° 22' 41"					F-48-55-D-d
thôn Lão Nhiêu	DC	xã Phú Lương	H. Sơn Dương	21° 32' 14"	105° 22' 58"					F-48-55-D-d
thôn Phú Nhiêu	DC	xã Phú Lương	H. Sơn Dương	21° 31' 39"	105° 23' 37"					F-48-55-D-d
thôn Phú Sơn	DC	xã Phú Lương	H. Sơn Dương	21° 31' 53"	105° 23' 13"					F-48-55-D-d
thôn Trấn Kiêng	DC	xã Phú Lương	H. Sơn Dương	21° 33' 23"	105° 23' 20"					F-48-55-D-d
quốc lộ 2C	KX	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương			21° 42' 02"	105° 22' 04"	21° 37' 38"	105° 23' 11"	F-48-55-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cây Thị	DC	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 41' 12"	105° 21' 48"					F-48-55-D-a
thôn Đá Cả	DC	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 39' 11"	105° 21' 16"					F-48-55-D-a
thôn Đá Ngựa	DC	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 39' 20"	105° 21' 46"					F-48-55-D-a
thôn Định Chung	DC	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 38' 35"	105° 23' 41"					F-48-55-D-b
thôn Đồng Luộc	DC	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 39' 42"	105° 21' 31"					F-48-55-D-a
ngòi Đồng Luộc	TV	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương			21° 39' 52"	105° 19' 51"	21° 39' 28"	105° 22' 22"	F-48-55-D-a
thôn Hang Hút	DC	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 38' 32"	105° 22' 03"					F-48-55-D-a
đèo Khuôn Gio	SV	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 37' 43"	105° 23' 14"					F-48-55-D-b
thôn Khuôn Ráng	DC	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 38' 25"	105° 23' 09"					F-48-55-D-b
thôn Khuôn Thê	DC	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 40' 43"	105° 22' 07"					F-48-55-D-a
thôn Liên Phương	DC	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 39' 48"	105° 20' 21"					F-48-55-D-a
thôn Liên Thành	DC	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 39' 10"	105° 21' 51"					F-48-55-D-a
thôn Minh Lệnh	DC	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 39' 46"	105° 21' 53"					F-48-55-D-a
đèo Mông	SV	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 39' 49"	105° 19' 35"					F-48-55-D-a
thôn Phai Cày	DC	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 41' 38"	105° 21' 42"					F-48-55-D-a
thôn Phú Lộc	DC	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 40' 05"	105° 20' 16"					F-48-55-D-a
thôn Phúc Lợi	DC	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 40' 26"	105° 21' 18"					F-48-55-D-a
thôn Phúc Vượng	DC	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 39' 39"	105° 22' 33"					F-48-55-D-b
cầu Phúc Vượng	KX	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 39' 35"	105° 22' 36"					F-48-55-D-b
thôn Phương Cẩm	DC	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 39' 40"	105° 20' 34"					F-48-55-D-a
hồ Phương Nam	TV	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 38' 07"	105° 22' 57"					F-48-55-D-b
thôn Vĩnh Phúc	DC	xã Phúc Ứng	H. Sơn Dương	21° 38' 21"	105° 24' 22"					F-48-55-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bãi Sặt	DC	xã Quyết Thắng	H. Sơn Dương	21° 38' 08"	105° 15' 26"					F-48-55-D-a
thôn Lãng Cư	DC	xã Quyết Thắng	H. Sơn Dương	21° 37' 10"	105° 14' 49"					F-48-55-C-d
thôn Liên Thắng	DC	xã Quyết Thắng	H. Sơn Dương	21° 38' 01"	105° 14' 47"					F-48-55-C-b
thôn Sài Lĩnh	DC	xã Quyết Thắng	H. Sơn Dương	21° 37' 51"	105° 13' 49"					F-48-55-C-b
thôn Thượng Bản	DC	xã Quyết Thắng	H. Sơn Dương	21° 38' 42"	105° 14' 42"					F-48-55-C-b
thôn Hưng Thịnh	DC	xã Sầm Dương	H. Sơn Dương	21° 33' 01"	105° 16' 24"					F-48-55-D-c
thôn Lương Thiện	DC	xã Sầm Dương	H. Sơn Dương	21° 32' 31"	105° 17' 42"					F-48-55-D-c
núi Pheo	SV	xã Sầm Dương	H. Sơn Dương	21° 32' 52"	105° 17' 39"					F-48-55-D-c
thôn Thái Thịnh	DC	xã Sầm Dương	H. Sơn Dương	21° 32' 11"	105° 17' 54"					F-48-55-D-c
quốc lộ 2C	KX	xã Sơn Nam	H. Sơn Dương			21° 34' 20"	105° 26' 49"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-55-D-d
thôn Ao Xanh	DC	xã Sơn Nam	H. Sơn Dương	21° 32' 03"	105° 28' 05"					F-48-55-D-d
suối Bâm	TV	xã Sơn Nam	H. Sơn Dương			21° 32' 16"	105° 27' 30"	21° 31' 41"	105° 29' 40"	F-48-55-D-d
cầu Bâm	KX	xã Sơn Nam	H. Sơn Dương	21° 32' 15"	105° 28' 31"					F-48-55-D-d
thôn Bình Man	DC	xã Sơn Nam	H. Sơn Dương	21° 31' 34"	105° 28' 59"					F-48-55-D-d
thôn Cầu Bâm	DC	xã Sơn Nam	H. Sơn Dương	21° 32' 23"	105° 28' 35"					F-48-55-D-d
thôn Cây Cọ	DC	xã Sơn Nam	H. Sơn Dương	21° 33' 10"	105° 28' 24"					F-48-55-D-d
thôn Khoan Lư	DC	xã Sơn Nam	H. Sơn Dương	21° 33' 18"	105° 27' 06"					F-48-55-D-d
hồ Khoan Lư	TV	xã Sơn Nam	H. Sơn Dương	21° 33' 15"	105° 26' 54"					F-48-55-D-d
thôn Làng Nàng	DC	xã Sơn Nam	H. Sơn Dương	21° 31' 39"	105° 26' 41"					F-48-55-D-d
thôn Nam Hiên	DC	xã Sơn Nam	H. Sơn Dương	21° 31' 31"	105° 27' 25"					F-48-55-D-d
sông Phó Đáy	TV	xã Sơn Nam	H. Sơn Dương			21° 34' 28"	105° 26' 54"	21° 31' 41"	105° 29' 41"	F-48-55-D-d
đồi Quả Báo	SV	xã Sơn Nam	H. Sơn Dương	21° 31' 26"	105° 28' 33"					F-48-55-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Quyết Thắng	DC	xã Sơn Nam	H. Sơn Dương	21° 33' 11"	105° 27' 36"					F-48-55-D-d
thôn Thanh Thất	DC	xã Sơn Nam	H. Sơn Dương	21° 33' 50"	105° 27' 29"					F-48-55-D-d
thôn Văn Bảo	DC	xã Sơn Nam	H. Sơn Dương	21° 32' 50"	105° 28' 09"					F-48-55-D-d
thôn An Lạc	DC	xã Tam Đa	H. Sơn Dương	21° 31' 04"	105° 19' 49"					F-48-55-D-c
thôn Cẩm Bào	DC	xã Tam Đa	H. Sơn Dương	21° 32' 34"	105° 20' 59"					F-48-55-D-c
thôn Cầu Kỳ	DC	xã Tam Đa	H. Sơn Dương	21° 31' 29"	105° 19' 59"					F-48-55-D-c
thôn Đồng Tâm	DC	xã Tam Đa	H. Sơn Dương	21° 33' 38"	105° 20' 25"					F-48-55-D-c
thôn Hội Xuân	DC	xã Tam Đa	H. Sơn Dương	21° 32' 17"	105° 20' 08"					F-48-55-D-c
thôn Lộ Viên	DC	xã Tam Đa	H. Sơn Dương	21° 32' 10"	105° 21' 18"					F-48-55-D-c
thôn Lương Viên	DC	xã Tam Đa	H. Sơn Dương	21° 31' 57"	105° 21' 00"					F-48-55-D-c
thôn Nho Quan	DC	xã Tam Đa	H. Sơn Dương	21° 33' 15"	105° 20' 32"					F-48-55-D-c
thôn Phú An	DC	xã Tam Đa	H. Sơn Dương	21° 31' 37"	105° 19' 51"					F-48-55-D-c
thôn Phú Thọ	DC	xã Tam Đa	H. Sơn Dương	21° 31' 20"	105° 20' 44"					F-48-55-D-c
thôn Phú Xuân	DC	xã Tam Đa	H. Sơn Dương	21° 32' 03"	105° 20' 20"					F-48-55-D-c
thôn Tân Lộc	DC	xã Tam Đa	H. Sơn Dương	21° 31' 25"	105° 21' 23"					F-48-55-D-c
thôn Tân Mỹ	DC	xã Tam Đa	H. Sơn Dương	21° 32' 42"	105° 20' 12"					F-48-55-D-c
thôn Tân Phú	DC	xã Tam Đa	H. Sơn Dương	21° 31' 20"	105° 20' 26"					F-48-55-D-c
thôn Tân Thành	DC	xã Tam Đa	H. Sơn Dương	21° 32' 07"	105° 20' 25"					F-48-55-D-c
thôn Tân Tiến	DC	xã Tam Đa	H. Sơn Dương	21° 32' 19"	105° 20' 17"					F-48-55-D-c
thôn Thái Hoà	DC	xã Tam Đa	H. Sơn Dương	21° 31' 37"	105° 21' 44"					F-48-55-D-c
thôn Vi Lăng	DC	xã Tam Đa	H. Sơn Dương	21° 32' 21"	105° 20' 46"					F-48-55-D-c
quốc lộ 2C	KX	xã Tân Trào	H. Sơn Dương			21° 45' 23"	105° 25' 42"	21° 47' 09"	105° 25' 44"	F-48-55-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bòng	DC	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 45' 59"	105° 26' 21"					F-48-55-B-d
núi Bòng	SV	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 45' 59"	105° 26' 08"					F-48-55-B-d
thôn Cả	DC	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 37"	105° 25' 49"					F-48-55-B-d
núi Đá Thia	SV	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 09"	105° 26' 44"					F-48-55-B-d
đình Hồng Thái	KX	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 37"	105° 26' 12"					F-48-55-B-d
Khai Hoang	DC	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 19"	105° 28' 44"					F-48-55-B-d
núi Khau Nhì	SV	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 47' 52"	105° 29' 34"					F-48-55-B-d
núi Khau Tứ	SV	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 47' 10"	105° 27' 51"					F-48-55-B-d
hồ Lán Bác	TV	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 41"	105° 28' 48"					F-48-55-B-d
thôn Lũng Búng	DC	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 34"	105° 27' 31"					F-48-55-B-d
thôn Mỏ Ché	DC	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 08"	105° 27' 51"					F-48-55-B-d
cầu Nà Lừa	KX	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 32"	105° 28' 46"					F-48-55-B-d
lán Nà Lừa	KX	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 34"	105° 28' 57"					F-48-55-B-d
cầu Suối Thia 1	KX	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 34"	105° 27' 00"					F-48-55-B-d
cầu Suối Thia 2	KX	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 34"	105° 27' 13"					F-48-55-B-d
thôn Tân Lập	DC	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 38"	105° 28' 28"					F-48-55-B-d
bảo tàng Tân Trào	KX	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 33"	105° 28' 06"					F-48-55-B-d
cây đa Tân Trào	KX	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 28"	105° 28' 30"					F-48-55-B-d
đình Tân Trào	KX	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 32"	105° 28' 16"					F-48-55-B-d
thôn Thia	DC	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 29"	105° 26' 42"					F-48-55-B-d
ngòi Thia	TV	xã Tân Trào	H. Sơn Dương			21° 45' 41"	105° 28' 59"	21° 46' 15"	105° 26' 28"	F-48-55-B-d
thôn Tiền Phong	DC	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 18"	105° 25' 06"					F-48-55-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Tiền Phong	TV	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 26"	105° 24' 57"					F-48-55-B-d
cầu Trắng	KX	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 29"	105° 26' 29"					F-48-55-B-d
thôn Vĩnh Tân	DC	xã Tân Trào	H. Sơn Dương	21° 46' 59"	105° 26' 21"					F-48-55-B-d
suối Buồm	TV	xã Thanh Phát	H. Sơn Dương			21° 37' 22"	105° 20' 52"	21° 37' 43"	105° 21' 21"	F-48-55-D-c
thôn Cầu Khoai	DC	xã Thanh Phát	H. Sơn Dương	21° 38' 46"	105° 19' 25"					F-48-55-D-a
suối Cầu Khoai	TV	xã Thanh Phát	H. Sơn Dương			21° 38' 49"	105° 19' 49"	21° 38' 46"	105° 19' 03"	F-48-55-D-a
thôn Cây Nhội	DC	xã Thanh Phát	H. Sơn Dương	21° 38' 02"	105° 20' 55"					F-48-55-D-a
thôn Lục Liêu	DC	xã Thanh Phát	H. Sơn Dương	21° 36' 56"	105° 22' 18"					F-48-55-D-c
suối Lục Liêu	TV	xã Thanh Phát	H. Sơn Dương			21° 38' 13"	105° 20' 27"	21° 36' 38"	105° 23' 22"	F-48-55-D-a
suối Nóng	TV	xã Thanh Phát	H. Sơn Dương			21° 36' 31"	105° 21' 35"	21° 37' 06"	105° 22' 24"	F-48-55-D-c
suối Phú Minh	TV	xã Thanh Phát	H. Sơn Dương			21° 36' 59"	105° 21' 00"	21° 37' 19"	105° 21' 53"	F-48-55-D-c
suối Cầu Khum	TV	xã Thiện Kế	H. Sơn Dương			21° 35' 05"	105° 27' 51"	21° 34' 08"	105° 27' 47"	F-48-55-D-d
ngòi Cho	TV	xã Thiện Kế	H. Sơn Dương			21° 36' 06"	105° 29' 11"	21° 35' 23"	105° 28' 49"	F-48-55-D-d
suối Dò	TV	xã Thiện Kế	H. Sơn Dương			21° 37' 07"	105° 28' 48"	21° 34' 57"	105° 26' 51"	F-48-55-D-d
thôn Kế Tân	DC	xã Thiện Kế	H. Sơn Dương	21° 35' 16"	105° 28' 09"					F-48-55-D-d
thôn Làng Sinh	DC	xã Thiện Kế	H. Sơn Dương	21° 35' 12"	105° 27' 31"					F-48-55-D-d
hồ Nhật Tân	TV	xã Thiện Kế	H. Sơn Dương	21° 34' 10"	105° 29' 12"					F-48-55-D-d
sông Phó Đáy	TV	xã Thiện Kế	H. Sơn Dương			21° 34' 46"	105° 26' 54"	21° 33' 23"	105° 28' 34"	F-48-55-D-d
dãy Tam Đảo	SV	xã Thiện Kế	H. Sơn Dương	21° 35' 41"	105° 30' 53"					F-48-56-C-c
suối Thiện	TV	xã Thiện Kế	H. Sơn Dương			21° 35' 23"	105° 28' 49"	21° 34' 05"	105° 27' 47"	F-48-55-D-d
cầu Thiện Kế	KX	xã Thiện Kế	H. Sơn Dương	21° 33' 46"	105° 27' 51"					F-48-55-D-d
thôn Thiện Phong	DC	xã Thiện Kế	H. Sơn Dương	21° 34' 23"	105° 28' 39"					F-48-55-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vạt Chanh	DC	xã Thiện Kế	H. Sơn Dương	21° 34' 33"	105° 27' 17"					F-48-55-D-d
thôn Xóm Đá	DC	xã Thiện Kế	H. Sơn Dương	21° 33' 48"	105° 28' 35"					F-48-55-D-d
quốc lộ 37	KX	xã Thượng Ấm	H. Sơn Dương			21° 45' 53"	105° 18' 12"	21° 43' 19"	105° 20' 30"	F-48-55-B-c, F-48-55-D-a
thôn Ấm Thắng	DC	xã Thượng Ấm	H. Sơn Dương	21° 45' 13"	105° 18' 44"					F-48-55-B-c
thôn Cận	DC	xã Thượng Ấm	H. Sơn Dương	21° 45' 07"	105° 19' 16"					F-48-55-B-c
thôn Cây Phay	DC	xã Thượng Ấm	H. Sơn Dương	21° 43' 48"	105° 20' 25"					F-48-55-D-a
thôn Đồng Bèn 1	DC	xã Thượng Ấm	H. Sơn Dương	21° 44' 04"	105° 20' 14"					F-48-55-D-a
thôn Đồng Dài	DC	xã Thượng Ấm	H. Sơn Dương	21° 44' 37"	105° 19' 01"					F-48-55-D-a
thôn Đồng Trôi	DC	xã Thượng Ấm	H. Sơn Dương	21° 44' 38"	105° 19' 45"					F-48-55-D-a
thôn Đồng Ván	DC	xã Thượng Ấm	H. Sơn Dương	21° 45' 32"	105° 18' 33"					F-48-55-B-c
thôn Hàm Ếch	DC	xã Thượng Ấm	H. Sơn Dương	21° 45' 29"	105° 19' 07"					F-48-55-B-c
thôn Hồng Tiến	DC	xã Thượng Ấm	H. Sơn Dương	21° 43' 28"	105° 19' 09"					F-48-55-D-a
thôn Khuân Lăn	DC	xã Thượng Ấm	H. Sơn Dương	21° 42' 29"	105° 18' 59"					F-48-55-D-a
suối Soan	TV	xã Thượng Ấm	H. Sơn Dương			21° 45' 43"	105° 18' 09"	21° 44' 38"	105° 19' 20"	F-48-55-D-a
thôn Thượng Ấm	DC	xã Thượng Ấm	H. Sơn Dương	21° 43' 52"	105° 18' 18"					F-48-55-D-a
đèo Thượng Ấm	SV	xã Thượng Ấm	H. Sơn Dương	21° 43' 58"	105° 18' 34"					F-48-55-D-a
thôn Vườn Đào	DC	xã Thượng Ấm	H. Sơn Dương	21° 44' 20"	105° 18' 30"					F-48-55-D-a
chợ Xoan	KX	xã Thượng Ấm	H. Sơn Dương	21° 45' 09"	105° 18' 35"					F-48-55-B-c
cầu Xoan 2	KX	xã Thượng Ấm	H. Sơn Dương	21° 45' 53"	105° 18' 12"					F-48-55-B-c
thôn Ao Búc	DC	xã Trung Yên	H. Sơn Dương	21° 48' 28"	105° 25' 40"					F-48-55-B-d
thôn Đồng Mà	DC	xã Trung Yên	H. Sơn Dương	21° 48' 14"	105° 26' 00"					F-48-55-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hoàng Lâu	DC	xã Trung Yên	H. Sơn Dương	21° 49' 06"	105° 27' 34"					F-48-55-B-d
núi Khau Nhù	SV	xã Trung Yên	H. Sơn Dương	21° 49' 28"	105° 29' 12"					F-48-55-B-d
thôn Khuân Đào	DC	xã Trung Yên	H. Sơn Dương	21° 49' 34"	105° 27' 47"					F-48-55-B-d
suối Nà Nghia	TV	xã Trung Yên	H. Sơn Dương			21° 50' 01"	105° 27' 01"	21° 49' 01"	105° 25' 57"	F-48-55-B-d
Nà Tè	DC	xã Trung Yên	H. Sơn Dương	21° 48' 40"	105° 27' 22"					F-48-55-B-d
hồ Ngòi Môn Ao Búc	TV	xã Trung Yên	H. Sơn Dương	21° 49' 24"	105° 25' 06"					F-48-55-B-d
Pắp Pẻn	DC	xã Trung Yên	H. Sơn Dương	21° 48' 45"	105° 28' 24"					F-48-55-B-d
sông Phó Đáy	TV	xã Trung Yên	H. Sơn Dương			21° 49' 51"	105° 25' 35"	21° 47' 17"	105° 26' 284"	F-48-55-B-d
thôn Quan Hạ	DC	xã Trung Yên	H. Sơn Dương	21° 49' 15"	105° 26' 10"					F-48-55-B-d
thôn Trung Long	DC	xã Trung Yên	H. Sơn Dương	21° 48' 12"	105° 26' 31"					F-48-55-B-d
hồ Trung Long	TV	xã Trung Yên	H. Sơn Dương	21° 48' 11"	105° 27' 19"					F-48-55-B-d
cầu Trung Yên	KX	xã Trung Yên	H. Sơn Dương	21° 48' 39"	105° 25' 55"					F-48-55-B-d
Xóm Mới	DC	xã Trung Yên	H. Sơn Dương	21° 49' 47"	105° 26' 58"					F-48-55-B-d
thôn Yên Thượng	DC	xã Trung Yên	H. Sơn Dương	21° 47' 28"	105° 25' 50"					F-48-55-B-d
hồ Yên Thượng	TV	xã Trung Yên	H. Sơn Dương	21° 47' 48"	105° 26' 16"					F-48-55-B-d
quốc lộ 37	KX	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương			21° 43' 19"	105° 20' 30"	21° 42' 02"	105° 22' 04"	F-48-55-D-a
cầu Bì	KX	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 44' 10"	105° 24' 25"					F-48-55-D-b
hồ Bồ Hòn	TV	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 42' 41"	105° 21' 15"					F-48-55-D-a
ngòi Ca	TV	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương			21° 42' 31"	105° 19' 39"	21° 43' 27"	105° 20' 35"	F-48-55-D-a
thôn Cầu Bì	DC	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 44' 16"	105° 24' 25"					F-48-55-D-b
thôn Cầu Quất	DC	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 43' 25"	105° 24' 21"					F-48-55-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Cây Đa	DC	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 43' 22"	105° 21' 24"					F-48-55-D-a
thôn Đa Năng	DC	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 43' 03"	105° 21' 14"					F-48-55-D-a
cầu Đa Năng	KX	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 43' 11"	105° 20' 46"					F-48-55-D-a
hồ Đầm Bùng	TV	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 43' 24"	105° 21' 36"					F-48-55-D-a
thôn Đồng Hoan	DC	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 43' 57"	105° 23' 16"					F-48-55-D-b
ngòi Đồng Hoan	TV	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương			21° 43' 26"	105° 23' 03"	21° 43' 32"	105° 23' 38"	F-48-55-D-b
Đồng Nhàng	DC	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 42' 21"	105° 20' 04"					F-48-55-D-a
thôn Đông Thịnh	DC	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 42' 45"	105° 19' 59"					F-48-55-D-a
thôn Hưng Thịnh	DC	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 42' 51"	105° 20' 48"					F-48-55-D-a
thôn Hưng Thủy	DC	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 42' 25"	105° 21' 02"					F-48-55-D-a
núi Khánh	SV	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 42' 41"	105° 22' 12"					F-48-55-D-a
Mỏ Chim	DC	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 42' 39"	105° 19' 42"					F-48-55-D-a
Mỏ Giát	DC	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 44' 20"	105° 23' 47"					F-48-55-D-b
ngòi Mỏ Giát	TV	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương			21° 44' 47"	105° 23' 39"	21° 44' 06"	105° 24' 30"	F-48-55-D-b
thôn Ngãi Thắng	DC	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 43' 14"	105° 20' 36"					F-48-55-D-a
cầu Quất	KX	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 43' 16"	105° 24' 09"					F-48-55-D-b
thôn Tân Bình	DC	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 41' 55"	105° 21' 37"					F-48-55-D-a
thôn Tân Hồng	DC	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 43' 56"	105° 24' 30"					F-48-55-D-b
Tân Thái	DC	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 44' 32"	105° 24' 48"					F-48-55-D-b
thôn Tân Thắng	DC	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 42' 59"	105° 20' 14"					F-48-55-D-a
thôn Tú Tạc	DC	xã Tú Thịnh	H. Sơn Dương	21° 43' 20"	105° 22' 49"					F-48-55-D-b
núi Bầu	SV	xã Tuân Lộ	H. Sơn Dương	21° 35' 39"	105° 22' 21"					F-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cây Thị	DC	xã Tuân Lộ	H. Sơn Dương	21° 36' 13"	105° 24' 37"					F-48-55-D-d
suối Cây Thị	TV	xã Tuân Lộ	H. Sơn Dương			21° 36' 04"	105° 24' 21"	21° 35' 25"	105° 25' 48"	F-48-55-D-d
suối Đát	TV	xã Tuân Lộ	H. Sơn Dương			21° 34' 23"	105° 26' 04"	21° 34' 36"	105° 26' 48"	F-48-55-D-d
thôn Đồng Chùa	DC	xã Tuân Lộ	H. Sơn Dương	21° 36' 28"	105° 24' 19"					F-48-55-D-d
thôn Đồng Lạnh	DC	xã Tuân Lộ	H. Sơn Dương	21° 34' 56"	105° 26' 11"					F-48-55-D-d
núi Hang Dơi	SV	xã Tuân Lộ	H. Sơn Dương	21° 36' 57"	105° 23' 28"					F-48-55-D-d
suối Lầm	TV	xã Tuân Lộ	H. Sơn Dương			21° 36' 38"	105° 23' 22"	21° 36' 58"	105° 24' 52"	F-48-55-D-d
thôn Múc Ròm	DC	xã Tuân Lộ	H. Sơn Dương	21° 37' 29"	105° 24' 39"					F-48-55-D-d
thôn Nga Phụ	DC	xã Tuân Lộ	H. Sơn Dương	21° 35' 34"	105° 25' 35"					F-48-55-D-d
thôn Tân Tiến	DC	xã Tuân Lộ	H. Sơn Dương	21° 37' 07"	105° 24' 24"					F-48-55-D-d
hồ Tiên Sinh	TV	xã Tuân Lộ	H. Sơn Dương	21° 35' 31"	105° 25' 52"					F-48-55-D-d
thôn Trại Đát	DC	xã Tuân Lộ	H. Sơn Dương	21° 34' 23"	105° 26' 44"					F-48-55-D-d
thôn Vĩnh Sơn	DC	xã Tuân Lộ	H. Sơn Dương	21° 37' 18"	105° 23' 39"					F-48-55-D-d
thôn Vĩnh Tiến	DC	xã Tuân Lộ	H. Sơn Dương	21° 35' 47"	105° 25' 50"					F-48-55-D-d
thôn Vực Lửng	DC	xã Tuân Lộ	H. Sơn Dương	21° 37' 39"	105° 24' 18"					F-48-55-D-b
hồ Điện Biên	TV	xã Văn Phú	H. Sơn Dương	21° 36' 20"	105° 17' 53"					F-48-55-D-c
Đồng Tiến	DC	xã Văn Phú	H. Sơn Dương	21° 35' 42"	105° 17' 26"					F-48-55-D-c
thôn Đồng Văn	DC	xã Văn Phú	H. Sơn Dương	21° 35' 43"	105° 16' 59"					F-48-55-D-c
thôn Gò Kiêu	DC	xã Văn Phú	H. Sơn Dương	21° 36' 21"	105° 16' 48"					F-48-55-D-c
mương Khe Thuyền	TV	xã Văn Phú	H. Sơn Dương			21° 35' 38"	105° 17' 37"	21° 36' 10"	105° 17' 52"	F-48-55-D-c
suối Khe Thuyền	TV	xã Văn Phú	H. Sơn Dương			21° 37' 00"	105° 18' 30"	21° 36' 39"	105° 17' 48"	F-48-55-D-c
thôn Khe Thuyền 1	DC	xã Văn Phú	H. Sơn Dương	21° 36' 29"	105° 17' 34"					F-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khe Thuyền 2	DC	xã Văn Phú	H. Sơn Dương	21° 36' 17"	105° 17' 35"					F-48-55-D-c
thôn Làng Đu	DC	xã Văn Phú	H. Sơn Dương	21° 35' 45"	105° 16' 38"					F-48-55-D-c
thôn Tân Thành	DC	xã Văn Phú	H. Sơn Dương	21° 37' 03"	105° 17' 12"					F-48-55-D-c
thôn Thịnh Kim	DC	xã Văn Phú	H. Sơn Dương	21° 35' 10"	105° 16' 53"					F-48-55-D-c
thôn Xóm Bọc	DC	xã Văn Phú	H. Sơn Dương	21° 36' 41"	105° 16' 51"					F-48-55-D-c
thôn An Mỹ	DC	xã Vân Sơn	H. Sơn Dương	21° 36' 57"	105° 15' 13"					F-48-55-D-c
thôn Dộc Vàu	DC	xã Vân Sơn	H. Sơn Dương	21° 35' 41"	105° 15' 42"					F-48-55-D-c
thôn Đồn Hang	DC	xã Vân Sơn	H. Sơn Dương	21° 35' 54"	105° 15' 04"					F-48-55-C-d
thôn Mãn Sơn	DC	xã Vân Sơn	H. Sơn Dương	21° 34' 54"	105° 15' 25"					F-48-55-D-c
thôn Tân Sơn	DC	xã Vân Sơn	H. Sơn Dương	21° 36' 13"	105° 15' 25"					F-48-55-D-c
thôn An Hòa	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Sơn Dương	21° 43' 43"	105° 16' 46"					F-48-55-D-a
thôn Ao Bầu	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Sơn Dương	21° 45' 23"	105° 16' 08"					F-48-55-B-c
thôn Bờ Sông	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Sơn Dương	21° 45' 24"	105° 15' 41"					F-48-55-B-c
thôn Cầu Cháy	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Sơn Dương	21° 44' 24"	105° 16' 27"					F-48-55-D-a
thôn Cây Đa	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Sơn Dương	21° 45' 11"	105° 16' 38"					F-48-55-B-c
tượng đài Chiến thắng Bình Ca	KX	xã Vĩnh Lợi	H. Sơn Dương	21° 46' 12"	105° 17' 24"					F-48-55-B-c
núi Đèo Tỉnh	SV	xã Vĩnh Lợi	H. Sơn Dương	21° 44' 46"	105° 17' 20"					F-48-55-D-a
thôn Đồng Hèo	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Sơn Dương	21° 45' 35"	105° 16' 38"					F-48-55-B-c
thôn Gò Hu	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Sơn Dương	21° 45' 03"	105° 16' 23"					F-48-55-B-c
thôn Hồ Sen	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Sơn Dương	21° 45' 11"	105° 15' 59"					F-48-55-B-c
thôn Kim Ninh	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Sơn Dương	21° 45' 54"	105° 15' 34"					F-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Lô	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Sơn Dương			21° 46' 18"	105° 17' 24"	21° 43' 08"	105° 16' 08"	F-48-55-B-c
thôn Ninh Thái	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Sơn Dương	21° 44' 44"	105° 17' 59"					F-48-55-D-a
đò Ruộc	KX	xã Vĩnh Lợi	H. Sơn Dương	21° 46' 04"	105° 15' 14"					F-48-55-B-c
thôn Tam Tinh	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Sơn Dương	21° 44' 18"	105° 18' 03"					F-48-55-D-a
thôn Thái An	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Sơn Dương	21° 45' 15"	105° 17' 52"					F-48-55-B-c
thôn Vân Thành	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Sơn Dương	21° 46' 11"	105° 16' 21"					F-48-55-B-c
tổ nhân dân 1	DC	TT.Tân Bình	H. Yên Sơn	21° 41' 53"	105° 13' 52"					F-48-55-C-b
tổ nhân dân 2	DC	TT.Tân Bình	H. Yên Sơn	21° 41' 37"	105° 13' 56"					F-48-55-C-b
tổ nhân dân 3	DC	TT.Tân Bình	H. Yên Sơn	21° 41' 54"	105° 13' 06"					F-48-55-C-b
tổ nhân dân 4	DC	TT.Tân Bình	H. Yên Sơn	21° 41' 46"	105° 13' 52"					F-48-55-C-b
tổ nhân dân 5	DC	TT.Tân Bình	H. Yên Sơn	21° 41' 50"	105° 14' 00"					F-48-55-C-b
tổ nhân dân 6	DC	TT.Tân Bình	H. Yên Sơn	21° 42' 22"	105° 13' 31"					F-48-55-C-b
tổ nhân dân 8	DC	TT.Tân Bình	H. Yên Sơn	21° 42' 22"	105° 14' 50"					F-48-55-C-b
tổ nhân dân 9	DC	TT.Tân Bình	H. Yên Sơn	21° 42' 30"	105° 14' 58"					F-48-55-C-b
cầu Tân Bình	KX	TT.Tân Bình	H. Yên Sơn	21° 41' 21"	105° 12' 36"					F-48-55-C-b
nhà máy Z113	KX	TT.Tân Bình	H. Yên Sơn	21° 41' 58"	105° 14' 39"					F-48-55-C-b
thôn Đèo Hoa	DC	xã Chân Sơn	H. Yên Sơn	21° 49' 42"	105° 07' 49"					F-48-55-A
thôn Đồng Dàn	DC	xã Chân Sơn	H. Yên Sơn	21° 48' 34"	105° 07' 53"					F-48-55-A
thôn Động Sơn	DC	xã Chân Sơn	H. Yên Sơn	21° 48' 22"	105° 08' 42"					F-48-55-A
thôn Hoàng Pháp	DC	xã Chân Sơn	H. Yên Sơn	21° 50' 11"	105° 09' 16"					F-48-55-A
thôn Khuân Lâm	DC	xã Chân Sơn	H. Yên Sơn	21° 49' 27"	105° 08' 32"					F-48-55-A
núi Là	SV	xã Chân Sơn	H. Yên Sơn	21° 48' 44"	105° 05' 54"					F-48-55-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Làng Là	DC	xã Chân Sơn	H. Yên Sơn	21° 48' 59"	105° 07' 37"					F-48-55-A
thôn Nhà Thờ	DC	xã Chân Sơn	H. Yên Sơn	21° 50' 34"	105° 08' 48"					F-48-55-A
thôn Trung Sơn	DC	xã Chân Sơn	H. Yên Sơn	21° 50' 05"	105° 09' 16"					F-48-55-A
thôn Trường Sơn	DC	xã Chân Sơn	H. Yên Sơn	21° 50' 26"	105° 08' 24"					F-48-55-A
thôn Cây Chanh	DC	xã Chiêu Yên	H. Yên Sơn	21° 58' 36"	105° 09' 28"					F-48-55-A
thôn Đán Khao	DC	xã Chiêu Yên	H. Yên Sơn	21° 59' 06"	105° 09' 37"					F-48-55-A
thôn Đồng Tân	DC	xã Chiêu Yên	H. Yên Sơn	22° 00' 56"	105° 08' 17"					F-48-43-C
thôn Mai Sơn	DC	xã Chiêu Yên	H. Yên Sơn	21° 58' 09"	105° 10' 11"					F-48-55-A
thôn Phai Đá	DC	xã Chiêu Yên	H. Yên Sơn	21° 59' 17"	105° 10' 51"					F-48-55-A
thôn Quyết Thắng	DC	xã Chiêu Yên	H. Yên Sơn	21° 57' 33"	105° 08' 56"					F-48-55-A
thôn Quyết Tiến	DC	xã Chiêu Yên	H. Yên Sơn	22° 00' 33"	105° 08' 02"					F-48-43-C
thôn Soi Long	DC	xã Chiêu Yên	H. Yên Sơn	21° 57' 50"	105° 09' 07"					F-48-55-A
thôn Tân Lập	DC	xã Chiêu Yên	H. Yên Sơn	21° 59' 52"	105° 10' 33"					F-48-55-A
thôn Tân Phương 5	DC	xã Chiêu Yên	H. Yên Sơn	22° 00' 00"	105° 08' 31"					F-48-55-A
thôn Tân Phương 6	DC	xã Chiêu Yên	H. Yên Sơn	21° 59' 35"	105° 08' 32"					F-48-55-A
ngòi Thọ Sơn	TV	xã Chiêu Yên	H. Yên Sơn			21° 59' 11"	105° 10' 31"	21° 58' 51"	105° 09' 00"	F-48-55-A
đò Thọ Sơn	KX	xã Chiêu Yên	H. Yên Sơn	21° 58' 40"	105° 09' 01"					F-48-55-A
thôn Vàng Lè	DC	xã Chiêu Yên	H. Yên Sơn	21° 58' 54"	105° 08' 59"					F-48-55-A
thôn Vinh Quang	DC	xã Chiêu Yên	H. Yên Sơn	21° 58' 04"	105° 09' 04"					F-48-55-A
thôn Yên Vân	DC	xã Chiêu Yên	H. Yên Sơn	21° 59' 05"	105° 08' 36"					F-48-55-A
thôn Bẩng	DC	xã Công Đa	H. Yên Sơn	21° 49' 26"	105° 23' 35"					F-48-55-B-d
thôn Bén	DC	xã Công Đa	H. Yên Sơn	21° 49' 49"	105° 20' 26"					F-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bén	TV	xã Công Đa	H. Yên Sơn			21° 50' 35"	105° 19' 35"	21° 49' 30"	105° 21' 22"	F-48-55-B-c
thôn Cả	DC	xã Công Đa	H. Yên Sơn	21° 49' 48"	105° 23' 50"					F-48-55-B-d
núi Chùa Nền	SV	xã Công Đa	H. Yên Sơn	21° 49' 00"	105° 24' 00"					F-48-55-B-d
thôn Đung	DC	xã Công Đa	H. Yên Sơn	21° 50' 26"	105° 21' 47"					F-48-55-B
thôn Gành	DC	xã Công Đa	H. Yên Sơn	21° 49' 42"	105° 22' 15"					F-48-55-B-c
thôn Giang	DC	xã Công Đa	H. Yên Sơn	21° 49' 36"	105° 21' 20"					F-48-55-B-c
núi Khau Luông	SV	xã Công Đa	H. Yên Sơn	21° 49' 20"	105° 22' 52"					F-48-55-B-d
suối Khuôn Gềnh	TV	xã Công Đa	H. Yên Sơn			21° 49' 48"	105° 22' 51"	21° 49' 00"	105° 22' 00"	F-48-55-B-c, F-48-55-B-d
suối Lê	TV	xã Công Đa	H. Yên Sơn			21° 49' 30"	105° 21' 22"	21° 49' 00"	105° 22' 00"	F-48-55-B-c
thôn Lương Cải	DC	xã Công Đa	H. Yên Sơn	21° 48' 56"	105° 22' 21"					F-48-55-B-c
thôn Lũy	DC	xã Công Đa	H. Yên Sơn	21° 50' 38"	105° 23' 58"					F-48-55-B
thôn Sâm Sắc	DC	xã Công Đa	H. Yên Sơn	21° 51' 45"	105° 23' 23"					F-48-55-B
thôn Trò	DC	xã Công Đa	H. Yên Sơn	21° 49' 01"	105° 21' 13"					F-48-55-B-c
quốc lộ 2C	KX	xã Đạo Viện	H. Yên Sơn			21° 51' 01"	105° 19' 31"	21° 51' 52"	105° 22' 25"	F-48-55-B
thôn Cây Thị	DC	xã Đạo Viện	H. Yên Sơn	21° 51' 27"	105° 21' 37"					F-48-55-B
thôn Đầu	DC	xã Đạo Viện	H. Yên Sơn	21° 52' 47"	105° 19' 45"					F-48-55-B
Đồng Cang	DC	xã Đạo Viện	H. Yên Sơn	21° 52' 52"	105° 20' 24"					F-48-55-B
Đồng Phạt	DC	xã Đạo Viện	H. Yên Sơn	21° 52' 15"	105° 21' 38"					F-48-55-B
thôn Đồng Quân	DC	xã Đạo Viện	H. Yên Sơn	21° 51' 03"	105° 21' 25"					F-48-55-B
thôn Khao Quân	DC	xã Đạo Viện	H. Yên Sơn	21° 50' 46"	105° 22' 13"					F-48-55-B
thôn Khuôn Tỉu	DC	xã Đạo Viện	H. Yên Sơn	21° 50' 54"	105° 20' 58"					F-48-55-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Lê	TV	xã Đạo Viện	H. Yên Sơn			21° 54' 42"	105° 20' 57"	21° 50' 25"	105° 21' 31"	F-48-55-B
thôn Ngòi Rịa	DC	xã Đạo Viện	H. Yên Sơn	21° 52' 51"	105° 21' 11"					F-48-55-B
thôn Oăng	DC	xã Đạo Viện	H. Yên Sơn	21° 51' 23"	105° 20' 25"					F-48-55-B
suối Oăng	TV	xã Đạo Viện	H. Yên Sơn			21° 51' 14"	105° 20' 21"	21° 50' 25"	105° 21' 31"	F-48-55-B
thôn Phào	DC	xã Đạo Viện	H. Yên Sơn	21° 53' 33"	105° 20' 38"					F-48-55-B
hồ Anh Trỗi	TV	xã Đội Bình	H. Yên Sơn	21° 41' 02"	105° 12' 30"					F-48-55-C-b
thôn Cầu Chéo	DC	xã Đội Bình	H. Yên Sơn	21° 39' 57"	105° 12' 17"					F-48-55-C-b
thôn Chiến Thắng	DC	xã Đội Bình	H. Yên Sơn	21° 40' 56"	105° 14' 44"					F-48-55-C-b
thôn Độc Lập	DC	xã Đội Bình	H. Yên Sơn	21° 40' 32"	105° 14' 13"					F-48-55-C-b
thôn Đồng Giàn	DC	xã Đội Bình	H. Yên Sơn	21° 41' 23"	105° 10' 17"					F-48-55-C-b
thôn Hòa Bình	DC	xã Đội Bình	H. Yên Sơn	21° 40' 48"	105° 12' 26"					F-48-55-C-b
thôn Hưng Quốc	DC	xã Đội Bình	H. Yên Sơn	21° 40' 57"	105° 11' 24"					F-48-55-C-b
thôn Liên Bình	DC	xã Đội Bình	H. Yên Sơn	21° 42' 10"	105° 12' 52"					F-48-55-C-b
sông Lô	TV	xã Đội Bình	H. Yên Sơn			21° 41' 17"	105° 15' 00"	21° 39' 34"	105° 13' 57"	F-48-55-C-b
ngòi Mông	TV	xã Đội Bình	H. Yên Sơn			21° 41' 27"	105° 14' 23"	21° 41' 18"	105° 14' 59"	F-48-55-C-b
thôn Phú Bình	DC	xã Đội Bình	H. Yên Sơn	21° 40' 15"	105° 13' 41"					F-48-55-C-b
thôn Tân Bình	DC	xã Đội Bình	H. Yên Sơn	21° 41' 38"	105° 12' 46"					F-48-55-C-b
nhà máy Z129	KX	xã Đội Bình	H. Yên Sơn	21° 40' 21"	105° 13' 14"					F-48-55-C-b
thôn Chằm	DC	xã Hoàng Khai	H. Yên Sơn	21° 45' 31"	105° 11' 30"					F-48-55-A
thôn Hồ	DC	xã Hoàng Khai	H. Yên Sơn	21° 45' 08"	105° 11' 40"					F-48-55-A
hồ Hoàng Khai	TV	xã Hoàng Khai	H. Yên Sơn	21° 44' 50"	105° 11' 40"					F-48-55-C-b
núi Nghiêm	SV	xã Hoàng Khai	H. Yên Sơn	21° 44' 33"	105° 10' 08"					F-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nghiêm Sơn 1	DC	xã Hoàng Khai	H. Yên Sơn	21° 45' 37"	105° 10' 41"					F-48-55-A
thôn Nghiêm Sơn 2	DC	xã Hoàng Khai	H. Yên Sơn	21° 45' 47"	105° 10' 38"					F-48-55-A
thôn Núi Cẩy	DC	xã Hoàng Khai	H. Yên Sơn	21° 45' 45"	105° 11' 38"					F-48-55-A
thôn Từ Lưu 1	DC	xã Hoàng Khai	H. Yên Sơn	21° 45' 20"	105° 11' 13"					F-48-55-A
thôn Từ Lưu 2	DC	xã Hoàng Khai	H. Yên Sơn	21° 45' 15"	105° 10' 44"					F-48-55-A
thôn Yên Lộc 1	DC	xã Hoàng Khai	H. Yên Sơn	21° 46' 20"	105° 11' 03"					F-48-55-A
thôn Yên Lộc 2	DC	xã Hoàng Khai	H. Yên Sơn	21° 46' 12"	105° 11' 17"					F-48-55-A
ngòi Chương	TV	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn			21° 54' 51"	105° 28' 30"	21° 53' 51"	105° 27' 51"	F-48-55-B
thôn Coóc	DC	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn	21° 53' 45"	105° 28' 02"					F-48-55-B
thôn Đồng Trang	DC	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn	21° 53' 43"	105° 27' 17"					F-48-55-B
thôn Kẹn	DC	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn	21° 52' 48"	105° 28' 27"					F-48-55-B
núi Khau Khinh	SV	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn	21° 53' 13"	105° 31' 16"					F-48-56-A
thôn Khuổi Ma	DC	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn	21° 51' 37"	105° 30' 05"					F-48-56-A-c
thôn Khuổi Tấu Lìn	DC	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn	21° 55' 02"	105° 26' 18"					F-48-55-B
suối Khuổi Ún	TV	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn			21° 56' 13"	105° 26' 32"	21° 54' 58"	105° 26' 25"	F-48-55-B
đèo Lang	SV	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn	21° 53' 43"	105° 29' 31"					F-48-55-B
thôn Làng Bum	DC	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn	21° 52' 24"	105° 28' 38"					F-48-55-B-d
thôn Làng Chương	DC	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn	21° 56' 25"	105° 28' 02"					F-48-55-B
đập Làng Cóc	KX	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn	21° 53' 19"	105° 27' 38"					F-48-55-B
thôn Lè	DC	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn	21° 53' 22"	105° 28' 41"					F-48-55-B
thôn Nà Mộ	DC	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn	21° 54' 17"	105° 28' 10"					F-48-55-B
thôn Nà Tang	DC	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn	21° 55' 52"	105° 28' 01"					F-48-55-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phan	DC	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn	21° 54' 18"	105° 30' 58"					F-48-56-A
sông Phó Đáy	TV	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn			21° 54' 58"	105° 31' 56"	21° 53' 40"	105° 27' 00"	F-48-55-B, F-48-55-A
thôn Quân	DC	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn	21° 57' 00"	105° 26' 58"					F-48-55-B
thôn Toạt	DC	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn	21° 56' 55"	105° 26' 06"					F-48-55-B
thôn Toòng	DC	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn	21° 54' 39"	105° 28' 41"					F-48-55-B
thôn Yểng	DC	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn	21° 53' 59"	105° 27' 16"					F-48-55-B
ngòi Yểng	TV	xã Hùng Lợi	H. Yên Sơn			21° 54' 25"	105° 25' 11"	21° 54' 57"	105° 26' 03"	F-48-55-B
đỉnh 10	KX	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	21° 56' 27"	105° 19' 37"					F-48-55-B
làng Ắp	DC	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	22° 00' 02"	105° 18' 50"					F-48-43-D
thôn Bắc Triển	DC	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	21° 59' 24"	105° 18' 27"					F-48-55-B
Bến Chạm	DC	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	22° 01' 02"	105° 15' 38"					F-48-43-D
ngòi Cham	TV	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn			21° 58' 27"	105° 20' 53"	22° 01' 09"	105° 15' 18"	F-48-43-C
thôn Đồng Đi	DC	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	21° 59' 42"	105° 17' 01"					F-48-55-B
thôn Đồng Khẩn	DC	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	22° 00' 41"	105° 16' 18"					F-48-43-D
thôn Đồng Phạ	DC	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	22° 00' 11"	105° 19' 07"					F-48-43-D
khuổi Giác	TV	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn			22° 00' 57"	105° 21' 07"	22° 00' 05"	105° 20' 09"	F-48-43-C
thôn Khau Làng	DC	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	21° 55' 28"	105° 21' 23"					F-48-55-B
thôn Khuổi Cằn	DC	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	21° 57' 29"	105° 20' 49"					F-48-55-B
thôn Khuổi Khít	DC	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	21° 56' 32"	105° 21' 00"					F-48-55-B
làng Làm	DC	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	21° 59' 49"	105° 20' 21"					F-48-55-B
đội Lâm Nghiệp	DC	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	21° 58' 09"	105° 20' 56"					F-48-55-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Lan	DC	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	21° 59' 14"	105° 18' 20"					F-48-55-B
khuổi Mu	TV	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn			21° 56' 36"	105° 22' 31"	21° 55' 52"	105° 22' 28"	F-48-55-B
thôn Nà Vơ	DC	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	21° 58' 41"	105° 18' 37"					F-48-55-B
thôn Nậm Bó	DC	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	21° 57' 52"	105° 20' 53"					F-48-55-B
Pác Cụp	DC	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	21° 59' 25"	105° 17' 55"					F-48-55-B
thôn Pắc Nghiêng	DC	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	21° 59' 50"	105° 18' 43"					F-48-55-B
thôn Tân Minh	DC	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	22° 00' 53"	105° 19' 37"					F-48-43-D
khuổi Triển	TV	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn			21° 56' 44"	105° 19' 03"	21° 59' 23"	105° 18' 34"	F-48-55-B
làng Un	DC	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn	21° 59' 13"	105° 20' 53"					F-48-55-B
khuổi Xu	TV	xã Kiến Thiết	H. Yên Sơn			22° 02' 06"	105° 19' 12"	21° 59' 58"	105° 19' 00"	F-48-43-C
xóm 1	DC	xã Kim Phú	H. Yên Sơn	21° 48' 31"	105° 10' 51"					F-48-55-A
xóm 2	DC	xã Kim Phú	H. Yên Sơn	21° 48' 29"	105° 10' 36"					F-48-55-A
xóm 3	DC	xã Kim Phú	H. Yên Sơn	21° 48' 17"	105° 10' 34"					F-48-55-A
xóm 4	DC	xã Kim Phú	H. Yên Sơn	21° 48' 10"	105° 10' 33"					F-48-55-A
xóm 6	DC	xã Kim Phú	H. Yên Sơn	21° 48' 12"	105° 10' 55"					F-48-55-A
xóm 7	DC	xã Kim Phú	H. Yên Sơn	21° 47' 51"	105° 10' 35"					F-48-55-A
xóm 8	DC	xã Kim Phú	H. Yên Sơn	21° 47' 36"	105° 10' 26"					F-48-55-A
thôn 10	DC	xã Kim Phú	H. Yên Sơn	21° 46' 55"	105° 09' 08"					F-48-55-A
thôn 12	DC	xã Kim Phú	H. Yên Sơn	21° 46' 56"	105° 10' 23"					F-48-55-A
thôn 13	DC	xã Kim Phú	H. Yên Sơn	21° 46' 42"	105° 10' 54"					F-48-55-A
thôn 14	DC	xã Kim Phú	H. Yên Sơn	21° 46' 28"	105° 10' 04"					F-48-55-A
thôn 16	DC	xã Kim Phú	H. Yên Sơn	21° 46' 30"	105° 09' 38"					F-48-55-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 17	DC	xã Kim Phú	H. Yên Sơn	21° 46' 25"	105° 09' 14"					F-48-55-A
xóm 21	DC	xã Kim Phú	H. Yên Sơn	21° 48' 16"	105° 09' 42"					F-48-55-A
thôn 22	DC	xã Kim Phú	H. Yên Sơn	21° 48' 02"	105° 09' 22"					F-48-55-A
suối Chả	TV	xã Kim Phú	H. Yên Sơn			21° 46' 11"	105° 08' 41"	21° 47' 21"	105° 11' 27"	F-48-55-A
cầu Đen	KX	xã Kim Phú	H. Yên Sơn	21° 46' 26"	105° 09' 48"					F-48-55-A
hồ số 6	TV	xã Kim Phú	H. Yên Sơn	21° 46' 45"	105° 11' 04"					F-48-55-A
thôn Khuân Điển	DC	xã Kim Quan	H. Yên Sơn	21° 51' 31"	105° 25' 39"					F-48-55-B
thôn Khuân Hẻ	DC	xã Kim Quan	H. Yên Sơn	21° 50' 13"	105° 27' 14"					F-48-55-B
thôn Khuân Quại	DC	xã Kim Quan	H. Yên Sơn	21° 51' 53"	105° 24' 14"					F-48-55-B
thôn Khuổi Phát	DC	xã Kim Quan	H. Yên Sơn	21° 52' 23"	105° 26' 15"					F-48-55-B
suối Khuôn Điển	TV	xã Kim Quan	H. Yên Sơn			21° 51' 27"	105° 24' 19"	21° 51' 30"	105° 25' 59"	F-48-55-B
suối Khuôn Hẻ	TV	xã Kim Quan	H. Yên Sơn			21° 51' 21"	105° 27' 49"	21° 50' 01"	105° 27' 01"	F-48-55-B
cầu Khuôn Kính	KX	xã Kim Quan	H. Yên Sơn	21° 49' 53"	105° 25' 29"					F-48-55-B-d
thôn Kim Thu Ngà	DC	xã Kim Quan	H. Yên Sơn	21° 50' 08"	105° 26' 17"					F-48-55-B
thôn Làng Hản	DC	xã Kim Quan	H. Yên Sơn	21° 50' 41"	105° 26' 35"					F-48-55-B
thôn Làng Nhà	DC	xã Kim Quan	H. Yên Sơn	21° 50' 57"	105° 26' 07"					F-48-55-B
thôn Làng Thang	DC	xã Kim Quan	H. Yên Sơn	21° 51' 30"	105° 26' 28"					F-48-55-B
đập Làng Thang	KX	xã Kim Quan	H. Yên Sơn	21° 51' 40"	105° 27' 00"					F-48-55-B
sông Phó Đáy	TV	xã Kim Quan	H. Yên Sơn			21° 52' 20"	105° 26' 05"	21° 49' 45"	105° 25' 34"	F-48-55-B
thôn 1	DC	xã Lang Quán	H. Yên Sơn	21° 51' 42"	105° 08' 06"					F-48-55-A
thôn 2	DC	xã Lang Quán	H. Yên Sơn	21° 51' 24"	105° 08' 25"					F-48-55-A
thôn 3	DC	xã Lang Quán	H. Yên Sơn	21° 51' 18"	105° 08' 45"					F-48-55-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 4	DC	xã Lang Quán	H. Yên Sơn	21° 50' 57"	105° 07' 51"					F-48-55-A
thôn 5	DC	xã Lang Quán	H. Yên Sơn	21° 51' 20"	105° 07' 56"					F-48-55-A
thôn 7	DC	xã Lang Quán	H. Yên Sơn	21° 52' 23"	105° 07' 41"					F-48-55-A
thôn 8	DC	xã Lang Quán	H. Yên Sơn	21° 52' 05"	105° 07' 41"					F-48-55-A
thôn 9	DC	xã Lang Quán	H. Yên Sơn	21° 51' 42"	105° 07' 13"					F-48-55-A
thôn 10	DC	xã Lang Quán	H. Yên Sơn	21° 51' 40"	105° 06' 50"					F-48-55-A
thôn 11	DC	xã Lang Quán	H. Yên Sơn	21° 51' 03"	105° 06' 50"					F-48-55-A
thôn 12	DC	xã Lang Quán	H. Yên Sơn	21° 50' 57"	105° 06' 10"					F-48-55-A
thôn 13	DC	xã Lang Quán	H. Yên Sơn	21° 51' 43"	105° 06' 05"					F-48-55-A
thôn 14	DC	xã Lang Quán	H. Yên Sơn	21° 51' 20"	105° 05' 39"					F-48-55-A
thôn 18	DC	xã Lang Quán	H. Yên Sơn	21° 50' 28"	105° 05' 28"					F-48-55-A
thôn 19	DC	xã Lang Quán	H. Yên Sơn	21° 50' 58"	105° 05' 49"					F-48-55-A
thôn 20	DC	xã Lang Quán	H. Yên Sơn	21° 50' 46"	105° 05' 13"					F-48-55-A
thôn 21	DC	xã Lang Quán	H. Yên Sơn	21° 51' 21"	105° 06' 58"					F-48-55-A
suối Cai Cắng	TV	xã Lang Quán	H. Yên Sơn			21° 51' 24"	105° 05' 12"	21° 51' 09"	105° 05' 45"	F-48-55-A
ngòi Giản	TV	xã Lang Quán	H. Yên Sơn			21° 50' 28"	105° 04' 59"	21° 50' 41"	105° 05' 19"	F-48-55-A
khe Nhịn	TV	xã Lang Quán	H. Yên Sơn			21° 51' 43"	105° 05' 57"	21° 51' 44"	105° 07' 05"	F-48-55-A
Cầu Chiểng	DC	xã Lực Hành	H. Yên Sơn	22° 01' 27"	105° 11' 53"					F-48-43-C
thôn Đồng Mán	DC	xã Lực Hành	H. Yên Sơn	22° 02' 13"	105° 11' 28"					F-48-43-C
thôn Đồng Nghiêm	DC	xã Lực Hành	H. Yên Sơn	22° 01' 46"	105° 11' 30"					F-48-43-C
thôn Đồng Rôm	DC	xã Lực Hành	H. Yên Sơn	22° 00' 05"	105° 12' 04"					F-48-43-C
thôn Đồng Trò	DC	xã Lực Hành	H. Yên Sơn	22° 01' 17"	105° 12' 08"					F-48-43-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Minh Khai	DC	xã Lực Hành	H. Yên Sơn	21° 58' 47"	105° 12' 25"					F-48-55-A
làng Ngoài 2	DC	xã Lực Hành	H. Yên Sơn	21° 59' 42"	105° 12' 27"					F-48-55-A
làng Quài	DC	xã Lực Hành	H. Yên Sơn	22° 01' 54"	105° 11' 55"					F-48-43-C
làng Trà	DC	xã Lực Hành	H. Yên Sơn	22° 00' 40"	105° 12' 16"					F-48-43-C
quốc lộ 37	KX	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn			21° 44' 13"	105° 04' 27"	21° 45' 31"	105° 05' 58"	F-48-55-C-a, F-48-55-A
thôn Cây Quân	DC	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 44' 08"	105° 04' 37"					F-48-55-C-a
thôn Cây Quýt 1	DC	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 44' 30"	105° 04' 07"					F-48-55-C-a
thôn Cây Quýt 2	DC	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 44' 48"	105° 04' 11"					F-48-55-C-a
Công ty Chè Mỹ Lâm	KX	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 44' 49"	105° 05' 17"					F-48-55-C-a
suối Đá Bàn	TV	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn			21° 47' 47"	105° 05' 11"	21° 46' 53"	105° 04' 10"	F-48-55-A
thôn Đá Bàn 1	DC	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 47' 41"	105° 05' 06"					F-48-55-A
thôn Đá Bàn 2	DC	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 46' 53"	105° 04' 49"					F-48-55-A
thôn Đầu Núi	DC	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 44' 00"	105° 06' 25"					F-48-55-C-a
thôn Đình Bằng	DC	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 44' 50"	105° 06' 23"					F-48-55-A-a
thôn Đồng Bao	DC	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 44' 26"	105° 05' 03"					F-48-55-C-a
thôn Giếng Đõ	DC	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 44' 04"	105° 05' 33"					F-48-55-C-a
ngòi Han	TV	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn			21° 43' 37"	105° 06' 22"	21° 43' 13"	105° 05' 22"	F-48-55-C-a
kho K20	KX	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 46' 17"	105° 05' 06"					F-48-55-A
núi Là	SV	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 46' 48"	105° 06' 13"					F-48-55-A
thôn Lập Thành	DC	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 44' 50"	105° 05' 18"					F-48-55-C-a
thôn Lũng	DC	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 45' 24"	105° 05' 31"					F-48-55-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Miếu Trạm	DC	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 45' 07"	105° 06' 58"					F-48-55-A
thôn Mỹ Bình	DC	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 45' 49"	105° 05' 02"					F-48-55-A
thôn Ngòi	DC	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 45' 07"	105° 05' 01"					F-48-55-A
thôn Quyết Thắng	DC	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 45' 35"	105° 04' 39"					F-48-55-A
thôn Tâm Bằng	DC	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 43' 19"	105° 05' 23"					F-48-55-C-a
thôn Thọ Bằng	DC	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 44' 42"	105° 06' 25"					F-48-55-C-a
thôn Y Bằng	DC	xã Mỹ Bằng	H. Yên Sơn	21° 45' 06"	105° 06' 03"					F-48-55-A
hồ An Khê	TV	xã Nhữ Hán	H. Yên Sơn	21° 42' 50"	105° 09' 14"					F-48-55-C-b
thôn An Thịnh	DC	xã Nhữ Hán	H. Yên Sơn	21° 43' 42"	105° 06' 42"					F-48-55-C-a
núi Cát	SV	xã Nhữ Hán	H. Yên Sơn	21° 43' 18"	105° 08' 33"					F-48-55-C-b
thôn Cây Dừa	DC	xã Nhữ Hán	H. Yên Sơn	21° 42' 33"	105° 08' 27"					F-48-55-C-b
núi Con Chim	SV	xã Nhữ Hán	H. Yên Sơn	21° 42' 43"	105° 08' 12"					F-48-55-C-b
núi Con Voi	SV	xã Nhữ Hán	H. Yên Sơn	21° 42' 38"	105° 07' 48"					F-48-55-C-b
thôn Đội 16	DC	xã Nhữ Hán	H. Yên Sơn	21° 42' 13"	105° 07' 41"					F-48-55-C-b
thôn Đồng Rôm 1	DC	xã Nhữ Hán	H. Yên Sơn	21° 43' 03"	105° 07' 21"					F-48-55-C-a
thôn Đồng Rôm 2	DC	xã Nhữ Hán	H. Yên Sơn	21° 43' 19"	105° 06' 57"					F-48-55-C-a
thôn Gò Củi	DC	xã Nhữ Hán	H. Yên Sơn	21° 42' 47"	105° 06' 30"					F-48-55-C-a
hồ Hố Trẹo	TV	xã Nhữ Hán	H. Yên Sơn	21° 42' 47"	105° 07' 01"					F-48-55-C-a
thôn Liên Minh 2	DC	xã Nhữ Hán	H. Yên Sơn	21° 42' 34"	105° 08' 04"					F-48-55-C-b
núi Man	SV	xã Nhữ Hán	H. Yên Sơn	21° 43' 58"	105° 07' 15"					F-48-55-C-a
thôn Nhữ Hán	DC	xã Nhữ Hán	H. Yên Sơn	21° 43' 19"	105° 06' 40"					F-48-55-C-a
thôn Trại Xoan	DC	xã Nhữ Hán	H. Yên Sơn	21° 44' 21"	105° 07' 33"					F-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cửa Lần	DC	xã Nhữ Khê	H. Yên Sơn	21° 42' 11"	105° 09' 15"					F-48-55-C-b
thôn Đồng Cả	DC	xã Nhữ Khê	H. Yên Sơn	21° 42' 24"	105° 11' 07"					F-48-55-C-b
thôn Đồng Giản	DC	xã Nhữ Khê	H. Yên Sơn	21° 42' 12"	105° 10' 04"					F-48-55-C-b
thôn Đồng Thắng	DC	xã Nhữ Khê	H. Yên Sơn	21° 41' 49"	105° 10' 23"					F-48-55-C-b
thôn Gò Danh	DC	xã Nhữ Khê	H. Yên Sơn	21° 42' 24"	105° 09' 00"					F-48-55-C-b
núi Gò Danh	SV	xã Nhữ Khê	H. Yên Sơn	21° 42' 38"	105° 09' 30"					F-48-55-C-b
thôn Hồng Hà 1	DC	xã Nhữ Khê	H. Yên Sơn	21° 41' 26"	105° 10' 06"					F-48-55-C-b
thôn Hồng Hà 2	DC	xã Nhữ Khê	H. Yên Sơn	21° 41' 21"	105° 10' 07"					F-48-55-C-b
thôn Hùng Lô	DC	xã Nhữ Khê	H. Yên Sơn	21° 41' 38"	105° 09' 13"					F-48-55-C-b
thôn Nhữ Khê	DC	xã Nhữ Khê	H. Yên Sơn	21° 41' 45"	105° 09' 05"					F-48-55-C-b
thôn Thọ An	DC	xã Nhữ Khê	H. Yên Sơn	21° 41' 50"	105° 09' 42"					F-48-55-C-b
thôn Thọ Xuân	DC	xã Nhữ Khê	H. Yên Sơn	21° 42' 14"	105° 10' 31"					F-48-55-C-b
thôn 12	DC	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 46' 17"	105° 07' 46"					F-48-55-A
thôn 17	DC	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 46' 16"	105° 07' 18"					F-48-55-A
thôn 18	DC	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 45' 42"	105° 05' 49"					F-48-55-A
thôn Cam Lâm	DC	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 43' 44"	105° 08' 24"					F-48-55-C-b
suối Cam Lâm	TV	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn			21° 43' 32"	105° 09' 12"	21° 43' 40"	105° 07' 58"	F-48-55-C-b
thôn Cây Trám	DC	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 46' 06"	105° 07' 33"					F-48-55-A
ngòi Cha	TV	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn			21° 45' 15"	105° 08' 16	21° 46' 09"	105° 09' 23"	F-48-55-A
thôn Đát Nước Nóng	DC	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 45' 58"	105° 06' 43"					F-48-55-A
thôn Đồng Xung	DC	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 45' 44"	105° 09' 07"					F-48-55-A
thôn Hang Hươu	DC	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 45' 06"	105° 07' 48"					F-48-55-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ngòi Khế	TV	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn			21° 44' 07"	105° 09' 33"	21° 45' 15"	105° 08' 16"	F-48-55-C-b, F-48-55-A
núi Lô	SV	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 46' 48"	105° 06' 13"					F-48-55-A
núi Nghiêm	SV	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 45' 17"	105° 10' 00"					F-48-55-A
thôn Ngòi Khế	DC	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 45' 13"	105° 08' 24"					F-48-55-C-b
thôn Ngòi Xanh 1	DC	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 46' 27"	105° 07' 48"					F-48-55-A
thôn Nước Nóng	DC	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 45' 50"	105° 07' 09"					F-48-55-A
thôn Ô Rô	DC	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 46' 02"	105° 05' 44"					F-48-55-A
thôn Phú Lâm	DC	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 45' 52"	105° 08' 06"					F-48-55-A
trại bò sữa Phú Lâm	KX	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 44' 38"	105° 08' 39"					F-48-55-C-b
thôn Tân Lập	DC	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 44' 10"	105° 08' 15"					F-48-55-C-b
thôn Tiền Phong	DC	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 45' 07"	105° 07' 15"					F-48-55-A
thôn Vực Vại 1	DC	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 47' 17"	105° 07' 11"					F-48-55-A
thôn Vực Vại 2	DC	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 46' 50"	105° 07' 21"					F-48-55-A
thôn Vực Vại 3	DC	xã Phú Lâm	H. Yên Sơn	21° 46' 36"	105° 07' 14"					F-48-55-A
quốc lộ 2C	KX	xã Phú Thịnh	H. Yên Sơn			21° 49' 32"	105° 15' 57"	21° 51' 01"	105° 19' 31"	F-48-55-B-c
thôn Bụt	DC	xã Phú Thịnh	H. Yên Sơn	21° 48' 40"	105° 16' 08"					F-48-55-B-c
núi Cáng Khôn	SV	xã Phú Thịnh	H. Yên Sơn	21° 50' 38"	105° 17' 19"					F-48-55-B
dốc Đền	KX	xã Phú Thịnh	H. Yên Sơn	21° 50' 18"	105° 18' 08"					F-48-55-B
thôn Húc	DC	xã Phú Thịnh	H. Yên Sơn	21° 49' 35"	105° 16' 59"					F-48-55-B-c
Khuôn Hoi	DC	xã Phú Thịnh	H. Yên Sơn	21° 49' 04"	105° 17' 00"					F-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Làng Cả	TV	xã Phú Thịnh	H. Yên Sơn			21° 51' 28"	105° 18' 30"	21° 49' 40"	105° 16' 51"	F-48-55-B-c
thôn Mỹ Lộc	DC	xã Phú Thịnh	H. Yên Sơn	21° 51' 18"	105° 17' 59"					F-48-55-B
thôn Nghẹt	DC	xã Phú Thịnh	H. Yên Sơn	21° 50' 30"	105° 16' 46"					F-48-55-B
suối Phú Thịnh	TV	xã Phú Thịnh	H. Yên Sơn			21° 49' 40"	105° 16' 50"	21° 48' 30"	105° 16' 13"	F-48-55-B-c
thôn An Lạc	DC	xã Phúc Ninh	H. Yên Sơn	21° 56' 45"	105° 12' 07"					F-48-55-A
thôn Ao Dăm	DC	xã Phúc Ninh	H. Yên Sơn	21° 56' 18"	105° 11' 38"					F-48-55-A
thôn Cầu Giát	DC	xã Phúc Ninh	H. Yên Sơn	21° 54' 40"	105° 11' 31"					F-48-55-A
thôn Cô Ba	DC	xã Phúc Ninh	H. Yên Sơn	21° 58' 06"	105° 11' 26"					F-48-55-A
thôn Éo	DC	xã Phúc Ninh	H. Yên Sơn	21° 55' 12"	105° 11' 38"					F-48-55-A
thôn Gà Luộc	DC	xã Phúc Ninh	H. Yên Sơn	21° 55' 39"	105° 09' 45"					F-48-55-A
thôn Khuân Thống	DC	xã Phúc Ninh	H. Yên Sơn	21° 56' 33"	105° 10' 57"					F-48-55-A
thôn Kim Châu	DC	xã Phúc Ninh	H. Yên Sơn	21° 55' 55"	105° 11' 39"					F-48-55-A
thôn Lục Mùn	DC	xã Phúc Ninh	H. Yên Sơn	21° 58' 16"	105° 12' 32"					F-48-55-A
thôn Minh Tân	DC	xã Phúc Ninh	H. Yên Sơn	21° 54' 41"	105° 09' 42"					F-48-55-A
thôn Phúc Ninh	DC	xã Phúc Ninh	H. Yên Sơn	21° 55' 49"	105° 10' 49"					F-48-55-A
thôn Quang Thắng	DC	xã Phúc Ninh	H. Yên Sơn	21° 54' 16"	105° 11' 05"					F-48-55-A
thôn Soi Tiên	DC	xã Phúc Ninh	H. Yên Sơn	21° 56' 29"	105° 09' 27"					F-48-55-A
thôn Thái Ninh	DC	xã Phúc Ninh	H. Yên Sơn	21° 55' 44"	105° 10' 21"					F-48-55-A
thôn Yên Ninh	DC	xã Phúc Ninh	H. Yên Sơn	21° 56' 03"	105° 09' 28"					F-48-55-A
thôn Yên Sở	DC	xã Phúc Ninh	H. Yên Sơn	21° 56' 37"	105° 10' 09"					F-48-55-A
thôn 1	DC	xã Quý Quân	H. Yên Sơn	22° 03' 15"	105° 13' 32"					F-48-43-C
thôn 2	DC	xã Quý Quân	H. Yên Sơn	22° 02' 05"	105° 13' 22"					F-48-43-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 3	DC	xã Quý Quân	H. Yên Sơn	22° 01' 16"	105° 13' 13"					F-48-43-C
thôn 4	DC	xã Quý Quân	H. Yên Sơn	22° 00' 46"	105° 13' 19"					F-48-43-C
thôn 5	DC	xã Quý Quân	H. Yên Sơn	21° 59' 56"	105° 14' 18"					F-48-43-C
thôn 6	DC	xã Quý Quân	H. Yên Sơn	22° 00' 20"	105° 13' 56"					F-48-55-A
thôn 7	DC	xã Quý Quân	H. Yên Sơn	21° 59' 47"	105° 12' 59"					F-48-55-A
sông Gâm	TV	xã Quý Quân	H. Yên Sơn			22° 01' 14"	105° 15' 19"	21° 59' 33"	105° 12' 40"	F-48-43-D, F-48-55-A
núi Mắc Mu	SV	xã Quý Quân	H. Yên Sơn	22° 01' 12"	105° 14' 13"					F-48-43-C
suối Nhãu	TV	xã Quý Quân	H. Yên Sơn			22° 02' 52"	105° 12' 36"	22° 00' 25"	105° 13' 32"	F-48-43-C
núi Quạt	SV	xã Quý Quân	H. Yên Sơn	22° 03' 47"	105° 12' 21"					F-48-43-C
thôn 1	DC	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 53' 02"	105° 14' 39"					F-48-55-A
thôn 2	DC	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 52' 53"	105° 14' 00"					F-48-55-A
thôn 3	DC	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 52' 30"	105° 13' 33"					F-48-55-A
thôn 4	DC	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 52' 06"	105° 12' 05"					F-48-55-A
thôn 5	DC	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 52' 19"	105° 13' 01"					F-48-55-A
thôn 6	DC	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 51' 57"	105° 14' 10"					F-48-55-A
thôn 7	DC	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 52' 14"	105° 14' 36"					F-48-55-A
thôn 8	DC	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 52' 32"	105° 13' 55"					F-48-55-A
thôn 10	DC	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 51' 48."	105° 11' 54"					F-48-55-A
thôn 11	DC	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 52' 45"	105° 12' 16"					F-48-55-A
thôn 12	DC	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 53' 23"	105° 12' 07"					F-48-55-A
thôn 13	DC	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 54' 22"	105° 11' 39"					F-48-55-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 14	DC	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 54' 10"	105° 12' 20"					F-48-55-A
thôn 15	DC	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 54' 19"	105° 13' 21"					F-48-55-A
thôn 16	DC	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 54' 16"	105° 14' 02"					F-48-55-A
hồ Chuộng	TV	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 52' 51"	105° 12' 21"					F-48-55-A
núi Cung Vô	SV	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 54' 38"	105° 12' 34"					F-48-55-A
ngòi Cường Đạt	TV	xã Tân Long	H. Yên Sơn			21° 54' 47"	105° 15' 11"	21° 54' 03"	105° 11' 54"	F-48-55-A
núi Đồng Liền	SV	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 51' 46"	105° 13' 43"					F-48-55-A
hồ Hải Chiều	TV	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 52' 04"	105° 12' 27"					F-48-55-A
sông Lô	TV	xã Tân Long	H. Yên Sơn			21° 54' 15"	105° 11' 26"	21° 51' 07"	105° 11' 09"	F-48-55-A
núi Mắt Hổ	SV	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 52' 26"	105° 12' 39"					F-48-55-A
thôn Sính	DC	xã Tân Long	H. Yên Sơn	21° 51' 24"	105° 11' 12"					F-48-55-A
ngòi Yên Linh	TV	xã Tân Long	H. Yên Sơn			21° 52' 18"	105° 13' 58"	21° 51' 56"	105° 11' 53"	F-48-55-A
thôn 1	DC	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn	21° 55' 16"	105° 19' 06"					F-48-55-B
thôn 2	DC	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn	21° 54' 15"	105° 18' 12"					F-48-55-B
thôn 3	DC	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn	21° 54' 26"	105° 17' 56"					F-48-55-B
thôn 4	DC	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn	21° 54' 26"	105° 17' 07"					F-48-55-B
thôn 5	DC	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn	21° 54' 07"	105° 16' 47"					F-48-55-B
thôn 6	DC	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn	21° 53' 06"	105° 17' 06"					F-48-55-B
thôn 7	DC	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn	21° 52' 37"	105° 16' 13"					F-48-55-B
thôn 8	DC	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn	21° 52' 27"	105° 15' 56"					F-48-55-B
thôn 9	DC	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn	21° 52' 53"	105° 15' 53"					F-48-55-B
thôn 10	DC	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn	21° 52' 52"	105° 15' 16"					F-48-55-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 11	DC	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn	21° 53' 18"	105° 15' 19"					F-48-55-B
suối Cạn	TV	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn			21° 52' 50"	105° 18' 39"	21° 52' 56"	105° 16' 38"	F-48-55-B
thôn Cháy	DC	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn	21° 51' 46"	105° 15' 51"					F-48-55-B
thôn Đặng	DC	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn	21° 52' 22"	105° 16' 17"					F-48-55-B
Đồng Hăn	DC	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn	21° 53' 49"	105° 16' 36"					F-48-55-B
thôn Khâu Lấu	DC	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn	21° 52' 15"	105° 17' 31"					F-48-55-B
suối Khâu Lấu	TV	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn			21° 51' 42"	105° 16' 46"	21° 52' 16"	105° 16' 46"	F-48-55-B
Làng Doàng	DC	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn	21° 55' 16"	105° 19' 06"					F-48-55-B
suối Lớn	TV	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn			21° 55' 07"	105° 19' 44"	21° 54' 00"	105° 16' 50"	F-48-55-B
Tiến Thịnh	DC	xã Tân Tiến	H. Yên Sơn	21° 54' 10"	105° 17' 23"					F-48-55-B
quốc lộ 37	KX	xã Thái Bình	H. Yên Sơn			21° 48' 58"	105° 14' 17"	21° 46' 49"	105° 17' 37"	F-48-55-B-c, F-48-55-A
thôn An Lập	DC	xã Thái Bình	H. Yên Sơn	21° 47' 28"	105° 17' 18"					F-48-55-B-c
thôn Bình Ca	DC	xã Thái Bình	H. Yên Sơn	21° 47' 01"	105° 17' 08"					F-48-55-B-c
thôn Cây Thị	DC	xã Thái Bình	H. Yên Sơn	21° 49' 14"	105° 15' 16"					F-48-55-B-c
ngòi Đập Tràn	TV	xã Thái Bình	H. Yên Sơn			21° 49' 48"	105° 15' 25"	21° 49' 13"	105° 15' 01"	F-48-55-B-c
thôn Hoắc	DC	xã Thái Bình	H. Yên Sơn	21° 48' 40"	105° 18' 26"					F-48-55-B-c
suối Hoắc	TV	xã Thái Bình	H. Yên Sơn			21° 48' 42"	105° 18' 36"	21° 47' 05"	105° 16' 33"	F-48-55-B-c
sông Lô	TV	xã Thái Bình	H. Yên Sơn			21° 48' 36"	105° 14' 16"	21° 46' 40"	105° 17' 23"	F-48-55-B-c
cầu Mán	KX	xã Thái Bình	H. Yên Sơn	21° 47' 11"	105° 16' 33"					F-48-55-B-c
cầu Rạp	KX	xã Thái Bình	H. Yên Sơn	21° 46' 49"	105° 17' 37"					F-48-55-B-c
thôn Tân Bình	DC	xã Thái Bình	H. Yên Sơn	21° 47' 43"	105° 15' 23"					F-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Ca	DC	xã Thái Bình	H. Yên Sơn	21° 47' 11"	105° 16' 20"					F-48-55-B-c
thôn Tân Lập	DC	xã Thái Bình	H. Yên Sơn	21° 48' 16"	105° 16' 02"					F-48-55-B-c
thôn Tân Quang	DC	xã Thái Bình	H. Yên Sơn	21° 47' 41"	105° 15' 52"					F-48-55-B-c
ngòi Vạc	TV	xã Thái Bình	H. Yên Sơn			21° 48' 20"	105° 16' 09"	21° 47' 28"	105° 15' 34"	F-48-55-B-c
cầu Vạc	KX	xã Thái Bình	H. Yên Sơn	21° 47' 36"	105° 15' 38"					F-48-55-B-c
thôn Việt Hương	DC	xã Thái Bình	H. Yên Sơn	21° 47' 37"	105° 16' 50"					F-48-55-B-c
thôn Việt Thắng	DC	xã Thái Bình	H. Yên Sơn	21° 48' 06"	105° 15' 35"					F-48-55-B-c
thôn Việt Tiến	DC	xã Thái Bình	H. Yên Sơn	21° 48' 17"	105° 15' 18"					F-48-55-B-c
thôn Vinh Quang	DC	xã Thái Bình	H. Yên Sơn	21° 47' 21"	105° 15' 59"					F-48-55-B-c
hồ Cánh Tiên	TV	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 52' 07"	105° 09' 27"					F-48-55-A
thôn Chẩu 1	DC	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 51' 43"	105° 10' 01"					F-48-55-A
thôn Chẩu 2	DC	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 51' 52"	105° 09' 41"					F-48-55-A
ngòi Cơi	TV	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn			21° 51' 34"	105° 09' 19"	21° 51' 00"	105° 11' 03"	F-48-55-A
thôn Đồng Quân	DC	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 51' 12"	105° 09' 14"					F-48-55-A
thôn Ghềnh Gà	DC	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 51' 05"	105° 10' 26"					F-48-55-A
thôn Hòn Lau	DC	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 53' 06"	105° 10' 11"					F-48-55-A
thôn Hòn Vang	DC	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 54' 18"	105° 10' 12"					F-48-55-A
thôn Hồng Thái	DC	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 53' 58"	105° 10' 41"					F-48-55-A
cầu Lang Quán	KX	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 51' 36"	105° 08' 50"					F-48-55-A
khe Lau	TV	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn			21° 53' 08"	105° 10' 33"	21° 54' 04"	105° 10' 48"	F-48-55-A
sông Lô	TV	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn			21° 54' 15"	105° 11' 27"	21° 51' 07"	105° 11' 09"	F-48-55-A
thôn Nghĩa Trung	DC	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 51' 42"	105° 09' 15"					F-48-55-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phố Lang Quán	DC	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 51' 46"	105° 08' 32"					F-48-55-A
thôn Phú Thịnh	DC	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 52' 05"	105° 08' 38"					F-48-55-A
hồ Phú Thịnh	TV	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 52' 16"	105° 08' 54"					F-48-55-A
thôn Tân Thắng	DC	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 52' 20"	105° 10' 52"					F-48-55-A
thôn Thắng Quân	DC	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 52' 52"	105° 10' 40"					F-48-55-A
thôn Tiền Phong	DC	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 51' 15"	105° 09' 54"					F-48-55-A
thôn Trầm Ân	DC	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 52' 20"	105° 08' 27"					F-48-55-A
thôn Văn Lập	DC	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 52' 00"	105° 10' 55"					F-48-55-A
thôn Yên Thắng	DC	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 51' 27"	105° 10' 46"					F-48-55-A
hồ Yên Thắng	TV	xã Thắng Quân	H. Yên Sơn	21° 51' 49"	105° 11' 02"					F-48-55-A
thôn Cà	DC	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn	21° 46' 37"	105° 19' 27"					F-48-55-B-c
thôn Cả	DC	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn	21° 44' 27"	105° 21' 29"					F-48-55-D-a
ngòi Cái	TV	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn			21° 47' 27"	105° 21' 18"	21° 47' 20"	105° 18' 55"	F-48-55-B-c
thôn Đèo Trám	DC	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn	21° 46' 41"	105° 22' 11"					F-48-55-B-c
thôn Đèo Tượng	DC	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn	21° 45' 36"	105° 21' 24"					F-48-55-B-c
thôn Dùng	DC	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn	21° 45' 12"	105° 20' 44"					F-48-55-B-c
thôn Gia	DC	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn	21° 46' 10"	105° 18' 51"					F-48-55-B-c
khe Lạc	TV	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn			21° 46' 53"	105° 20' 16"	21° 46' 26"	105° 19' 53"	F-48-55-B-c
khe Lan	TV	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn			21° 46' 39"	105° 21' 07"	21° 45' 56"	105° 20' 13"	F-48-55-B-c
thôn Ngòi Cái	DC	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn	21° 47' 49"	105° 20' 21"					F-48-55-B-c
thôn Phúc Ninh	DC	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn	21° 46' 50"	105° 18' 59"					F-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
trại giam Quyết Tiến	KX	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn	21° 46' 16"	105° 18' 29"					F-48-55-B-c
thôn Rạp	DC	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn	21° 47' 12"	105° 18' 16"					F-48-55-B-c
suối Rạp	TV	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn			21° 47' 20"	105° 18' 55"	21° 46' 46"	105° 17' 25"	F-48-55-B-c
suối Soan	TV	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn			21° 46' 26"	105° 19' 53"	21° 45' 55"	105° 18' 05"	F-48-55-B-c
thôn Tân Biên 1	DC	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn	21° 46' 35"	105° 18' 00"					F-48-55-B-c
thôn Tân Biên 2	DC	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn	21° 46' 38"	105° 18' 14"					F-48-55-B-c
thôn Thủ Ý	DC	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn	21° 45' 42"	105° 20' 34"					F-48-55-B-c
đèo Trám	SV	xã Tiến Bộ	H. Yên Sơn	21° 46' 16"	105° 21' 49					F-48-55-B-c
thôn Bản Pài	DC	xã Trung Minh	H. Yên Sơn	21° 59' 22"	105° 29' 06"					F-48-55-B
thôn Bản Pình	DC	xã Trung Minh	H. Yên Sơn	21° 57' 59"	105° 30' 57"					F-48-56-A
thôn Bản Ruộng	DC	xã Trung Minh	H. Yên Sơn	22° 00' 38"	105° 29' 21"					F-48-43-D
núi Dài Khao	SV	xã Trung Minh	H. Yên Sơn	21° 57' 19"	105° 31' 28"					F-48-56-A
núi Khau Chang	SV	xã Trung Minh	H. Yên Sơn	21° 56' 20"	105° 30' 07"					F-48-56-A
núi Khau Da	SV	xã Trung Minh	H. Yên Sơn	21° 58' 48"	105° 27' 45"					F-48-55-B
suối Khau Lầm	TV	xã Trung Minh	H. Yên Sơn			21° 57' 53"	105° 29' 37"	21° 55' 03"	105° 28' 45"	F-48-55-B
núi Khau Quầy	SV	xã Trung Minh	H. Yên Sơn	21° 58' 39"	105° 31' 29"					F-48-56-A
thôn Khuổi Bốc	DC	xã Trung Minh	H. Yên Sơn	21° 59' 04"	105° 29' 13"					F-48-55-B
thôn Khuôn Nà	DC	xã Trung Minh	H. Yên Sơn	21° 57' 23"	105° 30' 31"					F-48-56-A
thôn Minh Lợi	DC	xã Trung Minh	H. Yên Sơn	21° 55' 30"	105° 28' 59"					F-48-55-B
thôn Vàng Ngược	DC	xã Trung Minh	H. Yên Sơn	21° 58' 31"	105° 30' 41"					F-48-56-A
thôn Vàng On	DC	xã Trung Minh	H. Yên Sơn	21° 57' 33"	105° 32' 11"					F-48-56-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 1	DC	xã Trung Môn	H. Yên Sơn	21° 48' 58"	105° 09' 28"					F-48-55-A
thôn 2	DC	xã Trung Môn	H. Yên Sơn	21° 49' 17"	105° 09' 44"					F-48-55-A
thôn 3	DC	xã Trung Môn	H. Yên Sơn	21° 49' 16"	105° 10' 07"					F-48-55-A
thôn 4	DC	xã Trung Môn	H. Yên Sơn	21° 49' 31"	105° 10' 33"					F-48-55-A
thôn 5	DC	xã Trung Môn	H. Yên Sơn	21° 50' 03"	105° 10' 21"					F-48-55-A
thôn 6	DC	xã Trung Môn	H. Yên Sơn	21° 49' 40"	105° 09' 59"					F-48-55-A
thôn 7	DC	xã Trung Môn	H. Yên Sơn	21° 49' 53"	105° 10' 10"					F-48-55-A
thôn 8	DC	xã Trung Môn	H. Yên Sơn	21° 50' 08"	105° 10' 03"					F-48-55-A
thôn 9	DC	xã Trung Môn	H. Yên Sơn	21° 50' 18"	105° 09' 49"					F-48-55-A
thôn 10	DC	xã Trung Môn	H. Yên Sơn	21° 50' 34"	105° 10' 06"					F-48-55-A
thôn 11	DC	xã Trung Môn	H. Yên Sơn	21° 50' 46"	105° 09' 42"					F-48-55-A
thôn 12	DC	xã Trung Môn	H. Yên Sơn	21° 50' 57"	105° 10' 07"					F-48-55-A
thôn 13	DC	xã Trung Môn	H. Yên Sơn	21° 50' 46"	105° 10' 26"					F-48-55-A
thôn 14	DC	xã Trung Môn	H. Yên Sơn	21° 50' 33"	105° 10' 53"					F-48-55-A
thôn 15	DC	xã Trung Môn	H. Yên Sơn	21° 49' 05"	105° 10' 00"					F-48-55-A
hồ Bờ Cải	TV	xã Trung Môn	H. Yên Sơn	21° 50' 08"	105° 10' 16"					F-48-55-A
ngòi Con	TV	xã Trung Môn	H. Yên Sơn			21° 50' 30"	105° 09' 41"	21° 50' 21"	105° 11' 04"	F-48-55-A
hồ Khuôn Lâm	TV	xã Trung Môn	H. Yên Sơn	21° 50' 39"	105° 09' 24"					F-48-55-A
suối Ngòi Là	TV	xã Trung Môn	H. Yên Sơn			21° 49' 26"	105° 09' 21"	21° 50' 21"	105° 11' 04"	F-48-55-A
hồ Ngòi Là 2	TV	xã Trung Môn	H. Yên Sơn	21° 48' 47"	105° 08' 56"					F-48-55-A
quốc lộ 2C	KX	xã Trung Sơn	H. Yên Sơn			21° 51' 52"	105° 22' 25"	21° 52' 00"	105° 25' 40"	F-48-55-B
thôn Bản Giáng	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Sơn	21° 56' 10"	105° 24' 47"					F-48-55-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Cướm	TV	xã Trung Sơn	H. Yên Sơn			21° 55' 54"	105° 24' 14"	21° 52' 34"	105° 26' 02"	F-48-55-B
thôn Đồng Mộc	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Sơn	21° 54' 25"	105° 23' 54"					F-48-55-B
thôn Đức Uy	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Sơn	21° 52' 23"	105° 23' 17"					F-48-55-B
thôn Khuân Cướm	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Sơn	21° 53' 53"	105° 23' 53"					F-48-55-B
công ty Lâm nghiệp Yên Sơn	KX	xã Trung Sơn	H. Yên Sơn	21° 52' 50"	105° 25' 27"					F-48-55-B
thôn Làng Chạp	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Sơn	21° 53' 28"	105° 26' 13"					F-48-55-B
thôn Nà Đỏng	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Sơn	21° 52' 52"	105° 24' 33"					F-48-55-B
thôn Nà Ho	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Sơn	21° 52' 36"	105° 25' 10"					F-48-55-B
núi Oai	SV	xã Trung Sơn	H. Yên Sơn	21° 51' 54"	105° 23' 42"					F-48-55-B-d
thôn Thâm Quang	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Sơn	21° 53' 15"	105° 24' 14"					F-48-55-B
thôn 1	DC	xã Trung Trực	H. Yên Sơn	21° 55' 47"	105° 16' 57"					F-48-55-B
thôn 3	DC	xã Trung Trực	H. Yên Sơn	21° 56' 58"	105° 17' 01"					F-48-55-B
thôn 4	DC	xã Trung Trực	H. Yên Sơn	21° 57' 26"	105° 17' 06"					F-48-55-B
thôn 5	DC	xã Trung Trực	H. Yên Sơn	21° 58' 22"	105° 16' 42"					F-48-55-B
thôn 6	DC	xã Trung Trực	H. Yên Sơn	21° 58' 57"	105° 16' 37"					F-48-55-B
Đồng Tường	DC	xã Trung Trực	H. Yên Sơn	21° 58' 26"	105° 16' 52"					F-48-55-B
suối Khuôn Sải	TV	xã Trung Trực	H. Yên Sơn			21° 58' 50"	105° 15' 32"	21° 58' 52"	105° 16' 43"	F-48-55-B
núi Làng Tam	SV	xã Trung Trực	H. Yên Sơn	21° 58' 45"	105° 14' 50"					F-48-55-A
suối Trung Trực	TV	xã Trung Trực	H. Yên Sơn			21° 57' 16"	105° 17' 11"	21° 59' 31"	105° 16' 59"	F-48-55-B
quốc lộ 2	KX	xã Tứ Quận	H. Yên Sơn			21° 55' 22"	105° 08' 06"	21° 52' 45"	105° 08' 00"	F-48-55-A
thôn 11	DC	xã Tứ Quận	H. Yên Sơn	21° 53' 08"	105° 08' 02"					F-48-55-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bình Ca	DC	xã Tứ Quận	H. Yên Sơn	21° 54' 23"	105° 08' 52"					F-48-55-A
thôn Cầu Trôi	DC	xã Tứ Quận	H. Yên Sơn	21° 52' 54"	105° 07' 58"					F-48-55-A
thôn Cây Nhãn	DC	xã Tứ Quận	H. Yên Sơn	21° 54' 09"	105° 06' 45"					F-48-55-A
thôn Dàm	DC	xã Tứ Quận	H. Yên Sơn	21° 54' 28"	105° 07' 24"					F-48-55-A
thôn Đồng Cầu	DC	xã Tứ Quận	H. Yên Sơn	21° 53' 17"	105° 08' 09"					F-48-55-A
thôn Đồng Trằm	DC	xã Tứ Quận	H. Yên Sơn	21° 52' 54"	105° 08' 19"					F-48-55-A
thôn Đồng Trò	DC	xã Tứ Quận	H. Yên Sơn	21° 53' 21"	105° 06' 07"					F-48-55-A
thôn Hồng Quân	DC	xã Tứ Quận	H. Yên Sơn	21° 53' 50"	105° 09' 03"					F-48-55-A
Khe Côn	DC	xã Tứ Quận	H. Yên Sơn	21° 54' 26"	105° 09' 46"					F-48-55-A
thôn Khe Đảng	DC	xã Tứ Quận	H. Yên Sơn	21° 52' 33"	105° 06' 45"					F-48-55-A
núi Khe Đảng	SV	xã Tứ Quận	H. Yên Sơn	21° 52' 18"	105° 05' 47"					F-48-55-A
Kim Ngọc	DC	xã Tứ Quận	H. Yên Sơn	21° 55' 38"	105° 09' 20"					F-48-55-A
thôn Lảm	DC	xã Tứ Quận	H. Yên Sơn	21° 55' 01"	105° 08' 44"					F-48-55-A
đội Lâm nghiệp 16	DC	xã Tứ Quận	H. Yên Sơn	21° 54' 19"	105° 08' 24"					F-48-55-A
thôn Lương	DC	xã Tứ Quận	H. Yên Sơn	21° 55' 15"	105° 08' 14"					F-48-55-A
thôn Nhùng	DC	xã Tứ Quận	H. Yên Sơn	21° 54' 52"	105° 07' 29"					F-48-55-A
đường tỉnh 185	KX	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn			21° 58' 56"	105° 13' 12"	21° 55' 01"	105° 12' 23"	F-48-43-D
thôn An Lạc	DC	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn	21° 56' 48"	105° 13' 13"					F-48-55-A
khe Đát	TV	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn			21° 57' 49"	105° 14' 52"	21° 57' 13"	105° 13' 37"	F-48-55-A
thôn Đèo Mủng	DC	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn	21° 55' 41"	105° 13' 54"					F-48-55-A
thôn Đô Thượng	DC	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn	21° 56' 17"	105° 14' 25"					F-48-55-A
thôn Đô Thượng 2	DC	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn	21° 56' 07"	105° 15' 07"					F-48-55-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Dòi	TV	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn			21° 58' 03"	105° 15' 23"	21° 57' 07"	105° 13' 37"	F-48-55-A
thôn Đồng Dài	DC	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn	21° 56' 56"	105° 14' 40"					F-48-55-A
suối Đồng Dài	TV	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn			21° 56' 15"	105° 14' 42"	21° 55' 41"	105° 13' 33"	F-48-55-A
thôn Đồng Tày	DC	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn	21° 57' 59"	105° 13' 28"					F-48-55-A
thôn Khuân Khán	DC	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn	21° 57' 40"	105° 14' 14"					F-48-55-A
thôn Lương Trung	DC	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn	21° 58' 28"	105° 13' 37"					F-48-55-A
thôn Soi Hà	DC	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn	21° 58' 55"	105° 12' 35"					F-48-55-A
thôn Sơn Hạ 1	DC	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn	21° 55' 58"	105° 14' 17"					F-48-55-A
thôn Sơn Hạ 2	DC	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn	21° 55' 56"	105° 13' 52"					F-48-55-A
thôn Sơn Hạ 3	DC	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn	21° 55' 49"	105° 13' 34"					F-48-55-A
thôn Sơn Hạ 4	DC	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn	21° 56' 08"	105° 13' 32"					F-48-55-A
thôn Tân Sơn 1	DC	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn	21° 56' 44"	105° 12' 49"					F-48-55-A
thôn Tân Sơn 2	DC	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn	21° 56' 38"	105° 12' 28"					F-48-55-A
thôn Vân Giang	DC	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn	21° 57' 04"	105° 13' 24"					F-48-55-A
suối Voi	TV	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn			21° 55' 39"	105° 14' 23"	21° 55' 41"	105° 13' 33"	F-48-55-A
thôn Vông Vàng 1	DC	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn	21° 55' 38"	105° 12' 01"					F-48-55-A
thôn Vông Vàng 2	DC	xã Xuân Vân	H. Yên Sơn	21° 56' 14"	105° 12' 28"					F-48-55-A

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng